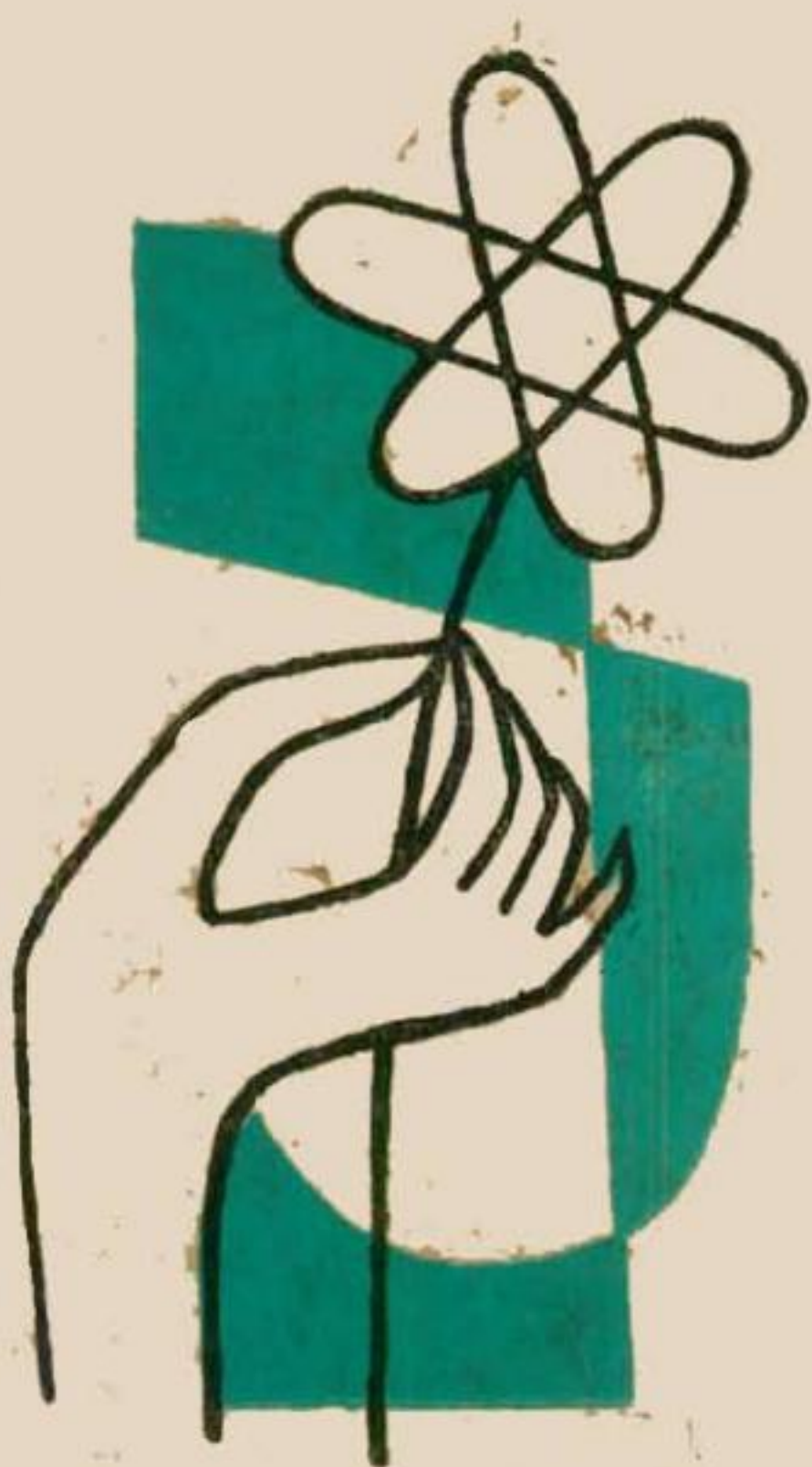


GIẢI PHẨM

BÁCH KHOA



D

384

TỪ MINH • HỒ
HỒ HỮU TƯỜNG
• VÕ PHIÊN •

THÍCH NHẤT HẠNH • THÍCH
HUYỀN QUANG • VÕ TIẾN
PHÚC • TOÀN ÁNH • VÕ
HOÀNG CHƯƠNG • BÙI HỮU
SÙNG • TRẦN BÌNH Ý • JEAN
RICARDOU • NGUYỄN VĂN
XUÂN • MANG VIÊN LONG •
ĐẠM NHƯ • VÕ VĂN LÊ • TỬ
DIỆP • TRẦN THIÊN • THỦ THỦY
*Chuyện văn nghệ kinh dị của Vũ
Hoàng Chương • Cách đọc truyện
Cơ cấu và một truyện Cơ cấu.*

MỤC LỤC TỪ 373 - 384

BÁCH-KHOA

160 Phan Đình Phùng Saigon

Chủ trương : LÊ NGỘ CHÂU

Bài vở : TÔN THẤT HÀM

Tiền bạc : NGHIÊM NGỌC HUÂN
NGUYỄN HUY NHÂN

GIÁ MUA DÀI HẠN

SÁU THÁNG
MỘT NĂM

870đ.

1700đ.

* Cao Nguyên và Miền Trung : thêm cước phí máy bay một năm : 200đ.

* Ngoại quốc đường thủy : thêm cước phí một năm : 400đ

* Ngoại quốc đường hàng không, mỗi số :

Gửi đi Ai-lao	: 30đ.	Gửi đi Úc, Tích-lan v.v...	: 130đ
— Kampuchia	: 20đ.	— Pháp	: 160đ
— Đông-Nam-Á (Hồng-kông, Đài-loan, Thái-lan v.v...)	: 40đ.	— Âu-châu (trừ Pháp, Bắc Phi-châu, Đại-dương-châu :	175đ
— Nhật-bản, Đại-hàn, Ấn-độ, Hồi-quốc	: 90đ.	— Hoa-kỳ, Gia-nã-đại	: 210đ

* Chi phiếu, bưu phiếu, xin đề tên ông Lê-Ngộ-Châu 160 Phan Đình Phùng Saigon, bưu chi phiếu xin gửi Trương mục 27-46, Bách Khoa Thời Đại Trung Khu Saigon.

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

1 trang giấy mẫu	:	mỗi kỳ	:	6000đ
1/2 trang giấy mẫu	:	mỗi kỳ	:	4000đ
oOo				
1 trang trong	:	mỗi kỳ	:	5000đ
1/2 trang trong	:	mỗi kỳ	:	2500đ
1/4 trang trong	:	mỗi kỳ	:	1300đ

Muốn đăng quảng cáo từ 6 tháng trở lên có giá đặc biệt, xin liên lạc với Ty Quản lý Bách Khoa, 160 Phan-đình-Phùng Saigon. Đ.T. 25.539.

B Á C H K H O A

Kiểm duyệt số 329 BTT/PHNT/GPĐS

Ngày 28-12-1972

D:

TỪ MINH <i>hội nghị an ninh và hợp tác Âu-châu tại Helsinki</i>	05
HỒ HỮU TƯỜNG <i>về tên đúng của Sương Nguyệt Anh</i>	15
VÔ PHIẾN <i>Sa-kê</i>	20
THÍCH NHẤT HẠNH, THÍCH HUYỀN QUANG <i>đạo Phật và sự sống</i>	23
VÔ TIẾN PHÚC <i>những phát giác kỳ dị chung quanh cuốn : Chinh phụ ngâm diễn âm Tân khúc</i>	33
TOAN ÁNH <i>góp ý kiến với Ô. Vô Phiến về bài « Mẹ bằng con »</i>	43
VŨ HOÀNG CHƯƠNG <i>Buổi họp bất thường (tùy bút)</i>	47
BÙI HỮU SÙNG <i>một quan niệm mới về tiểu thuyết : thử đọc một truyện ngắn cơ-cấu</i>	51
JEAN RICARDOU <i>một cuộc dạo chơi trắc trở (truyện ngắn do TRẦN ĐÌNH Ý dịch)</i>	57
NGUYỄN VĂN XUÂN <i>giọt máu rơi của Nguyễn Công Trứ (Gia thoại một thời)</i>	65
MANG VIÊN LONG <i>Dì Lucia (truyện ngắn)</i>	67
SINH HOẠT	
TỬ DIỆP <i>thời sự khoa học</i>	72
THU THỦY <i>thời sự văn nghệ</i>	73
VĂN THANH <i>trình bày bìa</i>	
MỤC LỤC BỘ MÔN TỪ SỐ 373 ĐẾN SỐ 384	74

Chủ trương : LÊ NGỘ CHÂU

In tại nhà in TRÍ ĐĂNG
21, Nguyễn Thiện Thuật—Saigon

Địa chỉ : 160, Phan Đình Phùng Saigon

Giá : 80 Công sở : 160\$

Điện thoại : 25.539

H.T. 339 Saigon

Cao Nguyên và Miền Trung
cước phí máy bay 8đ. mỗi số

Sách nhận được trước 1-1-1973

Bách-Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc :

— *L'expérience poétique et l'itinéraire spirituel de Hàn-Mặc-Tử* của Võ Long Tê, trích trong tập-san của Hội Nghiên cứu Đông Dương, số 4 năm 1972. Sách viết bằng Pháp ngữ gồm 3 phần lớn : nhà thơ, cuộc đời và tác phẩm ; nghệ thuật và đức tin ; nhà thơ công giáo. Tiếp theo là bản dịch — có nguyên tác đối chiếu — 16 bài thơ của Hàn Mặc Tử do tác giả chọn lựa và chú thích. Có kèm theo hình vẽ Hàn Mặc Tử của Tạ Ty, chữ ký và mộ phần của nhà thơ tại Bình Định. Giá 500đ.

— *Symphonie orientale*, tập thơ bằng Pháp ngữ của Võ Long Tê, do Tư Duy xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 60 trang, khổ lớn, gồm 40 bài thơ, trình bày trang nhã, tranh bìa «Cỏ kim soi bóng» của Lê Yên. Giá 800đ.

— *Công dân áo gấm* : Henry Cabot Lodge của Lê Tử Hùng, do Đồng Nai xuất bản và gửi tặng. Sách dày 136 trang, trình bày «Công dân áo gấm Lodge đi vào lịch sử Việt nam với nhiều thủ đoạn khuynh đảo, vắt chanh bỏ vỏ Chính khách, Tướng lãnh». Giá 250đ.

— *Hình như là tình yêu* tập truyện của Hoàng Ngọc Tuấn, do Trí Đăng xuất bản và gửi tặng. Sách dày 190 trang, in lần thứ 2, gồm 5 truyện ngắn đặc sắc, có phụ lục : Bách-Khoa nói chuyện với Hoàng Ngọc Tuấn và

Nguyễn Nhật Duật đọc «Hình như là tình yêu». Giá 270đ.

— *Chiếc cầu trên sông Drina*, nguyên tác của Ivo Andrić, Giải Nobel 1961, bản dịch của Nguyễn Hiến Lê, do Trí Đăng xuất bản và gửi tặng. Sách dày 426 trang, phiên dịch công phu, gồm 24 chương có tóm tắt đại ý mỗi chương, và Lược sử về Bosnie - Herzégovine và Serbie cùng giải thích những danh từ Thổ-nhĩ-kỳ và Bosnie có ghi trong sách. Tranh bìa của Đinh Cường. Giá 140đ.

— *Tình yêu và màu da*, nguyên tác : «Too late the Plalarop» của Alan Paton, bản dịch của Hoài Khanh, do Cadao xuất bản và dịch giả gửi tặng. Sách dày 140 trang, in lần thứ ba, phiên dịch tận tâm, có giải thích danh từ Nam-Phi trong sách. Giá 500đ.

— *Rừng dậy men mùa tập thơ* của Đông Trình, do Đối Diện xuất bản và gửi tặng. Sách dày 76 trang gồm 27 bài thơ mới nhất của tác giả, cùng 4 bài do Tôn Thất Lan và Trần Đình Quân phổ nhạc. Bản đặc biệt. Tranh bìa của họa sĩ Đỗ Toàn

— *Thơ Du Tử Lê*, do Gìn Vàng Giữ Ngọc xuất bản và tác giả gửi tặng. Thi phẩm thứ 4 của tác giả được xuất bản dày 160 trang gồm 38 bài thơ từ 1967 đến 1972. Ba bài do các nhạc sĩ Phạm Duy, Từ Công Phụng và Phạm Đình Chương phổ nhạc ; Bìa Hạ Quốc Huy, Phụ bản Tạ Ty. Bản đặc biệt.

— *Điệu buồn của chúng ta* tập thơ của Hồ Thúc Sinh do Khai Phá xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 84 trang, gồm 24 bài thơ, trình bày đẹp. Giá 250đ.

Hội-nghị an-ninh và hợp-tác Âu-châu tại Helsinki

Ngày 22-11-1972 vừa qua tại Helsinki, Thủ-đô Phần-lan, các Đại-sứ của 32 quốc-gia Âu-châu, lớn có nhỏ có, cộng sản có, tư bản có, đã cùng với các Đại sứ Hoa-kỳ và Gia-nã-đại nhóm họp phiên đầu tiên để chuẩn bị một hội nghị cao cấp hơn về An-ninh và Hợp-tác Âu-châu. Đây chỉ là một loại «tiền hội-nghị» nhưng triệu tập được một lúc 34 ông Đại-sứ để bàn về tương lai một lục địa có tiếng là chia rẽ là cả một hiện-tượng chính-trị mới lạ chỉ xảy ra khoảng 160 năm một lần!

Thật vậy các nhà sử học mỗi khi được đặt trước một sự-kiện chính-trị nào là luôn luôn vội vã đi tìm một tiền-lệ. Trước Hội-nghị Helsinki họ đã phải đi ngược dòng lịch sử lên tới năm 1815 mới thấy một hội-nghị tương tự là Đại-hội Vienne và năm

1648 với Hội-nghị Wesphalie. Một hội-nghị rộng lớn như Hội nghị Helsinki chỉ có thể được thực hiện nhờ tình trạng hòa dịu trên thế giới hiện nay và nhờ thái độ tương đối hòa hoãn hơn của Điện Cầm-linh từ vài năm qua.

AN-NINH ÂU-CHÂU VÀ TÌNH-TRẠNG HÒA-DỊU QUỐC-TẾ

Sau trên 1/4 thế-kỷ thù nghịch, căng thẳng, hòa-bình võ trang, người ta bắt đầu thấy các quốc-gia Âu-châu tính chuyện hòa-giải. Nếu người ta nhìn lại lịch sử lục địa này vào lúc cuộc Đệ nhị thế-chiến vừa chấm dứt, người ta không khỏi ngạc nhiên trước cảnh tượng 34 vị Đại-sứ đều có mặt tại phòng khánh tiết của Câu lạc bộ sinh viên trường Đại học Otaniemi cách thủ đô Helsinki 9 cây số. Thật vậy, dựa vào sự chia cắt đất đai tại hội-nghị Yalta vào tháng 2-1945, giữa Tổng-Thống Hoa kỳ Franklin Roosevelt và Lãnh-tụ Nga-sô Staline, quân đội đồng minh Anh-Mỹ đã chiếm phân nửa Âu-châu về phía Tây và hồng-quân Nga-sô đã chiếm phân nửa lục-địa này về phía Đông. Tại những quốc-gia bị

quân Nga chiếm đóng, các quốc gia Đông và Trung-Âu. Các chính-phủ Cộng-sản đã liên tiếp được thiết lập. Lần lượt Đông Đức, Albanie, Lỗ-ma-ni, Hung-gia-lợi, Bào-gia-lợi và Tiệp-khắc đã rơi vào tay phe Cộng-sản.

Tại các quốc-gia Tây-Âu, như Pháp và Ý, vào cuối thập-niên 1940, đầu thập-niên 1950, mối đe dọa Cộng-sản đã lớn hơn bao giờ hết. Năm 1948, qua các cuộc biểu-tình của thợ-thuyền có tính cách nội-loạn, có lúc người ta đã tưởng rằng phe Cộng-sản sắp thành công trong việc cướp chính-quyền tại Pháp và Ý. Các quốc-gia Tây-Âu và các quốc-gia Bắc Mỹ đã thành lập Minh-ước Bắc Đại-tây-dương để ngăn chặn bước tiến của phe

Cộng-sản ở Âu-châu. Phe Cộng-sản Đông Âu dưới sự lãnh-đạo của Nga xô đã phản-ứng lại bằng cách thành lập Minh-ước Varsovie. Với sự thành hình của hai lực-lượng hùng-hậu, và nhất là với sự hiện diện của quân đội Mỹ đồn trú tại Âu-châu, phe Cộng-sản không còn hy vọng bành trướng về phía Tây. Nhưng cũng vì vậy mà Âu-châu bị chia làm 2 khối đối nghịch trực tiếp đương đầu với nhau.

Tuy không có chiến-tranh nhưng từ trên 1/4 thế-kỷ hai lực lượng Đông và Tây-Âu sống trong một nền hòa-bình võ-trang. Tình-trạng này được các nhà báo gọi là một cuộc chiến-tranh-lạnh. Biết rằng ngày nào mà tình-hình an-ninh Âu-châu còn bấp bênh thì sự hợp-tác giữa các quốc-gia Âu-châu chỉ là một ảo-tưởng. Vì vậy mà ngay từ khi các khối phòng-thủ quân sự vừa thành lập, các quốc-gia Âu-châu, bằng lễ này hay lễ khác, đã cố gắng tìm cách tài binh. Ngay từ tháng 2-1954 tại Hội-nghị tứ-cường ở Bá-linh, Ngoại-trưởng Nga, Molotov, đã đề nghị các quốc-gia Âu-châu ký một « Hiệp-ước an-ninh tập thể tại Âu-châu. »

Theo đề nghị của Molotov thì chỉ có các nước Âu-châu mới được quyền tham-dự Hiệp-ước này, Hoa-kỳ và Trung-Cộng chỉ được giữ vai trò quan-sát-viên.

Thật ra thì đề-nghị của Molotov chỉ nhằm mục-đích loại Mỹ ra khỏi đời sống chính-trị Âu-châu. Nếu Mỹ bị loại thì Minh-ước Bắc Đại-tây-

dương hết mọi hiệu lực và Nga-sô dễ dàng thôn tính Tây Âu. Vì vậy mà dự-án của Molotov chẳng được một nước Tây-Âu nào đồng ý.

Mười năm về sau, với chính-sách « Sống chung hòa-bình » bắt đầu được đẩy mạnh, ông Rapocki, Bộ-trưởng Ngoại-giao Ba-lan, thấy đã đến lúc lấy tư tưởng của Molotov đem ra sào nấu lại. Tháng 9-1964, trước Đại Hội - đồng Liên - hiệp - quốc, Rapocki đã đưa ra đề-nghị triệu-tập một « Hội - nghị của Âu - châu về an ninh ». Tuy đề nghị này do một nước Cộng-sản đưa ra, nhưng mục đích chính của đề nghị không phải là gạt Mỹ ra khỏi Âu-châu mà lại chính là đề giới hạn quyền lãnh đạo của Nga trong khối Cộng-sản. Thật vậy, ta không nên quên rằng năm 1956 Nga đã can thiệp vào nội bộ Ba-lan để bẻ gãy mọi mưu toan Dân-chủ-hóa tại nước này. Cũng trong năm 1956 Nga đã không ngần ngại đưa quân tràn vào Hung-gia-lợi để đàn áp chính quyền của Imre Nagy, khi ông này đang tìm cách tự-do-hóa chế độ của Hung.

Tháng 9-1966 các quốc-gia hội viên của Minh ước Varsovie lại một lần nữa kêu gọi tổ chức một hội nghị Liên Âu (Pan européen) để thảo luận về vấn đề an ninh. Năm 1967 tại Đại hội các Cộng đảng Âu-châu nhóm tại Karlovy-Vary người ta lại đưa ra lời kêu gọi tương tự. Tuy nhiên phe Cộng-sản luôn luôn nhấn mạnh rằng đây chỉ là một vấn đề nội bộ của Âu-châu và Hoa-kỳ không có lý do gì để tham gia.

Về phía Tây-phương, vì người ta hiểu rõ âm mưu của phe Cộng-sản nên tất cả các nước hội viên của Minh-ước Bắc Đại-tây-dương đều không trả lời.

Mãi đến năm 1969, Hội Đồng minh ước Bắc Đại-tây-dương mới lên tiếng đề đòi người ta phải chuẩn bị kỹ càng trước khi đi tới một hội nghị Liên-Âu.

Phần-lan, vì muốn đóng vai trò trọng tài giữa hai phe Cộng-sản và Tư-bản, nên đã trở thành một gạch nối giữa hai bên. Ông Enckell nhận được chỉ-thị đi thăm dò các nước Âu-châu, Gia-nã-đại, và Hoa-kỳ. Nhưng các hoạt động của Phần-lan không đem lại kết quả khả quan.

Bước sang thập niên 1970, hai sự kiện quan-trọng khiến cho một hội-nghị an-ninh Âu-châu thành hình. Trước hết là chính sách xích lại phe Cộng-sản của ông Willy Brandt, Thủ tướng Tây-Đức : Cuối năm 1969 lần đầu tiên một chính phủ của đảng Dân-chủ Xã-hội được thành lập tại Tây-Đức dưới quyền lãnh đạo của Willy Brandt. Ngay vừa mới ngồi vào ghế Thủ-

tướng, ông Brandt đã thương thuyết ngay với Nga để ký một thoả-hiệp hợp tác và bất tương xâm. Hiệp ước này được ký vào mùa hè 1970. Sau đó ông Willy Brandt lại còn ký với Ba-lan một hiệp ước tương tự. Cuối năm nay ông còn đi xa hơn nữa bằng cách ký với Đông-Đức một hiệp-ước bình-thường-hóa bang giao giữa hai bên. Các hoạt động của ông Brandt đã làm cho tình trạng căng thẳng ở Âu-châu càng ngày càng tan biến khiến sự hiện diện của các liên-minh quản-trị hết còn cần thiết.

Sau chính sách của ông Brandt người ta còn phải kể tới chính-sách xích lại phe Cộng-sản của Tổng-Thống Hoa-kỳ Richard Nixon. Trong năm 1972 ông đã làm một việc không tiền khoáng hậu là sang Bắc-kinh vào tháng 2 và sang Mạc-tư-khoa vào tháng 5. Tại Mạc-tư-khoa, Nixon còn ký với ông Brejnev thỏa hiệp giới-hạn các vũ khí nguyên tử.

Trong khuôn khổ hòa dịu (détente) quốc-tế này, một hội nghị Liên-Âu với sự tham dự của Hoa kỳ và Gia-nã-đại đã trở thành sự thật.

HỢP-TÁC ÂU-CHÂU VÀ MƯU ĐÒ CỦA ĐIỆN CẢM LINH

Với sự vận động tích cực của Phần-lan, 34 quốc gia Âu-Mỹ đã chấp thuận đưa nhau tới bàn hội nghị. Để đi tới hội nghị cấp Tổng-trưởng hay hơn nữa một hội nghị thượng đỉnh, người ta đã tỏ ra hết sức thận trọng trong việc chuẩn bị. Theo lời đề-nghị của Phần-lan các Đại sứ của 34

quốc gia sẽ gặp nhau từ ngày 22-11-1972 để nghiên cứu các thủ tục làm việc, chương trình nghị-sự và thời-biêu của Hội nghị.

Đề chắc ăn hơn, người ta đã giao cho các nhà ngoại giao chuyên nghiệp, xử dụng những kỹ thuật ngoại giao cổ truyền, công việc tiếp xúc sơ khởi.

Nhưng vì dùng phương pháp ngoại giao cổ truyền, người ta đã phải chứng kiến nhiều cảnh khôi hài khi các ông ngoại giao nhà nghề cãi nhau về ngôi thứ của họ tại Hội nghị. Lúc đầu chính phủ Phần lan đề nghị các vị đại-diện ngồi theo mẫu tự Anh. Nhưng Tây Đức không chịu dùng danh xưng Federal Republic of Germany mà chỉ dùng chữ Germany mà thôi. Vì như vậy là chính phủ Tây Đức một mình được coi như có chủ quyền trên toàn lãnh thổ Đức quốc kể cả Đông Đức. Nhưng như vậy thì Đông Đức lại phản đối om sòm. Người ta đề nghị dùng mẫu tự Pháp thì cả hai đều bằng lòng, tuy rằng dùng tiếng Pháp chữ République Fédérale d'Allemagne cũng không khác gì chữ Federal Republic of Germany. Chỉ có người Pháp là khoái trá vì Hội nghị đã dùng mẫu tự của họ. Nhưng khi dùng mẫu tự Pháp thì Anh quốc lại đòi cho kỳ được danh xưng «Grande Bretagne» chứ không chịu tên «Royaume-Uni» tuy rằng khi dùng mẫu tự Anh thì Anh quốc sẵn sàng chấp nhận danh xưng «United Kingdom». Sở dĩ có sự đòi hỏi này là vì nếu là Grande Bretagne thì Anh được xếp hạng trên, giữa Pháp (France) và Hy-lạp (Grèce) chứ nếu dùng Royaume Uni thì Anh phải ngồi dưới Lỗ-mã-ni (Roumanie) và Saint Marin là hai nước nhỏ. Rút cục lại chỉ khổ cho ông nghi-lễ !

Trong 34 nước tham dự có những nước lớn như Mỹ và Nga, nhưng cũng có những nước nhỏ xíu như Monaco hay Saint-Marin hay Liechtenstein chỉ rộng có ba bốn cây số vuông và có vài

ngàn dân cư. Vậy mà ngay từ phiên họp đầu, Lỗ-mã-ni đã đưa ra đề nghị là các quốc gia đều được hoàn toàn bình đẳng, không một quốc gia nào được toàn quyền quyết định lộ cho một quốc gia khác.

Thái độ của Lỗ-mã-ni đã làm cho phái đoàn Nga bức tức vì lúc mà Nga cần có một khối Cộng-sản Đông-Âu đoàn kết làm hậu thuẫn thì Lỗ-mã-ni lại có thái độ phản phé. Ngoài ra người ta còn thấy Ba-lan lăm le đòi hội nghị đưa ra một «tuyên cáo không sử dụng vũ lực» để ngăn chặn thuyết «chủ quyền hạn chế» của ông Brejnev. Ông Brejnev đã đưa ra chủ thuyết này định rằng các nước Đông-Âu chỉ có chủ quyền hạn chế đề Nga có quyền can thiệp như họ đã can thiệp vô trang vào Tiệp-khắc năm 1968.

Đòi tổ chức một Hội-nghị an-ninh và hợp tác Âu-châu, Điện Cầm-linh định gài bẫy cả bạn lẫn thù. Đối với các bạn đồng-minh Đông-Âu của họ, người Nga tin rằng nếu Minh ước Đại-tây-dương giải tán hay giảm quân thì Nga lại càng có dịp để kiểm soát các nước chư hầu chặt chẽ hơn. Vì tuy nói là Mỹ Nga cùng rút quân nhưng thật ra Nga ở liền bên cạnh các nước Đông-Âu nên dù có rút quân khỏi Đông-Âu, Nga vẫn có quyền đóng quân ở biên giới tức là sát nách các nước này. Từ trước tới nay chỉ vì e ngại phản ứng của Mỹ nên Nga không dám trắng trợn bắt nạt các nước bưng bình như Lỗ-mã-ni, Nam-tur và Albanie. Nay nếu Mỹ rút quân về thì Nga sẽ rảnh tay hoạt động.

Đối với kẻ thù Tây phương của họ, Nga muốn dùng Hội-nghị này để tạo ra một khoảng trống quân sự tại Tây-Âu. Khoảng trống này không những cho phép Nga trở thành một lực lượng quân sự duy nhất ở Âu-châu mà còn cho phép Nga được yên trí về phía Tây để quay sang đối phó với Trung-Cộng ở phía Đông. Nhưng các nước Tây-Âu không khờ dại mà nồng nhiệt đón nhận sáng-kiến của Nga. Tổng-thống Pháp Pompidou đã nói rằng : «Giảm quân như Nga đề-nghị, có nghĩa là Nga lùi lại 300 cây số và Mỹ thì lùi lại những 3000 cây số !».

Tuy biết rõ âm mưu của Nga nhưng các quốc gia Tây Âu và Mỹ đã chấp nhận tham dự hội nghị Helsinki vì họ tin rằng Nga cần Hội nghị này hơn là phe tư-bản. Thật vậy, từ 1917 khi chế độ Cộng sản được thiết lập ở Nga cho tới nay, Nga luôn luôn ở trong một thế cô đơn. Tuy rằng năm 1945 Nga đã lợi dụng cuộc Thế chiến để tạo ra một số nước Cộng-sản chư hầu, nhưng những nước này tương đối nhỏ và nghèo không giúp gì cho Nga về phương diện kinh-tế được. Các quốc-gia mà Nga cần thật sự là Tây Đức, Pháp và Anh. Nga muốn phát huy một hệ-thống hợp tác Âu-Châu để trao đổi kinh-tế với các nước

tư-bản, nhất là khối Thị trường chung 9 nước Tây-Âu càng ngày càng trở thành một đơn-vị kinh-tế hùng hậu. Hội-nghị Helsinki trong khuôn khổ chính trị quốc tế hiện thời là cơ hội duy nhất để Nga thoát khỏi vòng đơn độc. Nhưng đó là nhược điểm của Nga mà các nước tư bản, nếu đủ khôn khéo và đoàn kết, sẽ có thể khai thác để buộc Nga phải nhượng bộ nhiều điểm.

* *

Hội nghị Helsinki về an ninh và hợp tác Âu-châu hiện thời chỉ là một hội nghị chuẩn bị cho một Đại-hội Liên-Âu nhóm trong năm tới, nhưng sự thỏa thuận của toàn thể các quốc gia Âu châu để Hội nghị được triệu tập đã là một sự kiện quan trọng trong đời sống chính trị thế-giới. Tuy nhiên người ta không chờ đợi ở hội nghị này nhiều kết quả vì cả hai khối, Tư-bản và Cộng-sản, đã không đủ đoàn kết để đưa ra trước đối phương một lập-trường duy-nhất. Nhưng dù sao, với Hội-nghị Helsinki, người ta cũng nhận thấy rằng Âu-châu, bị quên lãng trong nhiều năm qua, đang bắt đầu tỉnh giấc và hoạt động trở lại trên chính-trường quốc-tế.

TỪ MINH

BÁCH KHOA SỐ 16 NĂM *Xuân Quý Sửu*

— Bách Khoa số tới đây sẽ là số kỷ niệm 16 năm, và số Xuân Quý Sửu (15-1 và 1-2-73). Số kế tiếp là số Tân niên sẽ ra ngày 15-2-73.

— Mọi quảng cáo trên Bách-Khoa trong số Tết trên đây sẽ tính giá gấp đôi như thường lệ.

Những tác phẩm dành cho người yếu sách:

- ANH EM NHÀ KARMAZOV của Dostoievski
bản dịch của Trương Đình Cử, trọn bộ 2 cuốn 1.500 trang,
đã phát hành cuốn thứ II.
- NẾO VỀ CỦA Ý truyện của Nhất Hạnh.
(đã in lại những trang bị KD bỏ)
- SƯƠNG TỶ HẢI tiểu luận và tùy bút của Albert Camus,
André Gide và Martin Heidegger. Sách in lần thứ hai.
- NGỘ NHẬN của Albert Camus, sách in lần thứ ba.
- KHUNG CỬA HẸP của André Gide, sách in lần thứ 5,
in toàn giấy đẹp và có 3 phụ bản mới nhất của Đình Cường.
- TRANH CHẶN TRÂU di cảo của Trúc Thiên, phụ lục của Tuệ Sỹ,
sách in đầy đủ 2 bộ tranh Chặn Trâu của Đại thừa và Thiền Tông.
- ÁNH ĐẠO VÀNG của Võ Đình Cường, sách in lần thứ II.
- CHUYỆN HAI NGƯỜI và NHÀ CÓ HOA MIMOSA VÀNG
hai cuốn truyện chọn lọc của Hoàng Ngọc Tuấn.
- ÁO NGHĨA THU Upanishads, Aurobindo giải,
Thạch Trung Giả dịch.

**Những sách trên do nhà An Tiêm xuất bản
nhà Đồng Nai tổng phát hành.**

sách gối đầu cho những ai ưa suy tư :

LỜI CỔ QUẬN

của Martin Heidegger

bản dịch và giải của Bùi Giáng

(Heidegger giảng giải về Thor Hoelderlin)

CON ĐƯỜNG NGÃ BA

Bước đi của Tư tưởng

sách do Bùi Giáng viết

**Hai cuốn sách trên do nhà An Tiêm xuất bản
nhà Đồng Nai phát hành.**

Về tên đúng của SƯƠNG - NGUYỆT - ANH

Dưới bút hiệu là Nam Xuân Thọ, một tác giả đã in to lên bìa sách (1) chữ « lót » giữa tên và họ của bà chủ bút của *Nữ Giới Chung*, và cũng khởi sự trang đầu của nội dung sách ấy, với một chữ « Xuân ». Ngay nơi cước chú của trang này, Nam Xuân Thọ đã biện minh :

« Nhiều bài đăng trên báo lại viết « là Nguyễn Ngọc Khuê, hoặc Nguyễn « thị Ngọc Khuê, hoặc Nguyễn thị « Xuân Khuê. Ý rằng người chị lót « chữ « Ngọc », nên người em lót chữ « Kim » (Nguyễn Kim Xuyến). Nhưng « theo phần đóng đều chép là Nguyễn « Xuân Khuê. Ý rằng chị lót chữ « Xuân », em lót chữ « Kim », mà Kim « thuộc mùa Thu. Thế mới chính. « Riêng sách *Điều Cờ hạ kim thi « tập »* của « Nguyễn liêng Phong chép « là Nguyễn Thị Khuê, không có « Ngọc », mà cũng không có « Xuân ».

Ông Nguyễn Bá Thế, trong sách *Nguyễn đình Chiều*, cũng do Tân Việt xuất bản năm 1957, nơi trang nói về gia phả của họ Nguyễn Đình, cũng dùng chữ lót ấy, là « Xuân ».

Sự thật ra làm sao ?

Trước hết, xin chọn một tiêu chuẩn để phê phán. Sự thật thuộc về chọn lý khách quan (vérité objective), không thuộc về ý muốn chủ quan (volonté subjective), mà chúng ta phải dựa vào « phần đông ». Cái chọn lý khách quan là đối tượng của khoa học. Thời của Galilée, tất cả thiên hạ đều tin và

cả quyết là quả đất không xây tròn chỉ riêng có một mình Galilée bảo rằng quả đất xây, Và vì tin và cả quyết khác hơn thiên hạ mà Galilée bị « thiên hạ » lên án bị đốt thiêu... Nhưng mà cái chọn lý khoa học là « trái đất xây » như bây giờ cả thế giới đều biết rõ như vậy.

Về sự thật khoa học, trong lời cước chú của sách đã dẫn của Nam Xuân Thọ, chúng ta đã có một đề tài đề mà bàn bạc rồi. Ông Nguyễn liêng Phong, « đáng lẽ muốn viết trùng chánh tả », thì phải xén bớt chữ « g » trong chữ lót của ông đi. Nhưng theo sự thật, thì trong giấy tờ của ông, « biện làng » đã viết với một chữ « g » rõ ràng, thì trọn đời ông Nguyễn liêng Phong phải dùng chữ « liêng », mà hậu thế, khi phải nhắc đến tác giả của *Điều Cờ hạ Kim thi tập*, đều phải cẩn thận chép chữ « liêng » có « g » dài lòng thông.

Vào đầu thế kỷ, ở xứ ta, có hai dịch giả đều nổi danh nhờ dịch truyện Tàu. Một ông ký bút hiệu là Trần Phong Sắc, thì thiên hạ đều khen là chơi chữ giỏi. Bởi vì tên thật của ông là Diệm, mà chữ « Diệm » này chiết tự ra làm đôi, thì thành ra Phong Sắc. Ông thứ hai ký tên là Nguyễn Chánh Sắt. Một « phần đông » nổi lên chỉ trích rằng ông này « đốt chánh tả », vì nơi đây chữ « Sắt » phải

(1) *Sương Nguyệt Anh* (Nguyễn Xuân Khuê) — Sách của Nam Xuân Thọ — Tân Việt xuất bản, Sài-gòn 1957.

viết bằng chữ « c ». Thì Chánh Sát tiên sanh trả lời rằng : Sai thì là ông biện-làng đã sai chữ tại sao mà nổi lên công kích ông là nạn nhân của sự sai lầm của người khác ? Trái lại, Nguyễn Chánh Sát là một công dân tốt, không dùng giấy tờ lý lịch sai lầm, và là một tác giả biết đọc và chép đúng giấy tờ ấy mà thôi.

Như vậy, trong trường hợp của bà Sương Nguyệt Anh, không nên căn cứ vào những suy luận chủ quan (déductions subjectives) mà phải tôn trọng cái sự thật khách quan.

Phương chi, ngay trong những suy luận chủ quan, đã ghi vào cước chú dẫn ở trên, suy luận ấy dựa vào một sự sai lầm to tướng. Sai lầm đó là bảo rằng bà Khuê là «chị» bà Xuyến là «em». Bảo như vậy để mà suy luận rằng hai chị em lót Xuân và Khuê ấy là lấy theo kinh Xuân Thu... Sự thay em đổi chị này là một sai lầm to. Theo gia phả Nguyễn chỉ thế phở, mà tôi đã phân tích trong *Bách Khoa* số 1-12-72 rồi, Cụ Nguyễn Đình Chiểu đã sanh ra những người con theo trật tự sau đây : (chép y theo gia phả).

Hàng thứ hai (bởi trong Nam, không có hàng thứ nhứt) : Nguyễn Thị Hương.

Hàng thứ ba (trai) : Nguyễn Đình Chúc.

Hàng thứ tư (gái) : Nguyễn thị Xuyến.

Hàng thứ năm (gái) : Nguyễn thị Ngọc Khuê.

Hàng thứ sáu (Khuyết vì chết non)

Hàng thứ bảy (trai) : Nguyễn Đình Chiêm.

Hàng thứ tám (trai) : Nguyễn Đình Ngưỡng.

Về chữ lót của con gái Cụ Đồ Chiểu.

Nguyễn Đình Chiểu chẳng những là một thâm nho, mà còn là một vị bốc sư đại tài. Cụ lại mù, không có trò giải trí nào khác hơn là nghe đọc, làm thơ, hay là suy tư.

Khi sanh ra gái đầu lòng (Hương), Cụ toán thử tương lai con mình sẽ ra sao ? Thấy rằng sẽ thành công trong nghề thầy thuốc, nên Cụ đặt tên cho là Hương, vì chiết tự chữ Hương này thì có chữ Hòa và chữ Viêt, mà trong chữ Hòa, lại có chữ Mộc. Làm thầy thuốc thì dùng thảo mộc, trị bệnh, mà nên danh thơm.

Đến gái kế đó, Cụ thấy trước rằng mặc dầu học giỏi chữ Hán biết rành thuốc, như mà bà này sẽ không là «nho y» mà sẽ chọn một nghề thường sử dụng loại kim khí. Nên đặt tên cho là «Xuyến». Chữ Xuyến này chiết tự ra, thì một bên là bộ «Kim», dùng làm chữ lót, một bên là chữ «Xuyên». Sau lớn lên Bà Xuyến lừng danh là một nhạc trưởng, chẳng những có một giàn nhạc mà nhạc công toàn là phụ nữ, mà có cả một đoàn «học trò lễ» toàn là con gái, cô nào cô nấy, tuy mặc áo, đội mào tú tài, song đeo hoa tai lông lánh và vòng xuyến dây tay.

Trong gia phả không có ghi chữ

lót chỉ chép là Nguyễn thị Xuyến mà thôi nhưng mà chữ lót đã nằm bên tả chữ «Xuyến» rồi, thì đương nhiên phải đọc là «Kim Xuyến».

Về trường hợp của bà Khuê

Trường hợp của bà Khuê còn đặc biệt hơn nữa. Gia phả không chép bà sanh vào giờ nào, mà chỉ ghi năm, tháng và ngày sanh mà thôi.

Nhưng Cụ Đồ toán số, thấy rằng con gái mình sẽ nổi danh lắm, nên mới đặt tên là KHUÊ, mà con dận kỹ là phải viết một bên chữ NGỌC, một bên chữ KHUÊ. Đọc rời ra là «Ngọc Khuê», đọc ráp lại là «Khuê».

Ông Nguyễn liêng Phong có tới lui, có xướng họa, có thấy chữ Khuê viết thế nào, nên «đọc ráp lại», y như gia phả chép, là Nguyễn Thị Khuê (không có «Ngọc», mà không có «Xuân»), Như vậy là ông Nguyễn liêng Phong đã đúng. Đúng về phần «công truyền» (exotérisme).

Nhưng mà, về phần bí truyền (ésotérisme), thì trong gia đình này không khi nào «đọc ráp lại», mà phải đọc rời ra. Như vậy, phải đọc là Ngọc Khuê. Như trên mộ bia, do cháu ngoại là sương phụ Phan Văn Hùm đã khắc rành rành, như bức ảnh sau đây chứng minh.

Nhơn việc có sẵn bức ảnh đăng ở đây, cũng nên mở một cái dấu ngoặc mà giải quyết một cuộc tranh chấp. Trên bia, sương phụ Phan Văn Hùm chép rõ ràng :

Trên bia này, người dựng bia tính theo «tuổi Tây» mà ghi sai hàng chót. Đúng là năm Canh Thân 1921.



Lọng sương dầu rách còn kêu lọng...

Còn ông Nam Xuân Thọ lại đòi chữ «sương» ra chữ «sườn». Ai phải, ai quấy? Chúng ta nên «san định» mà «chọn thoại» nào?

Hai câu thơ này của «Nguyệt Anh cô» vốn lấy từ câu ca dao :

*Lọng che sương dầu sườn cũng lọng,
Ô bịt vàng dầu trọng cũng Ô.*

Trong ca dao này, công dụng của «lọng» là chỉ che nắng, che sương cho người sang cả. Kẻ sang cả, gặp trời mưa không tội gì mà đi dưới mưa tầm tã. Và thành ngữ «dầu sườn» dùng để nói rằng «rách». «Nguyệt Anh cô» lấy câu thứ nhứt của ca dao, bớt chữ che đi, thay chữ «rách» cho chữ «sườn». Vì lọng rách rồi thì bày ra sườn.

Còn trong thoại của Nam Xuân Thọ :

Lọng sườn đầu rách còn kêu lọng.

Thì hai chữ « sườn » và « rách » đã trùng ý rồi, tất dư một chữ, vô ích. Xin khép dấu ngoặc lại.

Bây giờ xin trở lại phần « bí truyền » của họ Nguyễn Đình, mà ai có nghiên cứu bộ *Thuyết văn* của Hứa Thận đều hiểu phúng.

Về chữ Khuê

Chữ Khuê 圭 vốn là một cổ tự. Từ vài trăm năm nay, không còn ai biết nó với bộ « Ngọc » 玉 ở bên cạnh. Các từ điển, như bộ *Từ Hải*, đều ghi rõ điều đó. Nếu trong gia phả là vậy, mà sự thật là như vậy, thì sự dùng một cổ tự mà đặt tên cho con, Cụ Đồ Chiểu đã « lưu ý » đến bộ « Ngọc », và nhắc ta phải đọc rời ra là Ngọc Khuê.

Tại làm sao, mà chữ Khuê, xưa viết với bộ Ngọc, mà nay lại bỏ bộ ấy đi ? Đó bởi vì thực chất của loại ngọc quý này.

Các loại ngọc khác cần phải mài có khía cạnh thật nhiều mới lóng lánh được. Trái lại, loại ngọc Khuê chỉ đòi cho thật tròn, là thấy ngời rồi. Hơn nữa, các loại ngọc khác, mà để dưới bóng trăng mờ mờ, thì chẳng có ngời. Chỉ có loại ngọc Khuê, là ngời đẹp để dưới bóng trăng mà thôi. Do đó mà hễ một người có căn bản nho học, hễ thấy chữ « Khuê » thì hiểu ngay là « Nguyệt Anh », mà hễ thấy hai chữ « Nguyệt Anh », thì hiểu ngay đó là « Ngọc Khuê ». Tức là « Khuê » và « Nguyệt Anh » là đồng nghĩa. Nói cách khác, hai tên mà chỉ

trở một người mà thôi.

« Anh » hay là « Ánh » ?

Không hiểu vì một nguyên do nào mà tên Sương Nguyệt Anh lại bị thêm dấu sắc vào chữ thứ ba.

« Ánh » là thứ sáng chói mắt, như ánh sáng của mặt trời. Viết là 映, một bên có bộ Nhựt 日.

« Anh » là thứ ngời của ngọc, hoặc là người của các ngọc lúc ban ngày, hoặc là ngời của ngọc Khuê dưới trăng. Viết phải có bộ « Ngọc » ở bên cạnh. Và muốn hài thanh cho phân minh, thì phải thêm « thảo đầu ». Không có bộ



Tất cả tài liệu gia đình đều dùng chữ này :

« Ngọc » một bên, thì đọc là « Anh », và Anh là hoa đứng đầu các loài hoa, cũng như hùng là thú đứng đầu các loài thú.

Bây giờ thêm bộ « Ngọc » bên cạnh, thì bắt buộc phải đọc là « Anh ».

Bộ Giáo-dục và Bộ Văn-hóa cần mở chiến dịch bài trừ « Nguyệt Ánh », bởi vì dưới ánh trăng không nên cho có tia sáng của mặt trời.

HỒ HỮU TƯỜNG

BÁCH KHOA

đóng tập

Đã có : bộ Bách-Khoa từ 1957 đến 1971 gồm 44 tập (thiếu các 1, 9, 12, 28, 68, 70, 81, 88, 95, 107, 122, 130, 145, 177.) **Giá 23.000đ.**

Hỏi tại Tòa soạn Bách-Khoa

đã phát hành trên toàn quốc:

ÁNH ĐẠO VÀNG

của VÕ ĐÌNH CƯỜNG

Tác phẩm viết về cuộc đời của đức Phật — cuốn sách đã làm say mê hàng trăm ngàn độc giả trong một phần tư thế kỷ nay, (sách in lần thứ 11) với lối văn kiểu điểm, đầy hình ảnh, màu sắc và nhạc điệu.

sách do An Tiêm tái bản
nhà Đồng Nai tổng phát hành.

TOM PAINE

TOM PAINE LÀ GÌ ?

Là một cái tên tuy xa lạ với chúng ta, nhưng rất quen với các nhà cách-mạng khét tiếng.

TOM PAINE

Nhà cách-mạng đơn độc, một đời tranh đấu cho người, trọn đời vì người vì đời, vì nhân loại. Đến rồi sau cùng, khi nhắm mắt nằm xuống, không một người, không một giọt nước mắt thương vay cho người suốt đời làm cách mạng phục vụ cho đời.

TOM PAINE

Nhà cách mạng lừng danh chưa bao giờ xóa được trong lịch sử cách mạng ở Châu-Mỹ.

TOM PAINE

Một tác phẩm lớn của Howard Fast, với bút pháp độc-đáo HẤP DẪN - TÂN KỲ - LÀM SAY MÊ NGƯỜI ĐỌC như ở trong hoàn cảnh thực của nhà cách mạng Tom Paine.

TOM PAINE

Dù người đọc khó tính đến đâu cũng phải hài lòng.

TOM PAINE sẽ ra mắt bạn đọc

ĐỒNG-NAI TỔNG PHÁT HÀNH

270 Đề Thám, Saigon

Đ.T : 20.942

S A K Ê

Đất Nam Việt phì nhiêu, hoa quả ở Nam Việt phong phú tràn trề. Nhưng ở đâu kia, chứ không phải ở Vĩnh Bình.

Thật vậy, trái cây trong Nam, những măng cụt, sầu riêng, mận, ổi, khóm, chuối, măng cầu, bưởi, cam, dứa v.v..., bao nhiêu thứ trái đồ về Sài Gòn là từ những nơi như Biên-hòa, Bình-dương, Định-tường, Cần-thơ, Long-khánh v.v... ; chứ Vĩnh Bình gần như không có một đóng góp nào đáng kể.

Vĩnh Bình không góp mặt ở các chợ trái cây ngoài chợ, không sản xuất nhiều về lượng. Nhưng tại đây có một số trái cây hiếm lạ : trái dứa sáp (toàn ruột, không có nước), trái giếc, trái quách, trái sa-kê...

Những thứ trái ấy, người Việt-nam ở Trung ở Bắc có kẻ chưa từng nghe đến tên, có kẻ nghe tên mà chưa từng trông thấy bày bán bao giờ ở các chợ Sài Gòn. Thậm chí xuống tận Vĩnh bình, tại chợ Phú-vinh, nơi tỉnh lỵ, không phải lúc nào cũng tìm thấy chúng.

Nhưng nếu chỉ có vậy cũng không có gì đáng nói. Chỗ đáng lấy làm lạ, là sa-kê không gặp ở chợ búa ngày nay lại gặp thấy trong tờ công văn truyền ra từ hội đồng các đình thần đời Gia Long.

* * *

Ngày mồng 9 tháng 3 năm Gia Long tứ niên, thừa chỉ nhà vua, Công

đồng truyền cho trấn quan Gia-định đăng rõ : Nay nên sức bứng cây con « sa-kê », phòng hộ cẩn thận, để đưa về kinh.

Không biết trấn quan Gia-định hồi đó đã bứng cây con ở đâu ; không chắc là phải cất công xuống đến Trà vinh, vì có thể bấy giờ sa-kê lan sống rộng rãi hơn bấy giờ. Bấy giờ thì sa-kê hình như chỉ còn được trồng ở những quận Cầu-kê, Trà-cú... Y như một bậc danh vọng đã từng được triều đình vời thỉnh, lừng lẫy một thời, về già rút lui về tận thâm sơn cùng cốc để mai danh ẩn tích.

Cũng không biết những cây sa-kê hồi đó rồi vua quan triều Gia long đã cho trồng ở những nơi nào tại kinh thành Huế mà ngày nay không còn thấy bóng dáng đâu cả.

Sự mất tích của nó ở ngoài Huế, sự rút lui của nó ở trong Nam có thể do nhiều nguyên do. Hoặc nó không hợp với chất đất ở nơi nào khác hơn là Cầu kê, Trà cú ; hoặc nó không hợp với khẩu vị của đa phần người Việt nam.

Nếu quả nó khó tính, các nhà chuyên môn về nông học sẽ tìm hiểu nó. Về phần chúng ta, hãy tự xét mình và nêu ra một thắc mắc : Phải chăng chính chúng ta đã trở nên khó tính ? Một thứ trái cây được vua chúa quý chuộng hồi đầu thế kỷ trước, đến cuối thế kỷ này chúng ta bá tánh thầy

đều chê bai, bỏ rơi : Nếu được chúng ta hâm mộ niềm nở, chắc hẳn cây ấy đã được chăm sóc, đã phát triển rộng rãi chứ ?

* * *

Sa-kê trộn với dừa, ăn tựa tựa như khoai lang ; sa-kê cũng đem nấu canh mà ăn. Nó gần như mít chưa chín vậy.

Khẩu vị con người ta thì nói không cùng : có món người này khoái thích đến đắm nghiện nặng mà người kia không thể nuốt trôi, có món người này khen thơm mà người kia chê nặng mùi v.v... Mùi vị sa-kê, đại khái như đã mô tả, có thể cho là ngon, cũng có thể cho là dở. Bởi vậy không nên có sự tranh biện phải trái với vua Gia Long. Bất quá, chỉ nên nhận xét rằng nhà vua không có cái may mắn được chọn lựa trước một đối tượng phong phú như chúng ta ngày nay. Đầu thế kỷ trước miền Nam chưa có măng cụt, sầu riêng.v.v.

Trong vòng hơn trăm rưỡi năm, ở đây có bao nhiêu thứ cây mới xuất hiện, lan tràn, và có những thứ cây suy tàn, gần mất dạng. Bộ mặt các khu vườn xung quanh ngôi nhà sinh sống của người dân miền Nam đã trải qua những thay đổi biến hóa thật sâu xa. Ngoài Bắc, ngoài Trung, trong những mảnh vườn do tổ phụ di lưu từ đời này sang đời khác của mỗi giòng họ, hiếm khi có những dáng cây hoàn toàn mới lạ.

* * *

Vả lại trong sự chọn lựa của vua

Gia Long không phải chỉ có vấn đề khẩu vị. Chắc hẳn trong đó còn có những chuyện kỷ niệm chiến trận, kỷ niệm tình cảm, chuyện thói quen sinh hoạt, lưu luyến địa phương v.v...

Nhà vua đã đặt cho trái lòn bon cái tên nam trân, đã cho khắc hình nó vào một trong cửu đỉnh là vì một trường hợp như thế.

Về việc đưa các giống cây trong nước về trồng tại kinh thành, cứ theo những châu bản triều Gia Long còn lưu lại thì hình như chỉ có ba thứ cây được chọn : Một tháng sau khi dời cây sa-kê, ngày mồng 10 tháng tư năm Gia Long tứ niên Công đồng lại truyền cho công đường quan dinh Bình định mua một nghìn trái dừa mộng đưa về kinh để trồng ; rồi một tháng rưỡi sau đó, ngày 28 tháng 5 trấn quan Hải dương mua hai trăm cây cam để đưa về kinh.

Còn trái mà để dâng cúng, để ăn, thì người ta thấy trong dịp lễ Hạ hưởng và Đoan dương cũng vào năm Gia Long tứ niên, triều đình mua 4.200 trái vải ở Bắc thành, 6.600 trái lòn bon ở Quảng Nam, 920 trái xoài tượng ở Bình định, một lần 920 trái rồi một lần khác 5.600 trái xoài tượng nữa ở Phú yên, 100 trái dừa hấu ở Quảng bình. Tháng 5 năm ấy, triều đình mua rất nhiều cam tươi ở Quảng nam.

Trong bấy nhiêu thứ cây trái được chọn, chỉ có cây cam Hải dương và trái vải là thuộc về phía ngoài bắc con sông Gianh.

Thiết tưởng một sự tuyển trạch

khách quan, không căn cứ vào kỷ niệm riêng tư, không thể đưa đến kết quả ấy. Ai cũng biết đất Bắc được chăm sóc từ lâu đời tất phải có nhiều trái ngon cây quý hơn thế.

Tuy nhiên, nếu vua Gia Long có sự thiên lệch nào về phía miền đất do các chúa Nguyễn khai phá mở mang, về những nơi ông đã trải qua những năm gian khổ nhất trong đời chinh chiến để dựng nghiệp, thì cũng là chuyện hợp tình; và nếu ông cố ý đề cao những khám phá mới trên đất nước mà không quan tâm nhiều đến những món đã có danh tiếng sẵn, thì cũng lại có phần hợp lý. (Trái vải thì khỏi cần giới thiệu; chứ lòn bon, xoài tượng, và nhất là sa-kê, dù vua đã ra sức nêu cao mà vẫn còn ít ai biết

đến nữa là).

Duy cái thiên vị tình cảm mà đến thế này thì có quá lỗ: Sau khi mua cây mua trái xong, ngày 24 tháng 5 cùng một năm ấy, vua Gia Long lại bày tỏ lòng mến chuộng đối với miền Nam bằng cách truyền cho công đường quan dinh Bình thuận « mua » (!) luôn sáu đĩa tứ gái trạc độ mười tuổi. Món ăn vào miệng, kẻ hầu hạ bên mình, dường như nhà vua đều thích gọi từ miền Nam ra.

Nhưng chúng ta đã lạc ra ngoài chuyện cây trái. Và lần này chúng ta chưa muốn lao vào chuyện con người vốn nhiều rắc rối.

VÕ PHIẾN

12-1972

Con đường mới
Thuốc mới

hemocalcium B12

BI SUY YẾU - CHẬM LỚN
KÉM ĂN - THIẾU MÁU



hemocalcium B12

Có chất Sorbitol để giúp cho sự thẩm thấu sinh tố B12 qua màng ruột mà không bị tiêu hao.

S

STAPP SAIGON

Bán tại các nhà thuốc tây

Ph. Tân Trĩ
K. 224 N. 277/1-4-45

Công thức môn
thuốc mới :

HÊMOCALCIUM B 12

trị : SUY YẾU — CHẬM LỚN
KÉM ĂN — THIẾU MÁU

Có chất Sorbitol để giúp cho sự thẩm thấu sinh tố B 12 qua màng ruột mà không bị tiêu hao.

Bán tại các nhà thuốc tây.

Đạo Phật và sự sống

Những đạo lý căn bản

Đạo lý căn bản của Phật-Giáo là đạo lý duyên khởi, tứ diệu đế và bát chánh đạo. Ba đạo lý này là nền tảng cho tất cả các tông phái Phật Giáo. Nguyên thủy cũng như Đại thừa. Giáo phái Theravada hiện giờ thịnh hành tại các nước Tích-lan, Miến-điện, Thái-lan, Lào và Campuchia tự nhận là gần với Phật Giáo thời Phật tại thế, gọi là Phật Giáo Nguyên thủy. Giáo phái Đại thừa hiện giờ thịnh hành tại Tây-tạng, Trung-hoa, Nhật-bản. Triều-tiên cũng tự nhận là phù hợp với tinh thần Phật Giáo Nguyên thủy, nhưng cho rằng ta phải thích nghi với những điều kiện sinh hoạt văn hóa và kinh tế của từng thời đại và địa phương thì ta mới có thể nuôi dưỡng tinh thần ấy được. Ở Việt-nam, hai giáo phái Theravada và Đại thừa, từ năm 1964 trở đi, đã được kết hợp cùng trong một giáo hội Phật Giáo, gọi là *Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất*. Đây cũng là một điểm đặc sắc của đạo Phật Việt-nam, bởi vì chính ở Việt-nam hai giáo phái Theravada và Đại thừa được kết hợp đầu tiên trong một giáo hội. Theravada nguyên là giáo phái do các bậc trưởng lão trong Giáo-hội Nguyên thủy chủ trì, thuộc về thiểu số; còn Đại-thừa phát sinh từ giáo phái Mahasanghika, gọi là đại-chúng-bô, tức là giáo phái của đa số những người trẻ trong Giáo-hội Nguyên-thủy

chủ trì, có tinh thần cấp tiến và dung hợp nhiều hơn. Đại thừa (mahayana) là con đường lớn, hoặc cỗ xe lớn, chỉ cho sự hành đạo và cứu độ nhằm tới tập thể mà không phải là cá nhân.

Duyên khởi

Đạo lý duyên khởi là một cái nhìn khoa học và khách quan về thế giới thực tại. Duyên khởi nghĩa là sự nương tựa lẫn nhau mà sinh thành và tồn tại. Không những các sự kiện thuộc thế giới nhân sự như thành, bại, thịnh, suy mà tất cả những hiện tượng thuộc thế giới tự nhiên như núi, sông, hoa cỏ cũng đều vâng theo luật duyên khởi mà sinh thành, tồn tại và tiêu hoại.

Duyên (pratyaya) là những điều kiện. Sự sinh thành của một cái bàn chẳng hạn, tùy thuộc ở những điều kiện như gỗ, cưa, đinh, búa, người thợ mộc v.v. Vậy gỗ, cưa, đinh, búa, người thợ mộc... là những *duyên*, cần thiết cho sự phát sinh của cái bàn. Sự sinh thành của một đứa bé cũng tùy thuộc ở những *duyên* như tinh huyết của cha mẹ, thời gian thai nghén, sức ấm, vận vận... Sự sinh thành của một nền dân chủ cũng tùy thuộc ở những *duyên*, như ý thức về quyền lợi và bổn phận của người dân, sự tranh thủ chánh trị, sự bảo vệ hiến pháp, vận vận... Bất cứ một hiện tượng nào trong vũ trụ, tinh thần hay vật chất, đều do sự tập hợp của các *duyên*

mà thành. Sự vật nương vào nhau mà sinh thành và tồn tại ; không có sự vật nào có thể tự mình sinh ra mình và tự mình tồn tại độc lập với những sự vật khác. Đó là yếu lý duyên khởi của Đạo Phật.

Có bốn loại *duyên* cần được phân biệt. Thứ nhất là *nhân duyên* có thể gọi là điều kiện gần gũi nhất, ví như hạt lúa là nhân duyên của cây lúa, gỗ là nhân duyên của cái bàn và đất sét là nhân duyên của cái bình. Thứ hai là *tăng thượng duyên* tức là những điều kiện trợ lực cho nhân duyên, ví như phân bón và nước là tăng thượng duyên cho hạt lúa trở thành cây lúa, người thợ mộc và cây cưa là tăng thượng duyên cho khúc gỗ trở thành chiếc bàn, nước và lò gốm là tăng thượng duyên cho đất sét trở thành cái bình. Thứ ba là *sở duyên duyên* tức là những điều kiện làm đối tượng cho nhận thức, như hình sắc phát sinh ra cái thấy, âm thanh phát sinh ra cái nghe và tư tưởng phát sinh ra ý lự. Thứ tư là *đẳng vô gián duyên* tức là sự liên tục không gián đoạn cần thiết cho mọi sự phát sinh, trưởng thành và tồn tại.

Luật nhân quả cần được quan sát và áp dụng theo nguyên tắc duyên sinh mới có thể gọi là luật nhân quả đạo Phật. Theo đạo lý duyên sinh, một *nhân* đơn độc không bao giờ có khả năng sinh ra quả, và một *nhân* bao giờ cũng đóng vai trò *quả* cho một *nhân* khác.

Ta đã biết rằng hạt lúa là *nhân* của cây lúa. Nhưng ta cũng đã biết thêm rằng nếu không có những tăng thượng

duyên như đất, ánh sáng, nước và thời gian thì hạt lúa không bao giờ trở nên cây lúa được. Vậy ta kết luận : một nhân đơn độc không bao giờ có khả năng phát sinh ra quả. Do đó ta có thể nói : vạn vật trong vũ trụ nương nhau mà phát sinh; nhưng ta không thể nói : thái cực và thần linh phát sinh ra vũ trụ. Tại sao? Bởi vì thái cực và thần linh, nếu là những nguyên nhân đơn độc, làm sao có khả năng phát sinh ra quả tức là thế giới? Do đó, thuyết thái cực phát sinh hoặc thuyết thần linh sáng tạo vũ trụ đi ngược với đạo lý duyên khởi. Chẳng những thế mà khi nói chân như⁽¹⁾ phát sinh vạn hữu, người Phật tử cũng đi ngược với đạo lý duyên khởi, nếu người Phật tử nghĩ rằng chân như là nguyên nhân đơn độc và đầu tiên. Có những triết gia và thần học gia cho rằng thái cực hoặc thần linh không phải là nguyên nhân đầu tiên mà chỉ là thực thể của hiện hữu vượt ngoài thời gian và không gian ⁽²⁾; trong trường hợp này họ cũng không đi ngược lại đạo lý duyên khởi của đạo Phật.

Trên thực tế, ta chưa từng thấy một nhân đơn độc nào có thể sinh ra quả, mà ta cũng chưa từng thấy một nhân mà không phải là một quả cho một nhân khác. Nếu ta cho rằng chân như hoặc thái cực hoặc thần

(1) Chân như (bhūta'athatà) là thực thể của vạn hữu.

(2) Như Paul Tillich, nhà thần học Cơ đốc nổi danh ở Đức-quốc, nói "Thượng đế không phải là nguyên nhân đầu tiên. Nói "Thượng đế là nguyên nhân đầu tiên" chỉ là một cách nói mà thôi." (Paul Tillich *Systematic Theology*).

linh làm phát sinh ra vũ trụ, tức là ta công nhận : một nhân đơn độc có thể làm phát sinh ra quả. Đó là một điều sai lạc. Hơn nữa, cái nhân đơn độc ấy do đâu mà có ? Nếu không do đâu cả thì điều đó trái với luật nhân quả ; nếu do một nhân khác sinh ra thì lại không phải là nguyên nhân đầu tiên. Cho nên ta thấy nhận thức về thái cực và về thần linh như *thực thể của vũ trụ vượt ngoài không gian và thời gian* có thể đi đôi với đạo lý duyên sinh của Phật dạy. Trong kinh A Hàm, Phật dạy : « Vì cái này có cho nên cái kia có, vì cái này không nên cái kia không, vì cái này sinh cho nên cái kia sinh, vì cái này diệt cho nên cái kia diệt ». Đó là sự diễn tả đơn giản và đúng mức của đạo lý duyên khởi. Nhận thức duyên khởi có thể được kiểm chứng bởi bất cứ ai, bởi vì đó không phải là một tín điều siêu hình, đó là sự thực nghiệm, phù hợp với nhận thức khoa học thực nghiệm. Phát minh ra đạo lý duyên khởi, đức Phật soi cho ta thấy rõ bộ mặt của thực hữu, tránh cho ta bao nhiêu ngộ nhận sai lầm về vấn đề nguyên ủy vũ trụ và giúp cho ta thành đạt trong phạm vi trí tuệ tu dưỡng cũng như trong phạm vi hành động thực tiễn. Thực vậy, đạo lý duyên khởi là đạo lý căn bản phá trừ vô minh và cố chấp, đồng thời cũng là một đạo lý căn bản cho hành động nhập thế, Phật tử phải tìm hiểu thấu đáo về đạo lý duyên khởi để áp dụng trong việc tu huệ cũng như trong việc tu phước : những diễn bày trong sách này về đạo lý duyên khởi chẳng

qua chỉ mới là bước đầu mà thôi vậy.

Vô thường, Không và Vô ngã

Trong đạo Phật, ta thường nghe nói đến giáo lý *vô thường, không và vô ngã*. Những giáo lý này cũng phát sinh từ một căn bản với giáo lý duyên khởi. *Vô thường* là tính cách thay đổi không ngừng của vạn sự vạn vật. Không có sự vật nào nằm yên bất biến, do đó không có sự vật nào giữ được tính cách đồng nhất tuyệt đối của nó : đó là *vô ngã*. Sự vật đã luôn luôn chuyển biến và không giữ được tính cách đồng nhất của chúng tức là sự vật trống rỗng : đó là *không*. Chữ *không* ở đây có nghĩa là trống rỗng, không chắc thật, chứ không có nghĩa là không có sự vật. Sự vật vẫn có, nhưng trong lòng sự vật người ta không tìm thấy tính cách thường còn và đồng nhất, thế thôi.

Theo đạo lý duyên khởi, vạn vật nương vào nhau mà sinh khởi, tồn tại và tiêu hoại. Như thế vạn vật phải là *vô thường*, bởi vì nếu không vô thường thì vạn vật sẽ bất sinh bất diệt. Vạn vật cũng *vô ngã*, bởi vì mỗi vật là do sự tập hợp của nhiều vật (duyên) mà thành. Vạn vật cũng là *không*, bởi vì đã do các duyên mà thành, thì trong tự thân vạn vật không có một thực thể thường còn và đồng nhất.

Tứ Diệu Đế.

Giáo lý căn bản thứ hai của đạo Phật là giáo lý *Tứ Diệu Đế*, tức là bốn sự thật lớn. Giáo lý này được diễn tả trong nhiều kinh điển, mà kinh đầu tiên là *Kinh Chuyển Pháp Luân*. Bốn

sự thật lớn là : sự có mặt của những khổ đau (khổ), những nguyên nhân tạo nên khổ đau (tập), niềm an lạc khi khổ đau đã diệt (diệt) và con đường đạt tới niềm an lạc diệt khổ (đạo).

Giáo lý Tứ Diệu Đế là nguyên lý hành đạo có tính cách thực nghiệm và trị liệu. Tất cả các giáo lý Phật giáo Nguyên thủy hay Đại thừa đều được diễn bày theo nguyên lý Tứ Diệu Đế này. Cũng như giáo lý Duyên Khởi, Giáo lý Tứ Diệu Đế không phải là những tiêu điều siêu hình mà là một nguyên lý có thể kiểm chứng được. Giáo lý «bốn sự thật lớn» được căn cứ trên luật nhân quả. Ta thấy hai cặp nhân quả sau đây.

- 1/ { *quả* : sự có mặt của khổ đau (khổ)
nhân : những nguyên nhân tạo thành khổ đau (tập)
- 2/ { *quả* : niềm an lạc khi khổ đau đã diệt (diệt)
nhân : con đường đi tới niềm an lạc diệt khổ (đạo)

Chúng ta hãy thử áp dụng nguyên lý Tứ Diệu Đế vào trong một vấn đề y khoa. Ví dụ bệnh lao phổi là *sự thực thứ nhất* (khổ). Sự thật này ai cũng phải công nhận, bởi vì ai cũng có thể biết rằng bệnh lao phổi là một bệnh có thật. Nếu bệnh lao phổi có thật thì những nguyên nhân tạo nên bệnh lao phổi cũng có thật : đó là vi trùng Kock, là sự ăn ngủ thiếu điều độ, là sự thiếu ánh sáng và khí trời, vân vân... Sự có mặt của những nguyên nhân sinh ra bệnh lao phổi tức là *sự thật thứ hai* (tập). Không những

các bác sĩ mà tất cả chúng ta đều biết rằng bệnh lao phổi có thể chữa lành được. Sự lành bệnh ở đây là *sự thực thứ ba* (diệt). Và muốn đi đến sự lành bệnh, ta phải theo những phương pháp chữa trị khoa học nhằm loại trừ những nguyên nhân làm ra bệnh. Những phương pháp này, ví dụ sự sử dụng thuốc trụ sinh streptomycine, sự điều hòa ăn uống, sự hấp thụ không khí trong lành vân vân..., là *sự thực thứ tư* (đạo). Bất cứ vấn đề nào của sự sống cũng có thể được chữa trị theo nguyên lý Tứ Diệu Đế.

Trong chúng ta, ai cũng công nhận rằng khổ đau có mặt trong cuộc đời. Nghèo đói, ốm đau, bệnh tật, chết chóc, thất vọng, biệt ly, bất đắc chí, đàn áp, bất công, tủi nhục... *Sự thực thứ nhất* thật quá rõ ràng. Phật tử, sau khi nhận thức được sự thực thứ nhất, phải tỉnh tâm quan sát để tìm ra sự thực thứ hai tức là những nguyên nhân sinh ra đau khổ. Phương pháp do Phật chỉ dạy là phương pháp quán chiếu đạo lý Duyên khởi. Tỉnh tâm, tập trung tâm ý và căn cứ vào thực nghiệm, ta có thể phát giác ra những nguyên nhân xa gần đã tạo ra những khổ đau ấy. *Sự thực thứ hai* cần được khám phá một cách triệt để, nếu ta quả thực muốn tìm ra căn nguyên đích thực của chứng bệnh để chữa trị. Đức Phật đã hướng dẫn ta nhìn vào sự thực thứ hai, những nguyên nhân của đau khổ, và ta cần nương theo những hướng dẫn ấy để khám phá. Trước hết, Phật dạy rằng vô minh là một nguyên do lớn của khổ đau. Vô minh là sự thiếu sáng suốt, là

những nhận thức sai lạc về thế giới, thế giới nhân sự cũng như thế giới tự nhiên ; những nhận thức đi ngược lại với đạo lý Duyên khởi. Quán triệt đạo lý Duyên khởi, ta ở có thể phá bỏ được vô minh : đó là chìa khóa của phương pháp Phật học. Bất cứ một khổ đau nào cũng có những gốc rễ gần và xa của nó và ta cần đối trị với những gốc rễ ấy, hoặc trên bình diện cá nhân hoặc trên bình diện tập thể. Hãy lấy ví dụ không khí ngột ngạt trong gia đình. Cái không khí ngột ngạt ấy không thể tự nhiên mà có ; trái lại, nó do nhiều nguyên nhân sinh khởi. Có thể là những nguyên nhân kinh tế, có thể là những nguyên nhân tâm lý, có thể là những nguyên nhân xã hội. Sự cau có của người cha sau một ngày làm việc mệt nhọc, tự nó, cũng có nhiều gốc rễ phiền phức. Thái độ trách móc của người vợ, và sự thiếu hiểu biết của những người con có thể làm trầm trọng sự cau có kia lên. Nếu tất cả mọi người trong gia đình đều biết tinh tâm quán chiếu để thấy rõ những nguyên do xa gần của không khí căng thẳng ngột ngạt trong gia đình thì tự nhiên thái độ cau có, trách móc và hờn dỗi tan biến, không khí ngột ngạt sẽ không trở nên trầm trọng và mọi người trong gia đình sẽ cộng tác tìm cách xóa bỏ dần những nguyên nhân gần xa đưa đến sự cau có của người cha vào buổi cuối ngày. Thực ra thái độ dịu dàng, thông cảm và hiểu biết của người mẹ đã có thể làm dịu bớt nỗi cau có đó,

và sự cộng tác của bà để chia xẻ những ưu tư, bức bối của chồng sẽ đóng góp rất nhiều trong việc tìm ra và tiêu diệt những nguyên nhân của sự cau có kia. Tìm ra sự thực thứ hai không phải là dễ dàng như ta tưởng : nó đòi hỏi công phu thực tập tinh tâm thiền quán hàng ngày của mỗi người. Thiếu công phu này, ta sẽ dễ dàng trút sự giận dữ và hờn oán lên kẻ khác, tại vì ta không thấy rõ đâu là nguyên nhân đích thực của những khổ đau mà ta chịu đựng.

Về mặt xã hội, sự vắng mặt các quyền căn bản dân chủ và tự do cũng có những nguyên nhân sâu xa của nó. Nguyên nhân mà người ta hay nhắc đến nhất là một chế độ độc tài. Nhưng đó không phải là nguyên nhân duy nhất. Một chế độ độc tài chỉ có thể đứng vững được khi nó được hỗ trợ bởi một ngoại bang và khi mà dân chúng trong xã hội ấy không ý thức được quyền căn bản dân chủ và tự do của mình và không tranh đấu cho những quyền ấy. Dân chủ và tự do, cũng như bất cứ thứ hạnh phúc nào, không phải là những món quà từ trên trời rơi xuống ; trái lại, phải tạo dựng, bồi đắp và bảo vệ mới có. Những quyền dân chủ và tự do không phải là những điều do một chính quyền tốt ban bố ; người dân phải biết học tập và sử dụng các quyền dân chủ tự do, phải biết tôn trọng các quyền dân chủ tự do của kẻ khác và phải biết đoàn kết với nhau để bảo vệ và tranh đấu cho những quyền kia mỗi khi chúng bị đe dọa. Nếu ta biết rõ những nguyên nhân nào đã khiến cho các quyền dân chủ và tự do vắng mặt, chúng ta chắc chắn sẽ tìm ra được

những phương pháp để thực hiện các quyền này trong xã hội của chúng ta. Tinh tâm để quan sát tìm cho ra những nguyên nhân này tức cũng là thực hành sự thực thứ hai vậy.

Sự thực thứ ba là mục tiêu mà ta hướng đến. Ta phải biết là ta muốn gì. Đã đành ta có thể nói rằng sự thực thứ ba là hạnh phúc, nhưng ta không nên lầm hạnh phúc chân thực với những hình thái mới nhìn qua thì trông như hạnh phúc mà kỳ thực chỉ là những nguyên nhân của khổ đau. Hạnh phúc chân thực, được diễn tả trong đạo Phật như là sự vắng mặt của những khổ đau, là sự giải phóng của con người ra khỏi tham dục, hận thù và tối tăm, là sự đạt tới các đức vô úy, trầm tĩnh, đại hùng, khiến cho ta không còn là nạn nhân của sự sợ hãi, của những thành bại đắc thất tầm thường. Trên căn bản của sự giải phóng đó, chắc chắn hạnh phúc phải là chân thực và bền vững. Sức khỏe tài năng, sản nghiệp, tự do, công bình, dân chủ, vân vân... chỉ có thể trở nên những hình thái hạnh phúc thật sự trên nền tảng giải phóng đó. Người Phật tử phải nhận thức rằng theo đuổi sự nghiệp giải thoát không phải là từ bỏ mọi hạnh phúc của cuộc đời, trái lại chính là để xây dựng một nền tảng vững chãi cho hạnh phúc. Nếu không đạt tới căn bản giải thoát thì dù có mắt cũng không biết nhìn, có tai cũng không biết nghe, có cuộc đời cũng không biết sống, có những điều kiện hạnh phúc cũng không biết hạnh phúc. Thế cho nên học tập để thấy

rõ mục tiêu đích thực mà mình hướng tới tức là thực hành sự thực thứ ba. Phải nhận thức sự thực thứ ba như một thực tại mà không phải một mơ ước hão huyền hay một mộng tưởng. Sự an lạc mà chúng ta đạt đến do thực hiện những phương pháp Phật Giáo là điều có thể kiểm chứng được. Bất cứ một nhân nào gieo xuống đều có thể đưa đến kết quả; không một nỗ lực nào của ta có thể gọi là vô ích. Nếu chúng ta kiểm điểm để nhận thấy kết quả và tính cách hữu hiệu của những nỗ lực hành đạo hàng ngày của chúng ta, chúng ta sẽ có thêm đức tin nơi sự thực thứ ba; rõ ràng như người nông phu, sau khi áp dụng những phương pháp canh tác khoa học, gặt hái được gấp bội và có thêm đức tin về nguyên tắc cải tiến nông nghiệp.

Sự thật thứ tư là con đường, là phương pháp hành động. Để đạt tới một đời sống an lạc hạnh phúc cho bản thân và cho xã hội, ta phải biết tìm đường, ta phải biết phương pháp hành động. Sự thực thứ tư không phải là một số giáo điều hoặc giới luật có thể học thuộc lòng, trái lại là kết quả của những chiêm nghiệm sâu sắc về các sự thực thứ nhất, thứ nhì và thứ ba cùng những kinh nghiệm sống của chúng ta về các sự thực ấy. Trong kinh ta thấy nói tới ngũ căn, ngũ lực, tam học, thất bồ đề, bát chánh đạo vân vân... Đó đều là những giáo lý thuộc sự thực thứ tư, những phương pháp có thể đem áp dụng trong đời sống để tiêu diệt khổ đau, kiến tạo an lạc. Những giáo

ý này chỉ có giá trị và hiệu lực khi ta biết đem chúng áp dụng một cách thông minh vào sự sống. Trái lại nếu ta chỉ đọc tụng hoặc chiêm nghiệm mà không đem chúng áp dụng vào đời sống hàng ngày thì sự bồ ích sẽ không có được bao nhiêu. Sau đây ta thử xét qua một ví dụ về sự thực thứ tư đó là bát chánh đạo.

Bát Chánh đạo

Bát chánh đạo là con đường của tám nguyên tắc hành động chân chính (astamarga). Tám nguyên tắc hành động ấy có liên hệ nhân quả rất mật thiết với nhau như sau :

- 1) chính kiến : thấy đúng
- 2) chính tư duy : nghĩ đúng
- 3) chính ngữ : nói đúng
- 4) chính nghiệp : hành động đúng
- 5) chính mệnh : phương tiện mưu sinh chân chính
- 6) chính tinh tiến : cần mẫn và nỗ lực chân chính
- 7) chính niệm : ý thức chân chính
- 8) chính định : thiền định chân chính

Nếu ta chiêm nghiệm và áp dụng tám nguyên tắc trên vào cuộc sống thường nhật ta sẽ thấy tính cách liên hệ nhân quả giữa những nguyên tắc ấy. Hãy thử xét nguyên tắc thứ nhất là *chính kiến*. Ai cũng bảo nếu thấy đúng thì mới hành động đúng, do đó chính kiến là cần thiết cho *chính nghiệp*. Nhưng làm thế nào để thấy đúng ? Theo đạo Phật, sự thấy đúng không phải chỉ có thể đạt được do

sự học hỏi trong sách vở hay do sự suy tư phân tích bằng trí thức. Sự thấy đúng là kết quả của kinh nghiệm sống và của sự tu chứng nữa. Ngày xưa, triết gia Vương Dương Minh của Trung Hoa có xướng thuyết *tri hành hợp nhất*, có nghĩa là *thấy và hành động là một*. Do *thấy đúng mà hành động đúng*, do hành động đúng mà cái thấy càng đúng : hai điều bồi đắp cho nhau. Ý nghĩa của *chính kiến* và *chính nghiệp* trong đạo Phật cũng tương tự như vậy : nhưng trong bát chính đạo, không những chỉ có chính kiến và chính nghiệp mà còn có sáu nguyên tắc khác nữa, tất cả đều liên hệ với nhau, bồi đắp cho nhau một cách thâm thiết đến nỗi trong tám chi của bát chính đạo, mỗi chi đều bao gồm cả tám chi. Chi nào cũng làm nhân và đồng thời làm quả cho bảy chi khác. Chính kiến không phải là bước đầu, cũng như chính định không phải là bước cuối cùng ; tám chi của bát chính đạo cùng được áp dụng một lượt, do đó nên đạo Phật gọi đây là con đường của *tám nguyên tắc hành động chân chính*.

Chính kiến là cái thấy về sự thực, sự thực bản thân cũng như sự thực xã hội, sự thực tâm lý cũng như sự thực về vũ trụ. Chính kiến có nhiều mức độ cao thấp khác nhau tùy theo trình độ sinh hoạt và tu chứng của con người. Mức cao nhất của chính kiến gọi là vô thượng chính đẳng chính giác (anuttara - samyak - sambodhi) tức là trí giác cao tốt của Phật. Đối với người tu Phật, chính kiến cần phải được khai mở và phát triển mãi

mãi bằng học tập và thực hành. Quán sát đạo lý duyên khởi và áp dụng đạo lý ấy trong mọi lãnh vực của sự sống, ta sẽ nâng cao dần tầm chính kiến của ta. *Chính tư duy* là nghĩ đúng, và nghĩ đúng ở đây có nghĩa là suy tư phù hợp với đạo lý duyên khởi. Ví dụ như ta muốn có một cái nhìn chính xác về tình trạng xã hội trong đó ta đang sống. Ta phải theo nguyên lý duyên khởi mà tìm ra mọi nguyên nhân xa gần, những nguyên nhân hiển nhiên hoặc bị che dấu, ta mới có thể đạt tới được cái nhìn chính xác ấy. Nếu ta chỉ tùy theo thói quen, thành kiến và khuynh hướng đơn giản hóa vấn đề, ta sẽ không thấy được đúng, và do đó vì không có chính tư duy nên ta không đạt tới được chính kiến. Kết luận là ta phải tư duy theo nguyên lý duyên sinh.

Chính ngữ là nói đúng, và nói đúng ở đây có nghĩa là phát biểu sự thực căn cứ trên nguyên lý duyên sinh. Bất cứ một phát biểu nào của ta mà không phù hợp với nguyên lý duyên sinh đều không phải là chính ngữ. Lời nói là một hình thức của hành động, gọi là khẩu nghiệp. Lời nói là dụng cụ để diễn tả điều ta thấy và nghĩ: nếu thấy sai và nghĩ sai thì nói cũng sai. Mà khi ta nói sai, ta gây tác động lầm lạc cho chính ta và cho người khác. Lời nói không những cần phải diễn tả sự thực mà còn nhắm đến sự xây dựng: ta phải thấy tất cả hậu quả của lời ta nói. Chỉ khi nào ta thấu được lý duyên sinh ta mới biết nói những lời có thể khai thị sự thực, tạo nên hòa khí, làm tiêu tan không khí nghi kỵ, oán thù

và sợ hãi quanh ta.

Chính nghiệp là hành động đúng, ở đây cũng có nghĩa là hành động phù hợp nguyên lý duyên sinh. Một hành động thuận theo lý duyên sinh là một hành động chắc chắn đem lại kết quả tốt; một người nông dân biết canh tác theo lý duyên sinh là một người nông dân thông minh, chắc chắn sẽ gặt hái được nhiều hơn những người nông dân khác. Biết được hết mọi dữ kiện về hạt giống, phân bón, thời tiết, thị trường... người nông dân sẽ có nhiều cơ hội thành công. Trong gia đình và xã hội biết hành động theo nguyên lý duyên sinh, người Phật tử tạo được hòa khí và thương yêu, xây dựng được đời sống an lạc của mình mà không phương hại đến an lạc của kẻ khác.

Chính mệnh là phương tiện sanh sống chân chính. Một nghề nghiệp lương thiện, đó là chính mệnh. Nhưng thế nào là một nghề nghiệp lương thiện? Điều này cũng chỉ có thể trả lời bằng sự nhận xét về xã hội trên nguyên lý duyên sinh. Những phương tiện sinh sống không gây tai họa và khổ đau cho kẻ khác trong hiện tại cũng như trong tương lai. Những phương tiện sinh sống thẳng thắn, không lừa đảo, không gieo rắc lầm lạc, không bóc lột kẻ khác, không phá hoại môi trường sinh hoạt của con người: đó là chính mệnh.

Chính tinh tiến là nỗ lực chân chính, tức là sự cố gắng không ngừng trên mọi lãnh vực tu tập. Đây cũng là một phương diện của sự tu tập theo nguyên lý duyên sinh. Có khi những nỗ lực của ta không được gọi là chính

tinh tiến, chỉ vì những nỗ lực ấy không phải là chính nghiệp, được hướng dẫn bởi chính kiến. Những nỗ lực trên hướng danh lợi, tham lam hay căm thù đều không được gọi là chính tinh tiến, bởi vì kết quả của những nỗ lực này có thể là khổ đau cho những người khác và do đó là cho chính bản thân mình.

Chính niệm là sự nhớ nghĩ chân chính. Chúng ta đừng lầm chính niệm với chính tư duy. *Tư duy* là sự suy tưởng trong khi đó niệm là sự nhớ nghĩ, trái với sự quên lãng. Chính niệm là một phương pháp tu luyện rất mẫu nhiệm. Đó là ý thức sáng tỏ về sự sống của chính bản thân mình. Người Phật tử chân chính là người biết tập sống thường xuyên trong chính niệm, nghĩa là sống có ý thức, biết mình đang làm gì, nghĩ gì, nói gì và do đó có tuệ soi sáng mọi tư tưởng, ngôn ngữ và hành động mình bằng nguyên lý duyên sinh. Sống trong sự quên lãng, tự lờ cho mình bị kéo theo ngày tháng và hoàn cảnh mà không tự chủ được, không thấy được mình đang sống, không thấy được sự sống là mẫu nhiệm, đó không phải là sống nữa mà là trôi lăn trong sinh tử.

Chính định là phương pháp thiền định chân chính. Thiền định là sự tập trung tâm ý để đạt tới chính kiến tức là cái thấy chân chính. Định ở đây không có nghĩa là tư duy hay suy tưởng mà là những phương pháp tập trung tâm ý và thiền quán nhằm phát khởi trí tuệ. Những phương pháp này không nhằm đến sự tu luyện thôi miên, pháp thuật và trường sinh, mà nhằm đến sự phát hiện tuệ giác giác ngộ nên gọi là chính định.

Ý chí của Đạo Phật. nhập thế.

Trên đây là đại cương của các đạo lý duyên sinh, tứ diệu đế và bát chính đạo. Học hỏi và thực tập các đạo lý này, người Phật tử xây dựng bản thân mình về ba mặt trí tuệ, tình thương và ý chí. Nhưng cá nhân liên hệ mật thiết với xã hội, do đó sự xây dựng bản thân liên hệ với sự xây dựng gia đình, xóm làng, giáo hội quốc gia và thế giới. Đó là ý chí của đạo Phật nhập thế truyền thống tại Việt Nam.

THÍCH HUYỀN QUANG.
THÍCH NHẤT HẠNH.

(trích trong cuốn «*Đạo Phật áp dụng vào đời sống hàng ngày*» của Nhà xuất bản Lá Bối)

TIN MỪNG

Được hồng thiếp báo tin Ông Bà LÊ-NGỌC-QUỲNH, ở 24 Tự Đức Saigon, sẽ làm lễ thành hôn cho thứ nam là Cậu LÊ KHẢI với Cô CUNG THỊ NHÃ vào ngày 31 tháng 12 năm 1972 tại Saigon,

Xin trân trọng mừng Ông Bà Lê Ngọc Quỳnh và thành thực chúc cô dâu chú rể trăm năm hạnh phúc.

Ông Bà LÊ NGỘ CHÂU

THƯ LÂM ẨM THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão — SAIGON

Dây nói : 25.861

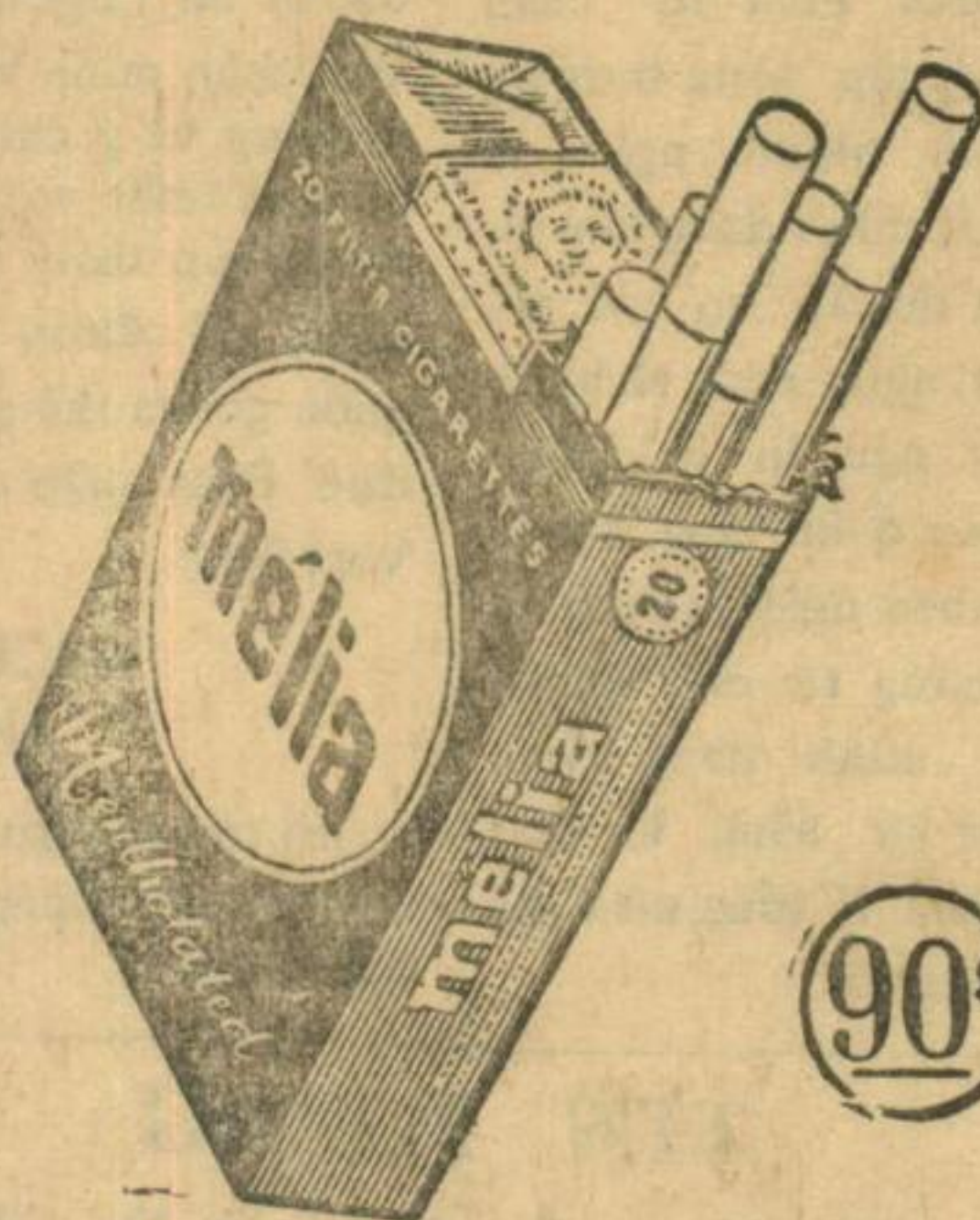
NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG

có xưởng cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện SAIGON

Số : 2.701 THƯ LÂM ẨM THƯ QUÁN

THUỐC THƠM BẠC HÀ (Menthol)



BẦU LỘC BIỂU DÃI

Thượng hảo hạng

Thơm mùi mát cổ. thơm dịu

Những phát giác kỳ dị chung quanh cuốn « *Chinh Phụ Ngâm Điển Âm Tân Khúc* »

Một nghi vấn văn học

Chinh-phụ Ngâm-khúc, nguyên tác bằng Hán văn của Đặng Trần Côn, là một thi phẩm được thành hình vào khoảng giữa thế kỷ thứ XVIII. Tác giả cảm xúc thời cuộc rối ren, nhiều nhương, ly loạn, dùng thi liệu Đường, Tống, nhất là Đường Thi mà soạn ra ngâm khúc, thay lời một thiếu phụ diễn tả những tình cảm sâu thương, mong nhớ, phát biểu một vài ý kiến về cuộc chiến tranh dai dẳng, triền miên, ước mong chinh phu chiến thắng trở về để cùng nhau vui hưởng lạc thú gia đình đoàn tụ.

Tuy nguyên tác đã được Ngô Thời Sĩ thán phục, xong xét về tài tập văn, tập thi, dùng thi liệu của người xưa, nhất là người đời Đường, thì Đặng Trần Côn còn thua xa Sơn Tiều và Phó Thanh Cốc người soạn và người chú giải Yên Sơn Ngoại Sử, một quyền tiểu thuyết đời Minh. Chúng ta không cần bàn vấn đề này ở đây, sở dĩ nêu ra trường hợp Yên Sơn Ngoại Sử là để chứng minh rằng việc dùng văn liệu của người xưa đã thành một nhã thú, một thời thượng từ đời Minh và trong văn học Việt Nam, chính Đặng Trần Côn là người du nhập cái văn phong kia một cách đặc lực. Do vậy mà Chinh phụ Ngâm khúc được nhiều nho sĩ thường thức yêu mến rồi đem dịch ra quốc văn.

Thường thường, một nguyên tác

Hán văn nào cũng có đôi ba người dịch; qua sự đãi lọc của thời gian, bản dịch nào hay nhất thì được lưu hành rộng rãi, lấn át các bản dịch kia. Một đôi khi, giữa hai bản dịch có giá trị tương đương, bản nào lưu hành trước, đã được nhiều người biết đến rồi thì bản ấy chiếm ưu thế.

Chinh phụ Ngâm khúc, bản quốc văn lưu truyền xưa nay, ai cũng nói là của Đoàn Thị Điểm. Chúng ta không tìm thấy một bản in nào trong thế kỷ thứ XVIII để cho vấn đề được giải quyết một cách dứt khoát. Nghề khắc bản in ở thời kỳ đó chuyên chú vào các sách giáo khoa. Những sách nào không can hệ đến việc thi cử thì đều gọi chung là ngoại thư (sách ngoài, ngoài tức là ngoài việc thi cử, đồ đạc), rất ít người lưu tâm đến. Sách Hán văn còn chịu số phận như thế nói gì đến bản diễn nôm của Chinh-phụ Ngâm-khúc chỉ dùng để ngâm nga giải trí, giải muộn, tiêu sầu, ngâm nga cho vui miệng mà chơi. Tuy nhiên vì bản dịch có giá trị, người ta không thể không biết đến tên của người phiên dịch. Sự lưu truyền tên của Đoàn Thị Điểm phải có nguyên do. Nguyên do, chính là cái tài phiên dịch lưu loát, tài tình, nhiều đoạn gần như sáng tác, có thể hay hơn nguyên tác.

Phan Huy Ích cũng có phiên dịch

Chính-phụ Ngâm-khúc của Đặng Trần Côn. Ông lại tự tin là mình dịch hay nữa nên đã tự cảm đề công tác phiên dịch của mình bằng một bài thơ Hán văn. Bài thơ tự cảm đề như sau :

*Nhân mục tiên sinh Chính phụ ngâm
Cao tình, dật hứng bá từ lâm.*

*Cận lai khoái trá tương truyền tụng
Đa hữu thôi xao vị diễn âm.*

*Vận luật hạt cùng văn mạch túy,
Thiên chương tu hướng nhạc thanh
lâm*

*Nhân lai phiên dịch thành tân ngữ
Tự tín thôi mình tác giả tâm !*

Vui lây cái vui của Phan tiên sinh, chúng tôi tạm dịch bài thơ trên sang quốc văn như sau :

*Khúc Chinh phụ của thầy Nhân mục
Trên đàn văn đứng bậc tài danh
Lâu nay truyền khắp thị thành
Văn từ trang nhã, âm thanh tuyệt vời
Dịch sao được cùng lời, hết ý
Nghiệm từng chương tình ý cho
thông*

*Khúc này mới dịch vừa xong
Chắc không đến nỗi phụ lòng người
xưa (1)*

Có thể đổi câu dịch cuối cùng như sau :

Chắc làm sáng tỏ tấm lòng người xưa.

Học giả Hoàng xuân Hãn có tìm được một bản in đầu thế kỷ XIX, có cả bài tựa của nhà xuất bản. Bài tựa như sau :

«Tựa Tân san Chinh Phụ Ngâm từ khúc.

Năm Ất Hợi mùa thu (vào khoảng

tháng 8 âm lịch, Tây lịch 1815), vâng lệnh khắc: một bộ sử tập, gần một năm mới xong, nhân ngồi tại thư đường nói chuyện sách vở, bàn rộng các thơ luật quốc âm ta. Xí thấy bản *Chinh phụ Tân khúc*, từ ý tình điếm, độc giả ai cũng rất trân trọng. Pên dùng khắc luôn. Quí khách xem tới chắc cũng yêu thích như vậy.

Trung Hòa Hiệu cần tựa »

(có dấu hiệu Chính trực đường hiệu tử, và Trung Hòa Hiệu đô thư. Cái ngoặc chú thích ở trên nói «vào khoảng tháng 8, Tây lịch 1815» là của học giả Hoàng Xuân Hãn).

Cái rắc rối và cũng là điếm quan trọng là : *Trung Hòa Hiệu không nói Chinh phụ Tân khúc của ai ?*

Vì sao không nói ? Chính là vì không biết rõ, chứ còn sao nữa...

Không ai chối cãi rằng quả Phan Huy Ích có dịch Chinh phụ Ngâm khúc, nhưng cũng không ai dám quả quyết rằng bản dịch hiện đương lưu hành, dùng làm tài liệu giáo khoa, tương truyền của nữ sĩ họ Đoàn, lại chính là của thi nhân họ Phan.

Công việc nghiên cứu gần gũi nhất của các nhà học giả miền Bắc như của Lại Ngọc Cang cũng chỉ đi đến cái giả thuyết như sau :

—Chinh phụ Ngâm khúc có nhiều bản dịch.

—Bản dịch xưa nhất là của Đoàn thị Diễm.

(1) Theo sách Giảng luận Chinh Phụ Ngâm khúc của Vũ Tiến Phúc—Cầm Sa xuất bản 1971.

— Bản dịch mới nhất, lợi dụng được những cái hay của các bản dịch trước, lại ở vào thời kỳ hoàn chỉnh của thể thơ Song thất lục bát, bản dịch hiện đương lưu hành có thể là của Phan Huy Ích.

Trung Hòa Hiệu ở đầu thế kỷ thứ XIX, bắt quá chỉ mới xa thời sáng tác của Chinh phụ Ngâm khúc trong vòng năm sáu mươi năm, mà không dám khẳng định người dịch bản Chinh phụ Tân khúc là ai, thì người ở hạ bán thế kỷ XX, niên đại xa vời hơn, tài liệu thiếu sót hơn, quyết không nên vô đoán.

Phát giác của Giáo sư Nguyễn Văn Xuân

Nghi vấn văn học vẫn còn tồn tại cho đến ngày một tập sách khảo luận của Giáo sư Nguyễn Văn Xuân ra đời, tuyên bố chấm dứt những thảo luận, tranh luận.

« ● Phát giác quan trọng tác phẩm cổ mà các học giả toàn quốc (Nam cũng như Bắc) mong chờ.

● Chấm dứt cuộc bút chiến kéo dài gần nửa thế kỷ.

● Biên khảo công phu.

● Trình bày những nhận định mới nhất về văn học và văn học sử ».

Nguyên do là Giáo sư Nguyễn Văn Xuân đã tìm được một bản chép tác phẩm mà cách trình bày giống như một bản in, cho nên ông gọi là bản *chép in* của Chinh phụ Ngâm khúc.

Trang 179, sách Chinh-Phụ-Ngâm diễn-âm tân-khúc của nhà Lá Bối

xuất bản, trình bày ở đầu trang :

CHINH PHỤ NGÂM
DIỄN ÂM TÂN KHÚC
Tác giả : Phan Huy Ích

Chưa cần đọc xuống dưới, coi thử Tân khúc ra sao. Chỉ riêng hai dòng chữ này cũng đã gọi cho chúng ta rất nhiều thắc mắc rồi. Dòng chữ « Tác giả : Phan Huy Ích » là của Giáo sư Xuân mới thêm vào mà chơi hay là dòng chữ có sẵn của bản chép in ?

Người xưa có cái tục dĩ hiệu hành thịnh hơn người đời nay. Văn phẩm thi phẩm thường ký bút hiệu. Nếu văn chương được người đời ái mộ tôn kính, người đời còn dùng cả tên đất, tên làng để thay thế cho bút hiệu nữa. Chứng cứ Phan Huy Ích đã viết:

Nhâm mục tiên sinh Chinh phụ ngâm
(Khúc Chinh phụ của thầy Nhân mục).

Nhân mục chỉ là tên làng của Đặng Trần Côn mà thôi.

Ngày nay, chúng ta dùng chữ Tam nguyên Yên Đổ để gọi Nguyễn Khuyến cũng là theo lệ này.

Nếu quả thật là Phan Huy Ích đã dịch bản ấy thì chắc người xưa đã ghi Dụ Am phụng dịch, cần dịch san dịch hay một chữ gì khác chứ không ai ghi « Tác giả : Phan Huy Ích » một cách ngây ngô như vậy. Hoặc có thể ghi « Thụy Khê... phiên dịch ». Dấu chấm lửng để trống là dành cho người dịch điền một bút hiệu hay một biệt hiệu gì vào đó. Dòng chữ « Tác giả : Phan Huy Ích » chắc hẳn Giáo sư Nguyễn Văn Xuân đã thêm vào.

Lại còn chuyện nghị luận hồ đồ, bôi lọ cồ nhân, như sau nữa :

Sở là trong bài «Ai tư vấn» của Bắc cung Hoàng hậu (Vũ Hoàng hậu nhà Tây Sơn, Ngọc Hân công chúa của nhà Lê) có một đoạn trông vời, nhớ thương vua Quang Trung, cách bố cục lập ý giống như Chinh phụ Ngâm khúc.

Ai tư vấn có câu :

*Trông mái đông . lá buồm xuôi ngược,
Thấy mênh mông những nước cùng
mây.*

*Đông rồi thôi lại trông Tây,
Thấy non chắt ngất, thấy cây rườm rà.
Trông Nam thấy hạn sa lác đác,
Trông Bắc thì ngàn bạc màu sương.
Nọ trông trời đất bốn phương,
Cõi tiên thăm thẳm biết đường nào đi.*

Chinh phụ Ngâm khúc có những câu :

*Trông bến Nam bãi che mặt nước
Cỏ biếc um dâu mướt màu xanh
Nhà thôn mấy xóm chông chênh,
Một đàn cò đậu trước ghềng chiều
hôm.*

*Trông đường Bắc đôi chòm quán
khách,*

*Rườm ra cây xanh ngất núi non
Lúa thành thoi thóp bên cồn,
Nghe thôi ngọc địch véo von bên lầu
Non Đông thấy lá hầu chắt đống,
Trĩ rập sè mai cũng bé bai
Khỏi mù nghi ngút ngàn khơi,
Con chim bạt gió lạc loài kêu thương!*

*Lũng Tây chảy nước nhòng uốn
khúc,*

*Nhạn liệng không sóng đục thuyền
câu*

*Ngàn thông chen chúc khóm lau,
Cách ghềnh thấp thoáng người đầu
đi về...*

Ai tư vấn chỉ có 8 câu. Chinh phụ Ngâm khúc đến 16 câu. Ai tư vấn ra đời sau, Chinh phụ Ngâm khúc (bản dịch) ra đời trước. Chinh phụ Ngâm khúc (bản Hán văn) lại ra đời trước nữa. Ai tư vấn có chịu ảnh hưởng của Chinh phụ Ngâm khúc (bản dịch) điều này không làm ai ngạc nhiên. Lại bảo Ai tư vấn chịu ảnh hưởng của bản Hán văn Đặng Trần Côn về cách bố cục, lập ý thì cũng không ai phản đối. Chúng tôi miễn trích đoạn nguyên tác « Vọng quân, hà sở kiến » ra đây vì đã có bản dịch trên kia rồi.

Tả một cảnh rộng rãi, bao la thì phải chia ra từng phương, từng cảnh nhỏ, đó là lý thế tất nhiên, dù không nghĩ gì đến Chinh phụ Ngâm khúc cũng vậy. Như Nguyễn Bá Trắc, trong thời còn lưu lạc giang hồ, phụng sự Cách mạng Dân tộc. Bài Hồ trường có những câu thật bi tráng, thiết tha :

*Hồ trường ! Hồ trường ! Ta biết
rót về đâu ?*

Rót về Đông phương ?

*Nước biển Đông chảy xiết sinh cuồng
loạn.*

Rót về Tây phương ?

Mưa Tây Sơn từng trận chứa chan.

Rót về Bắc phương ?

Ngọn Bắc phong vì vút cát chạy đá bay.

Rót về Nam phương ?

Trời Nam mù mịt

*Có người quá chén như điên như
cuồng.*

Nào ai tỉnh,

Nào ai say ?

Chỉ ta ta biết, lòng tata hay...

Đó, cũng đủ cả bốn phương Đông, Tây, Nam, Bắc như Ai tư văn và Chinh phụ Ngâm khúc vậy !

Bài văn này có ảnh hưởng đến bài văn kia, đó là sự thường gặp ở trong văn giới, bất luận là ở xã hội nào, ở thời đại nào, không cần phải biện thuyết dài dòng làm chi. Có điều, nghị luận như Giáo sư Nguyễn văn Xuân trong sách «Chinh Phụ Ngâm Diễn Âm Tân-Khúc» ở những trang 128, 129 thì thật là nghịch lý.

Số là nhà biên khảo Thuần-Phong có nêu ra chỗ giống nhau của Ai tư văn và Chinh phụ ngâm khúc trong đoạn «Trông vời bốn phương» như chúng ta đã vừa thấy ở trên và đưa ra nhận xét rằng :

«Ai tư văn và Chinh phụ Ngâm khúc hoàn toàn giống nhau và không phải ngẫu nhiên mà giống. Phải có ảnh hưởng nhau. Vậy bản nào gây ảnh hưởng cho bản nào ? »

Câu hỏi của nhà biên khảo Thuần Phong, Giáo sư Nguyễn văn Xuân, sau khi phát giác ra bản chép tay nói trên, đã trả lời một cách dứt khoát :

«Nay thì ta biết chắc Tân khúc đã chịu ảnh hưởng của Ai tư văn. Ta cũng cần biết thêm là Phan Huy Ích

đối với Ngọc Hân hay Vũ hoàng hậu thâm tình chắc hết sức thấm thiết. Chứng minh là khi bà chết, ông làm một hơi những năm bài văn tế.

«Về bài văn tế vua Quang Trung nhiều người nghi ngờ không phải của Ngọc Hân rồi, nhưng luận cứ ấy hợp lý, tôi không bàn thêm nữa. Duy còn bài Ai tư văn thì thực sự tác giả là ai ? Có thể chính Ngọc Hân đã làm, song chắc chắn ít nhất Phan Huy Ích cũng đã nhuận sắc. Giữa Ngọc Hân và Phan Huy Ích có sự thân mật sâu xa tới đâu ? Tôi đoán là chỉ sau khi Quang Trung chết rồi, Phan Huy Ích mới dự việc triều chính, đặc biệt là từ hàn, trong một cương vị đặc biệt. Tôi ngờ ông đã là «bí thư» của Cảnh Thịnh nên các chiếu, hiệu... quan trọng nhất của thời kỳ này mới do ông thảo ra. Sự kiện cùng là người Bắc, cùng chung một triều đại cũ (nhà Lê) lại cùng đều thi thư tao nhã nên Ngọc Hân đã nhờ Huy Ích góp công, góp sức nhiều vào việc sáng tác Ai tư văn chăng ? Điều đó về thực tế có thể tin được vì ta vẫn thấy xảy ra. Còn trong Dự Am văn tập hay thi tập không chép lại có lẽ vì sự kính trọng một bà hoàng hậu không muốn lộ sự bí mật của lòng mình, hoặc giả nếu chỉ là nhuận sắc thì cũng không cần gì ghi chép lại».

Ông Nguyễn văn Xuân lập luận rằng Tân khúc đã chịu ảnh hưởng của Ai tư văn. Lập luận được như thế là vì họ Nguyễn tin rằng Tân khúc được thành hình dưới triều vua Gia Long và năm 1815 mới khắc bản in.

Côn Ai tư văn thì là một khúc bi ca thành hình trong năm Nhâm Tý (1972), năm băng hà của vua Quang Trung hay sau đó ít nhiều. Tuy nhiên làm sao mà Tân khúc (bản dịch lại Chinh phụ ngâm của Đặng Trần Côn) chịu ảnh hưởng của Ai tư văn cho được? Dịch, dầu là phóng dịch, cũng vẫn phải tôn trọng ý tứ, cách bố cục của nguyên tác. Nguyên tác tả cảnh trông vời đến 4 đoạn thì phải dịch đủ cả 4 chứ không lẽ chỉ dịch có 3? Ông Nguyễn văn Xuân cứ lẫn lộn hai chuyện sáng tác và phiên dịch hoài. Dầu có đặt tên là Chinh phụ ngâm diễn âm tân khúc, tân khúc vẫn cứ là một bản dịch, người phiên dịch đâu có thể xưng là tác giả và muốn sửa đổi, muốn thêm bớt gì cũng được?

Nếu ông Nguyễn văn Xuân mở lại sách Chinh phụ Ngâm khúc: dẫn giải của Nguyễn Đỗ Mục (nhà Tân Dân xuất bản) mà đọc: đoạn nguyên tác bằng Hán văn thì chắc ông thấy ngay là Phan Huy Ích chỉ phiên dịch chứ không sáng tác.

Vọng quân hà sở kiến?

Giang biên mãn bạch tần

Yên thảo phi thanh lũy,

Tần tang nhiễm lục vân

Nam lai tỉnh ắp bán phong trần

Lạc nhật bình sa nhận nhất quần...

Chúng tôi chỉ trích dẫn mấy câu thôi, đủ đề nhắc lại rằng ý văn và lý thể bố cục của Tân khúc là phải tùy thuộc vào nguyên tác của Đặng Trần Côn. Cứ cho rằng Phan Huy Ích thật sự là dịch giả của những câu khác

thì dầu ông có muốn chịu ảnh hưởng của Ai tư văn cũng không được.

Trước thì họ Nguyễn nói rằng Ai tư văn đã ảnh hưởng đến Tân khúc, như vậy là thi tài của Ngọc Hân công chúa đã có điểm khả thủ lắm rồi. Sau họ Nguyễn lại dự đoán rằng Phan Huy Ích làm «Bí thư» cho vua Cảnh Thịnh nên đã nhiều dịp giao tiếp với Bắc cung hoàng hậu và Bắc cung hoàng hậu đưa ông coi và nhờ nhuận sắc Ai tư văn. Nhờ người khác nhuận sắc thơ văn của mình tức là tự mình thấy rằng mình kém hơn. Thi văn phẩm của người kém ảnh hưởng ngược lên thi văn phẩm của người giỏi, thật là một thứ ảnh hưởng lạ đời! Nhờ ảnh hưởng đó mà thi văn phẩm của người giỏi lại tăng thêm phẩm chất tuyệt diệu, cái này mới lại càng ly kỳ hơn nữa!

Chưa hết! Ô. Nguyễn văn Xuân còn phát giác những chuyện động trời hơn nữa. Ở cuối trang 129 sách «Chinh phụ ngâm diễn âm tân khúc», ông còn đặt câu hỏi:

«Giữa Phan Huy Ích và bà hoàng hậu trẻ kia còn có thâm tình nào khác hơn không? Tại sao khi Vũ hoàng hậu chết, Phan Huy Ích viết luôn những năm bài văn tế?»

Lời giải đáp ở cuối trang sau. Giải đáp rằng:

«Tôi vẫn nhớ Phan Huy Ích bản chất là một nghệ sĩ hào hoa. Thế thì ông có thoát được thường tình hạng người này không? Ông (1750) hơn Ngọc Hân (1770) chỉ có hai mươi tuổi, vợ chết đã lâu (vợ họ Ngô, chết 1793)

nay đứng trước một hoàng hậu sớm góa bụa, trẻ, đẹp, sành văn chương, người đàn ông mới chưa đến năm mươi tuổi còn nhiều sinh lực đó có thể cảm lòng được không? Khóc hộ cho chồng Ngọc Hân bằng tiếng khóc bi thương lẫn hùng tráng có thể là tiếng khóc chân thành, nhưng bây giờ khóc luôn một hơi bằng những năm tiếng khóc khác nhau, chàng Huy Ích hào hoa phong nhã khóc cho thiên hạ hay cho... chính lòng mình và khóc ngang nhiên trước thần dân và lân quốc? Nỗi niềm tâm sự của Trần Khắc Chung có phải tâm sự của chàng? Và bây giờ *viết nên* tập Chinh phụ ngâm tân khúc, mô phỏng liên miên những đoạn bà vợ trẻ khóc chồng, hình ảnh ai kia có làm cho chàng bối rối, văn chương ai kia có gây thêm cho chàng xúc động, mơ mộng dù cho:

«Tình trong giấc mộng muôn vàn cũng không! Và câu thơ sau đây, thực sự là hành động nhớ chồng hay của chính Huy Ích bỗng đột nhiên nghĩ tới người xưa:

Lên cao trông thức mây lồng,
Lòng nào là chẳng động lòng bi thương!»

(cuối trang 130 và 131; những chữ in xiên là của người viết bài này)

Phát giác rằng Phan Huy Ích có tiếp xúc và đem lòng yêu Ngọc Hân công chúa, dù là chỉ «tình trong giấc mộng» thì giáo sư Nguyễn văn Xuân quả là có óc tưởng tượng quá lớn! Phan Huy Ích làm cách nào mà đứng trước bà hoàng hậu trẻ, đẹp, sành văn chương

kia được? Vua Cảnh Thịnh còn nhỏ tuổi nhưng việc triều chính đã có các quan cố mệnh đại thần giúp rập, Bắc cung hoàng hậu có khi nào được *lâm triều thánh chính* đâu. Bắc cung hoàng hậu không *lâm triều thánh chính* thì Phan Huy Ích làm sao đứng trước dung nhan bà cho được mà rung động? Nhờ ở chức vụ «Bí thư» của Vua Cảnh Thịnh chăng? Cứ cho rằng giả thuyết «Bí thư» là đúng, Phan Huy Ích cũng không có quyền gì ra vào chốn cung cấm cả. Cho dầu vua Cảnh Thịnh có đòi ông vào biệt điện thì việc ra vào có giờ giấc, có người hướng dẫn, chứ vào cấm thành thì đâu có quyền đi tắt về ngang.

Sử nhà Nguyễn Gia Miêu hay đặt điều nói xấu, xuyên tạc, vu cáo nhà Nguyễn Tây Sơn song không ai tưởng tượng nổi được một vụ như vậy cả! Chỉ còn một tí nữa là các độc giả được dẫn dụ đề hiểu ngầm rằng Ngọc Hân công chúa đã cấm sùng vua Quang Trung!

Trở lại vấn đề văn chương: «*viết nên* tập Chinh phụ ngâm Tân khúc..» Chữ *viết nên* mà giáo sư Xuân dùng quả là tối nghĩa. Nó gợi cho người ta cái ý tưởng sáng tác. Và giáo sư Xuân thì lúc nào cũng cứ vô tình hay cố ý làm việc phiên dịch với việc sáng tác cả. Làm sao mà Phan Huy Ích mô phỏng liên miên Ai tư văn của Ngọc Hân công chúa cho được, khi phiên dịch chinh phụ ngâm khúc ông phải theo ý của Đặng Trần Côn? Hai câu thơ:

Lên cao trông thức mây lồng

Lòng nào là chẳng động lòng bi thương.
là dịch từ nguyên tác của Đặng Trần Côn :

Đặng cao vọng vân sắc

An đắc bất sinh sầu ?

Nó không thể nào là tiếng lòng của Phan Huy Ích mơ màng dung nhan của Ngọc Hân công chúa cả.

Cái chữ « người xưa » của giáo sư Nguyễn văn Xuân dùng cũng thật là kỳ ! Người xưa là người đã chết rồi, người xưa cũng có thể là bạn cố tri, bạn tương tri của một thuở xa vò, bạn tình mà ta đã mất, bạn tình đã xa lìa trần thế. Xảo thuật dẫn dụ khiến người ta liên tưởng đến một cuộc ân tình nào đó giữa Ngọc Hân và Huy Ích nằm cả trong chữ khéo dùng này.

Còn cái việc làm một hơi năm bài văn tế, Phan Huy Ích đã đứng trên 5 cương vị khác nhau. « Chí như họ Lê, họ ngoại mà cũng phải do Huy Ích viết, ngoài bốn phận, trách nhiệm của ông, thì quả thật ông phải dựa vào một niềm xúc động riêng nào mới tìm ra cảm hứng được ». Xúc động riêng là những cảm tình yêu thương giai nhân tài tử mà giáo sư Xuân đã phát giác !

Nhưng Giáo sư Xuân phải hiểu rằng không phải làm đủ 5 bài văn tế cho một nhân vật là mình đã có ân tình thấm thiết với nhân vật đó đâu.

Rất đổi làm văn tế đề ca tụng kẻ thù mà mình còn phải ép bụng làm thay ! Trường hợp Phan Huy Ích bị

Nguễn Văn Thành, Tổng trấn Bắc thành dùng uy quyền bắt phải có bài Tế trần vong tướng sĩ cho nhà Nguyễn Gia Miêu, những tướng sĩ vừa đập đồ nhà Nguyễn Tây Sơn mà Phan Huy Ích phụng sự. Phan Huy Ích cũng phải hạ bút, cái nhục văn chương đến thế là cùng !

Trong bài tựa giáo sư Xuân cho biết muốn « tự nhiệm công tác nghiên cứu văn học, lịch sử Miền Nam », chúng tôi xin hoan nghênh cái chí hăng hái của ông, nhưng thực không thể tán thưởng bản chép in mà ông đã phát giác.

Bản dịch tương truyền của Đoàn Thị Diễm có nhiều câu âm điệu rất du dương mà giáo sư Xuân lại đi phát giác một bản chép in, trong đó những câu âm thanh tuyệt diệu biến thành những câu cộc lốc.

Thí dụ bản tương truyền của Đoàn Thị Diễm có những câu dịch rất đủ âm hưởng như :

Chốn Hàm Dương chàng còn ngoảnh lại.

*Bến Tiêu Tương, thiếp hãy trông sang
Khói Tiêu Tương cách Hàm Dương
Cây Hàm Dương cách Tiêu Tương
mấy trùng.*

Nguyên tác của Đặng Trần Côn là :

Quân cố thiếp hờ Hàm Dương,

Thiếp cố quân hờ Tiêu Tương,

*Tiêu tương yên cách Hàm dương
thụ,*

Hàm dương thụ cách Tiêu Tương
giang.

Bản phát giác của Giáo sư Nguyễn,
văn Xuân ghi là :

Chỗn Hàm kinh chàng còn ngoảnh lại

Sao lại Hàm kinh được? Nếu giảng
bài cho học sinh Trung học thì chúng
tôi phân tích nhạc điệu của những
tiếng «Dương, Tương» lặp đi, lặp lại
nhiều lần, tạo cái thể âm thanh vương
vấn, liên châu, liên hưởng.

Nếu thực sự có bản chép in nào đó
thì quả người in và người chép đều

bất thông thi pháp như nhau.

Giáo sư Nguyễn văn Xuân nghĩ là
miền Bắc đã có nhiều người chuyên
khảo về văn học, lịch sử rồi, nên Giáo
sư muốn tự nhiệm công việc này ở
miền Nam. Nói một cách khác, dưới
mắt Giáo sư Xuân sĩ phu miền Nam
thờ ơ với Văn Sử. Nhận định có thể
đúng một phần. Nhưng cũng còn
nhiều người vẫn hằng thiết tha với
công việc mà Giáo sư tự nhiệm. Chưa
đến nỗi bỏ văn đàn thành một vườn
hoang cho ai muốn múa gậy thì múa
đâu.

VŨ - TIẾN - PHÚC



Nhức đầu
: *Nhóng*
Budon
TRI:

Nhức răng, nhức môi, đau
lưng, đau nhức lúc có
Kính Kỳ

KN 85 1211 / AYT / 0009

BNP

A votre service

tous les services de la

**BANQUE
NATIONALE
DE PARIS**

Góp ý kiến với ông Võ-Phiến về bài « Mẹ bồng con »

Anh Võ-Phiến,

Đọc xong bài « Mẹ bồng con » của anh đăng trong số Bách-Khoa đề ngày 30-11-1972, tôi rất lấy làm thích thú về những nhận xét tinh-vi và tế-nhị của anh. Cùng đi thăm xã Lát, quận Lạc-Dương, tỉnh Tuyên-Đức với anh ngày 18-10-1972 và cùng chứng kiến cảnh cô giáo địu con dạy học như anh, vậy mà tôi không có ý kiến gì ngoài ý nghĩ mong mỗi làm sao những phong tục tập quán của đồng bào địa-phương đừng sớm bị tiêu hủy vì nếp sống ồ ạt của văn-minh tràn tới, trong khi anh suy tư kỹ lưỡng về cách mẹ bồng con của ta và của những dân tộc lân cận.

Giữa lúc đang thích thú về những ý nghĩ của anh, sự tình cờ tôi được đọc lại bài thơ Quan ngải mạch (1) của Bạch Cư Dị. Trong bài thơ có mấy câu :

Phục hữu bần phụ nhân

Bảo tử tại kỳ bàng

Hữu thủ bình di huyệt

Tả tỷ huyền tề khuông

Lược dịch

Lại có những người đàn bà nghèo

Địu con ở bên cạnh

Tay phải nhặt lúa sót

Tay trái có treo chiếc rổ rách.

Theo đúng ý nghĩa mấy câu thơ trên, tôi thấy trái với nhận xét của anh, lối cõng con bên nách là lối riêng của Việt-Nam và Việt-Nam dù bắt chước các dân tộc khác cái gì nhưng về cách bồng con thì chúng ta phớt đều.

Tôi nghĩ hay là về thời Bạch Cư Dị người Tàu còn địu con ở bên cạnh, rồi sau này vì cuộc sống thay đổi người Tàu mới đeo chúng ở lưng

hoặc ở bụng ; tôi cũng nghĩ có lẽ « Bảo tử tại kỳ bàng » chỉ là một lối nói của nhà thơ, nhưng tôi vẫn phân vân, vì nếu đeo con ở đằng sau tất nhiên nhà thơ phải dùng chữ *bối*, và nếu mang con ở đằng trước ắt nhà thơ phải dùng chữ *hung* hoặc chữ *phúc*. Phải chăng người Trung-Hoa cũng có lối bế con bên cạnh nách như ta ngoài lối cõng con trên lưng. Thực ra không phải chúng ta chỉ bế con bên cạnh sườn, chúng ta cũng có lối cõng con trên lưng và cả lối bồng con phía trước mặt.

Thường những đứa trẻ hơi lớn lớn chúng ta mới cõng như anh em Tiến-Lực, Nghi Xuân trong truyện Phương-Hoa :

Em ơi, cởi áo trả gì,

Ấu là anh cõng em đi ăn mày.

Đối với những người già cả, đau ốm chúng ta cũng cõng như Tống Chân cõng mẹ, và sự kiện này đã được nhắc trong một câu ca dao hài hước :

(1) Xem gặt lúa mì.

Tổng Chân công mẹ chạy ra,
Đụng phải cột nhà công mẹ chạy vô.
Tổng Chân công mẹ chạy vô,
Đụng phải cái bờ, công mẹ chạy ra.

Theo anh, lối cặp con bên cạnh nách là do hoàn cảnh an-nhàn. Có lẽ đúng, song theo tôi thì:

— Muốn dịu con trên lưng phải có cái dịu, mà chúng ta không chịu dùng dịu, có thể vì tại phiền-phức, nào công mang dịu, nào mỗi khi dịu con lại phải đặt đứa trẻ trên lưng rồi mới buộc được dịu.

— Dịu trẻ trên lưng như vậy, khi đứa trẻ bậy bạ, người mẹ phải gánh chịu hết, và khi đứa trẻ khóc không tiện sự vô về đề ru nựng nó. Hơn nữa mỗi khi cho nó ăn, lại phải tháo dịu xuống, rồi buộc dịu lên.

Do đó ta chỉ công đứa trẻ khi nào đứa trẻ tự bấu lấy cổ mẹ, tự bám trên lưng người mẹ được. Nhỏ hơn người ta cặp nó bên cạnh sườn, lúc nào bậy, người ta đặt nó xuống, hoặc lúc nào nó ngủ người ta cũng đặt nó vào võng, vào giường.

Nói về nhàn, tôi cũng mong tổ-tiên chúng ta quả thật trước đây an-nhàn, còn trong đời tôi đã từng thấy những cô chị vừa bế em vừa vo gạo, những bà mẹ vừa bế con vừa nấu cám lợn v.v... và những người này, có lẽ vì thói quen, họ làm không thấy ngượng-ngịu gì, nhất là có những người vừa bế em vừa giã gạo.

Đúng như lời anh nói, chúng ta sắp xếp lối sống trong gia đình cách nào mà

luôn luôn có hạng được... ở nhà trông coi vườn tược con cái, nhưng tôi không nghĩ như anh là hạng này được nghỉ ngơi. Họ trông em, trông con, trông cháu nhưng họ vẫn có công việc: họ vừa cặp em vừa quét sân, vừa cặp em vừa cho gà heo vịt ăn, vừa cặp em vừa thối cơm để những người đi làm bên ngoài về có cơm ăn.

Theo tôi nhận xét ta có ba lối bồng con:

— ẵm khi đứa trẻ còn nhỏ phải ẵm nơi trước mặt.

— cắp khi đứa trẻ đã hơi lớn, cắp bên sườn.

— công khi đứa trẻ đã lớn có thể tự bám trên lưng người công. Công trẻ, ta chỉ công khi đi xa, hoặc các anh các chị phải bồng em, vừa công vừa chơi.

Ngoài ba lối trên ta còn có lối vác trẻ lên vai khi ru chúng ngủ.

Mấy ý kiến nông cạn xin góp cùng anh để anh suy nghĩ thêm và chỉ bảo giùm cho.

Kính thư

TOAN ANH

BÁCH KHOA

đóng tập

Đã có: bộ Bách-Khoa từ 1957 đến 1971 gồm 44 tập (thiếu các 1, 9, 12, 28, 68, 70, 81, 88, 95, 107, 122, 130, 145, 177.) **Giá 23.000đ.**

Hỏi tại Tòa soạn Bách-Khoa

Nhà Xuất-Bản LÁ-BỒI

Giám đốc sáng lập : Nhất-Hạnh

Lô O, 121, Chung-cư Minh-Mạng Saigon 10



Mời đọc những tác phẩm sau đây :

- △ GÓP NHẬT CÁT ĐÁ
của Thiền-sur Muju, Đỗ Đình-Đồng (dịch)
- NHỮNG TẬT BỊNH THÔNG THƯỜNG
TRONG LỬA TUỔI HỌC TRÒ
của bác sĩ Đỗ-Hồng-Ngọc
- THÂN PHẬN — *thơ tái bản lần III*
của Hoài Khanh
- CHOPIN, nhà thơ của Âm-Nhạc
của Guy de Pourtalès — Vũ-Đình Lưu (dịch).
- ĐƯỜNG THI của Trường-Xuân Phạm-Liễu

Và những tác phẩm đang lên khuôn :

- △ CHIẾN QUỐC SÁCH
Giản-Chi và Nguyễn-Hiến-Lê
- △ BÀI HỌC CỦA LỊCH SỬ
của Will Ariel Durant — Nguyễn Hiến-Lê (dịch)
- △ SỬ KÝ CỦA TƯ-MÃ-THIÊN
Giản-Chi và Nguyễn Hiến-Lê
- △ TÌNH NGƯỜI của Tâm-Quán.

Đến tại LÁ BỒI mua sách được trừ hoa hồng.

ĐẠI-Á NGÂN-HÀNG

TRỤ-SỞ CHÁNH : 61-63-65, Đại-Lộ Hàm-Nghi SAIGON

Điện thoại : 98.460 — 98.700

Chi-Nhánh Cholon :	47-49 Tổng Đốc Phương Cholon	ĐT : 51.047
—	Cầu Ông Lãnh : 21 Bác-sĩ Yersin Saigon	ĐT : 99.386
—	Gia-Long : 121-123 Gia-Long Saigon	ĐT : 96.827
—	Biên Hòa : 10 Nguyễn Hữu Cảnh BH	ĐT : 36
—	Ban Mê Thuật : 80-82 Quang Trung BMT	ĐT : 148.083
—	Vinh Bình : 24 Gia-Long Vinh-Bình	ĐT : 092
—	Sa-Đéc : 139-141 Tổng Phước Hòa Sa-Đéc	ĐT : 114
—	Đà-Nẵng : 197 Độc Lập Đà-Nẵng	ĐT : 21.077
—	Thị-Nghè : 22 Hùng Vương Thị-Nghè	ĐT : 96.251
—	Long An : 36 Thống Nhất Long-An	ĐT : 48
—	Vinh Long, 49 : Phan Thanh Giản V.L.	ĐT : 093

LÃI-XUẤT TIẾT-KIỆM ĐỊNH-KỲ VÀ ĐỊNH-KỲ :

— Dưới 3 tháng	17%
— Từ 3 đến dưới 6 tháng	19%
— Từ 6 đến dưới 9 tháng	21%
— Từ 9 đến dưới 12 tháng	22%
— Từ 12 tháng	24%

LÃI-XUẤT TIẾT-KIỆM :

- 17% mỗi năm : nếu không dự xò-sổ
- 13% mỗi năm : nếu có dự xò-sổ
- 4% mỗi năm : để xò-sổ
- Tiền lời tính theo kết-số dư hàng ngày
- Muốn rút vốn ra bất cứ lúc nào cũng được.

LÃI-XUẤT TÍN-DỤNG :

- Từ 14% đến 28%.

Buổi họp bất thường

Bỗng dưng trời hiu hiu trở lạnh. Nhưng từ sáng rồi kia. Nhưng đến lúc này, lơ lửng giữa đêm trường, cái lạnh mới càng thấm. Vụt nhớ lại 2 câu thơ — cũng là 2 vế đối — mà Hoàng đã được nghe trong buổi chuyện phiếm tại văn phòng bạn Lãng-Nhân, xoay quanh mục « chơi chữ », bất giác Hoàng ngâm lớn :

Góp cùng vũ trụ lưng bầu máu

Gửi với Sơn hà một áng văn (1)

Lúc ban ngày chuyện phiếm, 14 chữ trên đây không một chữ nào gây rung cảm đặc biệt cả. Thế mà, lạ chưa, bây giờ nằm một mình, tai và mắt cùng chấp chờn theo khói tảo, thì khi ngâm lên... 3 chữ « lưng bầu máu » vỡ tung ra, làm cho hoa đèn chiu hắt xuống như đang hắt chịu cả một áp lực ngàn cân. Đồng thời Hoàng chợt cảm thấy mình cũng đang lâm vào một tình thế khó xử : nhà có khách hay sao ấy ; mà lại đông đảo nữa kia ! Đang đêm thế này lấy đâu ra đủ nước sôi để pha trà đãi khách ? Nhưng đến khi Hoàng quay lại phía sau mình, thì... tình thế khác hẳn ; điều mình lo chỉ là lo hão lo huyền ! Bởi lẽ, nhà có khách thật, nhưng đâu phải khách đến chơi với chủ-nhân ! Họ là khách của « 3 chiều không-gian này » và chỉ mượn cái giường bỏ trống ngay sau ngọa-tháp của Hoàng để « họp bất thường » một chuyện.

Ánh đèn tàn không đủ cho phép Hoàng nhận được ra những ai, chỉ biết rằng đông hơn số Thất-hiền Rừng-trúc. Có lẽ đây là Bát-quái của Rừng-phong chăng ?

Chợt có tiếng nói :

« Thằng ấy vừa ngâm cái gì mà nghe thấy màu đỏ vị tanh quen thuộc thế nhỉ ? »

Một giọng khác :

« Đích rồi ! Nếu không, đâu có sự hiệng diện của lũ ta ở đây ? »

Một giọng khác :

« Cứ nói là hiện hồn đi. Khéo vẽ kiềng với kị nữa ! »

Một giọng khác :

« Và... cứ gọi phắt ngay tên cúng cơm của nó ra : Máu ! Hà tất phải loanh quanh màu với vị ? Thằng đang nằm kia kia ngâm 3 chữ « lưng bầu máu » chứ còn gì ! »

Giọng nói của cái bóng đầu tiên lại cất lên :

« Á, à ...! « *Góp cùng vũ trụ lưng bầu máu* », 7 chữ hợp với bọn mình đây ! Một vế đối thơ ! Ta thử đối chơi xem nào ! »

Cái bóng ngồi đối diện bỗng khua tay :

« Đối thì đối ; nhưng phải vạ nghĩ nhiều cho mắt công ! Chỉ nghĩ 2

(1) Theo lời nhà-văn Lãng-Nhân, hai câu thơ này của thi-sĩ Á-Nam Trần-Tuấn-Khai.

chữ thôi ! Còn 5 chữ kia, đề nguyên cho nó tiện. »

Im lặng một... sát na.

Hoàng đợi đến nghệt thở.

Trông lại hoa đèn, thì... tác quái chưa ? vừa mới chịu xuống chực rụng, mà bây giờ đã lại tươi hơn-hơn. chừng cũng đợi nghe văn hay sao ?

Hoàng tự nhủ : « Họ bảo nơi vẽ dưới họ chỉ thêm « đặt lấy » 2 chữ thôi. Không biết 5 chữ nào được phép tồn tại nhỉ ? Và... 2 chữ nào trong nguyên tác sẽ bị « thủ tiêu » ? Ờ... ờ... ! Chữ thứ 1 và chữ thứ 6 chữ còn gì nữa ? Hoàng dám đánh cuộc lắm. Nhưng nếu họ thua và chịu giam tiền, chẳng biết mình có tiêu được thứ tiền của họ không ? Mà chắc gì họ có tiền đấy ! »

Bỗng một âm thanh vang lên. Và lần này nghe quen quen mới chết chứ !

— Tôi là sở-tại ; lúc sinh-thời, dĩ nhiên. Mà tôi lại « thiêng nhất ». Vậy tôi khai vị cho khởi sắc đây này ; ngâm cả 2 vế cho nó chỉnh nhé !

Góp cùng vũ trụ lưng bầu máu

NGŨ với sơn hà một MẠCH văn.

Cái bóng ngồi kể bên phản-ứng ngay :

— Thế là anh sướng nhất còn gì. Tôi mới thăm chứ ! Tôi, một cái túi, nghe chưa ? Và nát bét dưới nhiều mũi nhọn.

Hoàng chẳng cần nghe thêm cũng thừa biết 2 chữ đặt lấy đó là 2 chữ gì. Bởi lẽ khi cái bóng này cất tiếng,

Hoàng đã nhận ngay ra « cố-nhân », từ giọng nói đến dáng điệu.

Vế đối của cố-nhân tất phải là :

NÁT với sơn hà một TÚI văn

.

Lại một sát-na tự hủy diệt nữa. Thì có tiếng nhỏ như tơ, mà nghẹn ngào :

— Tôi thứ ba là phải lắm. Nối lời hai anh đây này :

THẤT với sơn hà một GIẢI văn.

Hoàng biết rồi ! Giọng thì nghẹn, khó nhận ra thật đấy, nhưng bóng dáng thất thểu kia, Hoàng còn lạ gì !

Đèn bỗng sáng thêm một chút. Hoàng chú mục đến một vị ngồi hơi xa, tận ngoài mép giường, không phải vì cái vẻ tiên phong đạo cốt của mặc-khách này, mà chỉ vì cái áo... Kimono chập chờn phấp phới. Hoàng đã chú ý thì đá cũng phải lên tiếng nữa là... Quả nhiên nghe văng vẳng :

— Chư vị đã lấy gì làm ngâm hờn. Linh khí của núi sông mà bị dồn ép đến như tôi mới hận chứ ! Vâng ! tôi đã :

NGÂM với sơn hà một ỒNG văn.

Mà, cũng xin phép chư vị đề cao-đồ của tôi đây nối nhảm vào U-minh-lục vài chữ.

Đến lúc này, khi vị mặc Kimono khoát tay sang bên cạnh, Hoàng mới để ý đến vị « cao-đồ ». Bởi lẽ vị này không ngồi trên giường như 7 vị kia, mà chỉ ngồi móm trên chiếc ghế đầu thấp, cạnh mép giường, nửa khuất sau lưng sư-phụ ! Cái bóng của một cái bóng thôi !

Tuy nhiên, lúc vị này cất tiếng, thì Hoàng thấy giọng người, gan ruột nhao lên muốn chạy trốn... Giọng ngâm bên tai càng thấy sắc bén lạnh lẽo :

RẠCH với sơn hà một BỤNG văn.

Chợt có tiếng thở dài. Cái áo cũng dài không kém, khoác ra ngoài cái bóng đang thở dài kia. Chẳng thể xác định được áo màu gì, chỉ biết nó rộng, và mang một vạch đỏ... như máu, chạy ngang lưng. Câu nói ngắt ngừng ném ra sau đó :

— Cái gì mà chẳng «nước trôi mây cuốn gió thổi chớp nhoáng» đi hết. Văn thì ăn thua gì, chỉ ghét ở chỗ định «chơi với đời» một khúc trọn vẹn, thì chúng nó nhất quyết chia làm hai ; bực mình thế cơ chứ !

ĐÚT với sơn hà một KHÚC văn.

Hoàng cũng bực mình. Vì cái bóng này ngâm xong, chẳng chịu thu hình lại, cứ nghênh ngang như thánh... sống. Và lấy cái bực mình vừa nhân gấp đôi một vị lên giọng kẻ cả :

— Chú mày chỉ lão ! Mà các anh từ nãy đến giờ cũng «hur...văn» cả. Lắng nghe bậc Thi-tiên Tửu-thánh đây này :

CHÌM với sơn hà một HỮ văn.

Hoàng tự nhủ : Bái phục ! Bái phục ! ... nhưng sao lại không «một HỮ thơ» ? À... à phải ! Họ chỉ thêm tự đặt lấy 2 chữ thôi mà. Ai đặt tới 3 chữ là kém ! Đánh đề nguyên chữ «văn» cho rồi.

Và Hoàng nghĩ tiếp, rất nhanh : Vị

Thi-tiên này chả biết vòng tay có đủ rộng để ôm mặt trăng hay không, chứ nghề múa kiếm thì luyện đã hàng chục năm trong rừng sâu của Vu-giáp, Thái-sơn... Mấy vị kia mà trêu vào thì...

Bất ngờ một giọng chát chúa tung ra :

— Tôi là «ma mới», nên tự dành lấy tiếng nói cuối cùng. Ngay từ đầu, vị nào đó đã hạ chữ NGŨ rồi ! Lại còn «... một MẠCH..» nữa ! Thành ra bầu không khí tĩnh quá. Đông-phương có khác ! Nhưng tôi là Tây-phương, là kinh đô Ánh-Sáng, tôi chịu thể quái nào được bầu không khí này ? Bảo là «góp... lưng bầu máu», thì ít ra cũng phải cho nó một cái gì chứ !

NỒ với sơn hà một CÚ văn.

Hoàng giật nảy mình.... Trông lại, chẳng có ma nào hết. Đêm vắng như tờ. Bọn mặc-khách này bất-chấp thật ! Đến rồi đi, chẳng thêm lý đến ai !

Nhưng xét ra, cũng tại mình bất chấp thiên hạ trước ; nhân nào quả ấy còn kêu ca nổi gì !

Chỉ tiếc rằng họ biến mau quá. Vì nếu họ nán lại vài sát-na, chắc chắn họ sẽ được Hoàng cho nghe về đối của chính Hoàng, một gạch-nối-Cảm-thông nối liền gác Phù-sinh với thành Uông-tử :

ĐỐT với sơn hà một ĐIẾU văn.

Sài-gòn 4-12-72

VŨ-HOÀNG-CHƯƠNG

L.T.S. Trong bài tùy bút trên đây, 8 vị mặc-khách rất có thể là :
1, 2, 3, = Các nhà văn V.N. : Nhất-Linh (tự tử bằng thuốc ngủ), Khái-Hưng
(bị thủ tiêu bằng bao gai và mã tấu) Tam-Ích (tự treo cổ)

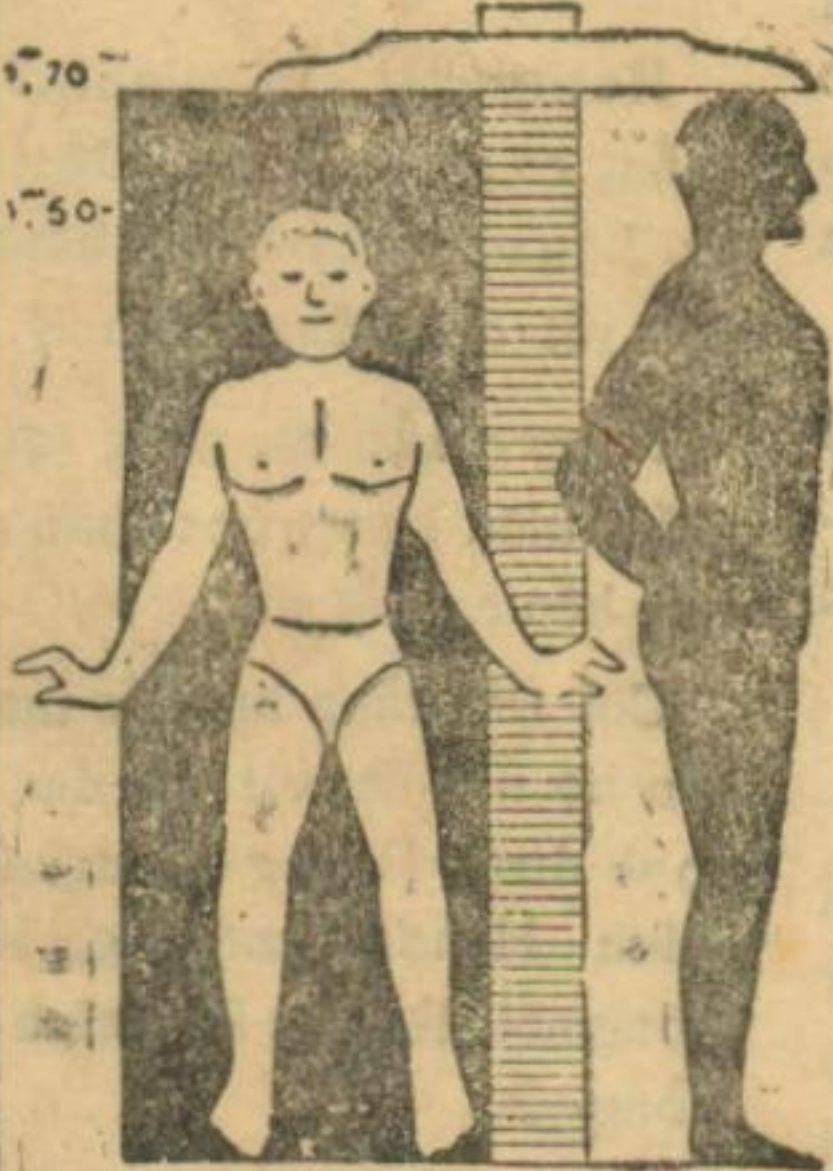
4 và 5 = Hai nhà văn Nhật-Bản : Kawabata (tự tử bằng hơi độc) và
đồ đệ ông, Mishima, (tự tử theo nghi thức cổ truyền : harakiri).

6 và 7 = Nhà-văn Thánh-Thán (bị chết chém ngang lưng) và Nhà-
thơ Lý-Bạch (nhảy xuống sông rồi chết chìm). Cả hai vị đều của Trung-
Hoa cũ.

8 = Nhà văn Pháp-quốc Montherlant (tự tử bằng súng).

Vilaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C - D - PP - B2 - B6 - B12



CON NÍT MAU
BIẾT ĐI
CÙNG XƯƠNG.
MẠNH KHOẺ
NGƯỜI LỚN
CÙNG RĂNG.
ÍT ĐAU RĂNG.
YẾU PHÔI.
MỆT MỎI.

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ.

Quan niệm mới về tiểu thuyết : «Chữ để ra chữ»

II/ THỬ ĐỌC MỘT TRUYỆN NGẮN CƠ-CẤU

Truyện ngắn cơ-cấu « *Une promenade contrariée* » (Một cuộc dạo chơi trắc-trở) của Jean Ricardou đăng tải ở phụ trương của nhật báo « *Le Monde* » ngày 25-06-1971, chưa xuất bản thành sách. Bản in trên không kèm thêm lời giới-thiệu hay một câu chú-thích nào. Như vậy, càng dễ cho độc-giả cứ tự do hiểu theo chính-văn không bấn-khoăn gì tới thân-sử hay lập trường của tác-giả.

Đã là một bản chính-văn mới, tất nhiên nó mang nhiều ý nghĩa (texte pluriel = đa nghĩa) và cho phép chúng ta đọc theo lối cũ và lối mới.

A) Lối cũ tức là lối « cồ-diễn » có thể hiểu truyện ngắn bằng 2 cách như sau :

— a) *Đọc đề tiêu-khiển.* — Đôi nam nữ sinh-viên đang đứng trong một khuôn-viên (campus) đại-học Ba-lê đề sửa soạn đi công-tác phá hoại. Dưới một bầu trời xanh ngắt, giữa những bóng cây tranh tối, tranh sáng, hai người vừa nghe nhạc vừa đặt chất nổ vào chiếc máy phát thanh kiểu transistor trá hình. Từ làng đại-học hai người tiến vào thành phố, tiến lên giữa âm-nhạc, giữa các cao ốc, qua bến tàu, Bảo-tàng-viện và tình nghịch trao đổi những cử-chỉ âu-yếm. Mưa đổ xuống, hai người bước vào một rạp

chiếu bóng trong đó đã có chừng 15 khán giả. Chuông bắt đầu reo, màn mở, phim sẽ chiếu với nhan-đề « Sự căm dỗ của thánh Antoine ». Màn bạc sáng rực lên : xuất hiện một bầu trời xanh ngắt với bóng cây, âm nhạc như khi họ còn ở trong khuôn-viên đại-học. Nghĩa là lại quay về khung cảnh cũ : *cuộc dạo chơi bị bỏ dở, vụ mìn nổ bỏ dở và cuốn phim cũng như bỏ dở.* Thế là một vòng lần-quần đủ « tiêu cơm » hay đủ « buồn ngủ ». Thế là độc giả đã bị « bịp » trong 15 phút nửa đùa, nửa thực.

— b) *Nếu đặt dưới đôi kính « duy lịch-sử » hay « duy xã hội »* (lối cồ-diễn) thì đằng sau truyện ngắn, nói lên một cái « phong » xã-hội hồi tháng 5 năm 1968, ở kinh thành Ba-lê. Trong mấy đêm « đỏ », chính-phủ Pháp (hồi ấy là chính-phủ De Gaulle) cũng lần-quần không biết giải-quyết ra sao, các sinh viên cũng chỉ biết làm một cuộc nổi dậy lãng-mạn : Không chương trình, không chủ-thuyết, ái-tình (1) pha trộn với chính-trị, phá-hoại lẫn vào giấc mơ hảo-huyền. Sau mấy ngày đêm « động trời », đâu lại vào đấy : Ba-lê lại sinh hoạt như xưa, trật-tự vẫn là trật-tự

(1) Có sinh-viên làm tình ngay trong hành lang Đại-học Ba-lê.

ừ mấy thập niên đã qua. Và có thể thối!

Lối đọc cồ-diễn thực là nông-cạn, "tĩnh" quá, bất hợp-thời, vì không nhận định ra cái nghệ-thuật mới tức là "đùa rỡn của màu sắc, của âm-thanh, của ánh-sáng" mà Vật-lý học gọi là *hiện-tượng hoạt-nghiệm* (Stroboscopie).

B) — Văn-chương hoạt nghiệm và vai trò của độc-giả

Trước khi nói tới cách đọc Cơ-cấu thiết-tưởng cũng cần giới-thiệu qua từ vầu-nghe mới mệnh danh « *Littérature stroboscopique* ». Các bạn đã xem một cuộc đánh quyền Anh (boxe) trên màn ảnh truyền hình, tất các bạn đã biết những phút phim được *chiếu chậm lại* để thưởng-hức một "pha" hồi hộp. Trên màn ảnh lớn cũng vậy, nhất là trường-hợp quay phim kiểm-hiệp trước đây : Lúc thu hình, người ta quay nhanh cảnh một tài tử nhảy từ trên lầu xuống đất; khi ráp phim người ta đặt ngược lại, để lúc chiếu ra, với tốc-độ bình thường — chậm hơn tốc độ thu hình — khán giả sẽ có ảo giác là tài-tử kia nhảy nhẹ-nhàng như bay chầm chậm từ dưới đất lên lầu.

Với nhóm Cơ-cấu, kỹ-thuật «hoạt-nghiệm» bước vào văn-chương, ciné-roman. Trong cuốn tiểu-thuyết khoa-học giả-tưởng, tác-giả Claude Ollier tưởng-tượng 4 phi-hành-gia đặt chân lên hành-tinh Epsilon đầy những tuyết và bụi cát. Họ bước tới đâu cũng lấp lánh những ánh sáng, những bóng mây, những chất đá kỳ-kỳ ảo-ảo ném ra muôn màu : màu tím hoa

cà, màu đỏ đất sét, màu xanh ngọc-thạch, màu xà-cừ, tất cả lung linh trông hoa mắt, choáng-váng, « để » ra không biết bao nhiêu hình-thái khác nhau. Đây, văn-chương « hoạt-nghiệm » là thế đấy, là « chữ để ra màu, ánh sáng để ra hình-thái ». Vai trò của người đọc là *đọc cho mau*, cho lệ vì sách có tác-dụng mạnh hay hời hợt tới độc giả, là tùy thuộc ở tốc-độ-đọc, tùy theo ở tần-số (la fréquence) của các chớp nhoáng, các chuyển-động do mắt người đọc thu nhận kịp thời. Truyện ngắn « Cuộc dạo chơi trác trở » cũng đòi hỏi một cố gắng tương-tự ở độc-giả. Hai cách đọc « cồ-diễn » trình bày ở trên đã bỏ quên sự đóng góp tích-cực của người đọc. Vậy xin trở lại truyện-ngắn và thử đọc nó theo hai cách của Cơ-cấu : đọc hoạt-nghiệm và đọc bằng kính viễn-vọng.

C) — Hai cách đọc của Cơ-cấu

a) *Đọc lệ (hoạt-nghiệm)*. — Chúng ta đang ở thời đại mà mọi sự-vật đều chuyển động mau-lẹ chung-quanh: hỏa tiễn, phi-cơ siêu-thanh, nhân loại cứ cách 6 năm đã qua một thế-hệ (xưa kia, trung-bình là 30 năm). Thời đại của chúng ta còn là thời-đại gián đoạn : trên màn truyền-hình vô tường cái lương đang diễn, bị cắt ngang, bởi một tin chiến sự. Truyện « Cuộc dạo chơi trác-trở » cũng mang nhiều thời tính ấy. Bạn hãy đọc nó mau, rất mau, bạn sẽ như bị rơi vào một thế-giới, cái gì cũng lung linh và *nhảy vọt* và bị

(1) *La vie en Epsilon*. Gallimard 1972.

bao vây bởi lấp lánh. Chưa kịp nhìn lên bầu trời xanh ngắt như gần, như sâu-thẳm, đã phải nhìn xuống thấp, rồi thấp nữa, rồi lại ngẩng lên cao : nào màu thanh-thiên chóng mặt, nào bóng cây um tùm xen lẫn nhiều mảnh trời, nào âm-thanh rỉ từ yên lặng với từng đợt vang lên, dội rộng ra, nào tiếng đàn ông, tiếng đàn bà trộn "ngôn tình" (lời ân ái) với tin chính trị ám sát. Tất cả như đùa rỡn với nhau, hòa vào nhau, quay cuồng, tạo thành một không-gian «choáng-ván» hơn cả xinê. Mà xinê thực sự : độc-giả và hai nhân vật đi vào rạp chiếu bóng bao giờ không biết. Kỳ ngộ chưa : Lại bầu trời xanh, lại bóng cây um tùm với mảnh trời sáng chói với âm-nhạc từ yên-lặng vẳng lên. Thực hay ảo ? Mìn có nề không ? Ái tình thăng hay cách-mệnh thành công ? Nếu bạn đọc lại và đọc *lẹ hơn* nữa sẽ thấy «thực» hơn mà cũng «hư» hơn. Nghệ-thuật hư-cấu của Ricardou là ở chỗ soi sáng vào cái cảnh đó bằng một ánh sáng gián đoạn (dis-continu) và nhảy vọt. Tác-dụng của nghệ-thuật có thành-công nhiều hay ít là trông vào tốc - độ - đọc và tần-số của chuyển-động và ánh-sáng làm sống-động cái «cảnh» (scène) ấy. Tóm lại, văn-chương hoạt-nghiệm đòi một cách-đọc-sách cũng hoạt-nghiệm (lecture stroboscopique).

Có người hỏi, nếu kém mắt hay kém Pháp văn mà đọc truyện «*Cuộc dạo chơi trắc-trở*» thì cảm tưởng sẽ ra sao ?

— Chưa biết. Nhưng có một trường hợp khá điển-hình. Trường-hợp của

J. P. Sartre. Đã cao tuổi, ông lại kém mắt không theo kịp đà tiến-hóa của văn-nghệ Cơ-cấu. Trong một buổi hội-thảo (hồi 1966) J. P. Sartre chê các hình-ảnh Cơ-cấu là bất-động và cứ đứng im một chỗ như các ảnh do đèn chiếu (la lanterne de projection) phóng ra. Với một giọng thương nhớ, ông nhắc nhở lại các sống-động của văn-chương hiện-sinh. Lời phát-biểu của Sartre được chào đón bởi tiếng cười và tiếng chế-diễu : «Cho về vườn cái văn-chương bô-lão ấy đi» (Littérature de papa) ! Sartre không chịu «lạc-hậu». Năm 1970, ông cho ra đời Tập I và Tập II của bộ sách phê-bình Flaubert. Một nhà báo trong nhóm «Le Monde» chất vấn ông, ông trả lời : «Tôi đã đọc các cuốn phê-bình Cơ-cấu, tôi không thấy bực thú gì. Nhưng, trong Tập IV (1), tôi sẽ cố gắng áp dụng «Cơ-cấu» vào một số câu trong «Madame Bovary» (của Flaubert)». Nhưng chúng tôi e khi Tập IV in xong (khoảng 1973) nó sẽ bị lạc-hậu nốt. Vì phê-bình Cơ-cấu cứ tiến mau như làn sóng biển, chưa hết đợt này đã có đợt khác tràn đến. Một «Cơ-cấu gia» còn trẻ vừa đưa ra một ý-kiến rất là ngộ nghĩnh:» Xưa nay, các sách khó thường đòi hỏi một sự đọc chậm, nay đến giai-đoạn mới, các sách càng *khó* càng cần phải *đọc mau lẹ* và đứng trước đà cấp-độ-tốc, mọi nỗi khó khăn sẽ tan như các viên nước đá đè gần ngọn lửa». Chúng tôi trộm nghĩ J.P. Sartre lẽ nào sẽ không chạy kịp ! Vậy, chúng ta đành trở lại cách «đọc chậm» như xem xinê chiếu chậm. Cách đọc

(1) Ba tập I, II, III đã in xong (1971).

thứ hai này được các «Cơ-cấu gia» mệnh danh : cách đọc bằng kính viễn vọng (lecture télescopique).

Theo nhóm Cơ-cấu, mỗi câu, mỗi đoạn văn ngắn là một thế-giới nhỏ, một vì sao rất xa cách. Nhưng cứ đọc chậm, đọc ngược, đọc xuôi tựa như quan-sát bằng kính viễn-vọng chúng ta sẽ nhận thấy các vì sao nhỏ ấy rất ràng buộc mật thiết với nhau, cũng như các câu văn rất xa nhau mà vẫn tương ứng như tiếng vang này đáp lại tiếng động kia. Tạm mượn ví dụ trong Đoạn-Trường Tân-Thanh. Hai câu sau này rất xa cách mà vẫn ứng đối tạo nên bộ «xương sống» cho Truyện :

Câu số 749 : *Bây giờ gương vỡ
người tan*

và

Câu số 3073 : *Bây giờ gương vỡ lại
lành*

Michel Butor đã áp dụng phương-pháp này vào việc đọc tiểu thuyết « A la recherche du temps perdu ». Ông ghép những hồi rất xa nhau trong sách và khám phá rằng : nhân vật chính, Marcel, như quý râu xanh, đã yêu 7 người đàn bà trong bảy phòng khác nhau và tất cả đã chết vì Marcel, kể cả mẹ y — vì quá thương con, đã ngủ lại chung giường với Marcel và sau hồi hận đến ngã bệnh mà chết.

Chúng tôi thử đọc chậm theo kính viễn vọng truyện của J. Ricardou, chúng ta sẽ khám phá những danh-từ-mẹ «mots générateurs» của truyện.

«Chữ đề ra các chữ khác», đáng đề ý đầu tiên là chữ « Révolution » (cách mệnh) vẽ bằng màu vàng tại

một chân tường và bị cắt ra : thành vol (ăn cắp) trên nền xanh thành rêve (giấc mơ). Và nếu đọc ngược lại, thành Love (ân ái) như Love machine như Love story. Thế là chánh-trị, mơ mộng, ăn cắp, ái tình bao vây hai sinh viên như một cái vòng lần-quần. Vòng lần-quần « chữ » chưa hết đã tiếp ngay vào cái vòng lần-quần « âm thanh ». Nhiều câu nhắc ở đầu mỗi đoạn như một bài thơ bằng văn xuôi. Nhất là bản nhạc « L'Empire circulaire » (Đế quốc vòng tròn) vang lên từ đầu truyện, nhắc lại như một điệp-khúc cho tới đoạn-kết. Vậy « chữ mẹ » thứ hai là chữ « Cercle » (hình tròn) với tính từ (circulaire) với nhà Bảo-tàng hình tròn, với hình tròn màu đỏ trên lưng cá, với campus (khuôn-viên đại-học) v.v... theo sau nào « cylindre » (hình ống), nào mặt trời, nào đĩa (disque, hình tròn), nào đồng tiền (hình tròn) v.v... Tình nghịch, J. Ricardou mệnh danh bản nhạc là số 8 mà số tám là hai vòng tròn ghép lại 8 ; chữ boucle (hình của số 8) và cả tên cổ nhạc sĩ nữa : Octave cũng gợi ý « tám » (còn thấy trong Octobre tháng thứ 8 kể từ tháng 3). Tôi nói tình nghịch vì J. Ricardou « bịa ra » cái tên bản nhạc và cái tên Octave Mahler. Thực ra, trong lịch-sử âm nhạc chỉ có nhạc sĩ Gustav Mahler (người Áo sống vào khoảng năm 1910) có soạn được 10 bản nhạc trong đó tuyệt nhiên không có « L'Empire circulaire ». Một nhà phê bình đã bông đùa : các thi-nhân có quyền được bịa đặt mà chỗ bịa đặt ấy là nguồn lý thú cho người đọc. (Ở trong truyện Kiều ai

cũng biết Nguyễn-Du đã bịa ra hai điệu Hành-Vân và Lưu-Thủy rồi gán cho nhạc sĩ Kê-Khang. Thật ra khúc Quảng-Lãng của nhạc sĩ Kê-Khang chỉ có hai điệu : Hoa Nhạc và Qui Vân thôi :

*Kê Khang này khúc Quảng Lăng
Một rằng Lưu Thủy hai rằng Hành
Vân*

Nhưng hai danh từ «bịa» này không thể nào bỏ đi mà không giảm thiểu cái đẹp trong Truyện. Vì lẽ chúng báo trước đời Kiều sẽ lưu-lạc như «mây bay» và «nước chảy».

Trở lại chữ mẹ: Cercle của J. Ricardou. Phản-nghĩa của Cercle là croix (chữ thập) : chữ này được dùng hai lần và cercle dùng tới hơn bốn lần trong truyện ngắn «chữ để ra chữ». Ricardou rất chú trọng tới «tử nguyên» nên ông hay dùng các chữ theo nghĩa gốc. Campus gốc từ campagne ; decouper từ couper do đó trong bài từ «découpure des frondaisons» đến «fronts, têtes coupées.»

Nam sinh viên tên là Antoine. Tên ấy nhắc lại : vụ ám sát ở đường Antoine, cái nhan của cuốn phim «Những cám dỗ của Thánh Antoine» và còn nhắc cả đến nhan đề một truyện ngắn của Flaubert. (Tựa như âm Thúy và Kiều để ra Lam Thúy, Lam Kiều v.v...)

Có thể nói : với kỹ thuật «chữ để ra chữ» Ricardou đã thành công soạn ra một truyện ngắn nửa «thực» nửa «hư», pha trộn «lịch sử» với «hiện tại», «cách mệnh» với «ái tình», tất cả để «bịp» đưa

độc giả trong 15 phút giải trí. Cái thành quả đẹp nhất vẫn là nghệ thuật đùa rồn giữa âm thanh, ánh sáng, màu sắc, một đặc điểm trong các truyện ngắn và tiểu-thuyết Cơ-cấu.

Bằng chứng : năm nay (1972) bà Marguerite Duras vừa cho ra đời truyện (récit) gồm 148 trang, mang nhan đề «Ái tình» (L'Amour). Cuốn này có ba nhân vật thì đều lơ mờ không ra hình thù gì cả. Truyện giống như một scénario của điện ảnh : Trên bãi biển Saint Thala, một mụ đàn bà ngồi, đôi mắt nhắm lại, có lẽ là mù, có lẽ là nhớ lại một cuộc tình duyên xưa nay đã tan vỡ, để lại đứa con thơ ; một người đứng nhìn ; một người đàn ông khác đi lại gần ven biển. Thỉnh thoảng giữa ba người trao đổi vài câu đối thoại ngắn ngủi, rồi rạc cho biết người đàn bà muốn nôn mửa vì có thai ; người đàn ông đứng nhìn là một kẻ lạ đến đây tìm nơi tự tử ; còn người đàn ông đi lại là một người điên, đã từng đi đốt nhà ở các thành phố vì chàng thích nghe tiếng còi ô-tô cứu-hỏa. Tuy sách mang nhan-đề «tình ái» nhưng chẳng có gì kể chuyện yêu đương. Bộ ba kia thì mờ nhạt để chờ khi lên màn ảnh xi-nê sẽ nổi rõ hơn. Còn qua cả trang giấy in, họ như bị xóa nhòa trong thiên-nhiên, trong bãi cát, trong tiếng sóng. Mà đúng thế, trong tiểu thuyết mới, đồ vật, ánh-sáng, màu sắc mới đóng vai tuồng chính. Ví-dụ trong truyện «L'Amour» này tiếng kêu của loài chim hải-âu (Mouette), tiếng sóng vỗ, tiếng gió rì-rào, những thay đổi của ánh sáng trên bầu trời khi

mura, khi nắng và trên mặt nước khi phẳng lặng, khi sôi nổi. Duy chỉ có thứ mỹ-thuật mang bút tính đặc-sắc của tác-giả là gây đôi chút hứng thú cho độc-giả. Thực là buồn tẻ !

Pha trộn nghệ-thuật xi-nê với tiểu-thuyết, pha trộn thơ với triết-lý, truyện ngắn với kịch, bỏ hết tâm-lý nhân-vật, bỏ hết lớp lang (l'intrigue) trong cốt truyện, như vậy, hỏi còn gì mà gọi là « tiểu-thuyết » nữa ?

Xin trả lời : Nhóm « tân-tiểu-thuyết » là một danh-từ do một số phê-bình-gia gán cho các nhà văn mới. Thật ra không có nhóm hay phe phái nào hết. Tiểu-thuyết (nghĩa cũ) ra đời theo gót của cá-nhân chủ-nghĩa (Tây-phương) với mấy cuốn Don Quichotte (Cervantès) Robinson Crusoe (Daniel de Foé) và đã chết dần dần dưới ngòi bút của Flaubert, của Proust. Tiểu-thuyết đã chết chỉ còn một thứ mới ra đời gọi là sách tương lai (livre futur) mà thôi. Loài người từ thế giới liên-tục (continu) đã bước sang thế-giới gián đoạn (discontinu), cái hùng khí đã tan, một thứ lãng-mạn uể-oải bất-lực (impuissance) thay thế cho thứ lãng-mạn cũ đầy cương nghị rồi !

Còn đâu những cuộc phiêu-lưu trong xã-hội, ngoài bầu trời hay trong tâm khảm ! Đã không hiểu mình, hiểu người, đã không biết nhân-loại sẽ bị đi về đâu, đời mình lại như bị bao vây bằng một màn bí-mật ngày một dày đặc, các nhân-vật trong các « tân sáng-tác » chỉ là những bóng ma lạc lõng lang-thang (Labyrinthe của Robbe Grillet) hay quên bằng cả cái quá-khứ của mình (Emploi du Temps của Butor) và từ mỗi tác-phẩm (Beckett) chỉ còn một tiếng nói, tiếng nói không người văng vẳng trong sa mạc gần như vô-ngôn (L'Innommable), như một tiếng thở dài ảo não.

Tóm lại, tân-tiểu-thuyết được giới thiệu qua mấy trang trên, không nên coi như một khuôn mẫu mang ra rập lại để soạn một « tân-tiểu-thuyết Việt-nam ». Trái lại, chỉ nên coi đó là một công-cuộc thí nghiệm (une recherche expérimentale) cần phải theo dõi, hay đúng hơn, đây là một sự-kiện văn-minh (fait de civilisation) của thời kỳ khủng hoảng Tây-phương mà người trí-thức không thể không ghi làm tài-liệu lịch-sử.

BÙI HỮU SÙNG

Đã phát hành :

NHỮNG NGÀY CẠN SỮA

của MINH QUÂN

Giải nhất Truyện ngắn Hội Văn Bút

TRÍ ĐĂNG xuất bản và phát hành

Một cuộc dạo chơi trắc-trở

Lên cao, xuống thấp, con đường
chỉ là một và vẫn là con đường

HÉRACLITE

L.T.S. Bài trên, Giáo-sư Bùi Hữu Sùng đã giới thiệu một lý-thuyết mới : «Chữ đẻ ra chữ» (*Mots générateurs*) của J. Ricardou. Đề minh-họa lý-thuyết ấy, Giáo sư Trần-đình-Ý đã có nhã ý dịch từ Pháp-văn sang, một truyện ngắn cơ-cấu trong đó nhà tiểu-thuyết Ricardou kiêm lý-thuyết-gia đã thể hiện thuyết « Chữ đẻ ra chữ ». Truyện này thuộc về loại văn đa-nghĩa (*texte pluriel*) G.s. Ý chỉ dịch sát nghĩa thôi, còn độc-giả có thể suy đoán và hiểu thêm theo nhiều chiều hướng khác với bản dịch.

Phần đầu và phần cuối của «Một cuộc dạo chơi trắc-trở» là hai đoạn giống nhau — truyện có cơ-cấu vòng tròn (*structure circulaire*) — nên ở sau chót chúng tôi có đăng lại đoạn này bằng Pháp-ngữ để bạn đọc có một ý-niệm về nguyên-tắc.

Trước hết là một màu xanh ngắt, sâu thẳm mà gần, một màu xanh nhấ loạt, đồng đều, nom chóng cả mặt. Mặc dầu bản khoắn cổ tìm, vẫn không thấy một mảy may biến sắc trong ánh sáng của nó. Thấp hơn là đám lá cây khấp-khềnh, như in vết cắt rành rành, bày ra một biểu-đồ phức-tạp. Thấp hơn nữa là bóng cây tranh tối tranh sáng, chỗ nào cũng lốm-đốm những màu trời to nhỏ không đều. Và bây giờ—không thể nhầm lẫn được—từ sự yên lặng rỉ ra từng bậc rồi vang lên bản nhạc «L' Empire circulaire» (Đế-quốc vòng tròn) : điệu nhạc dồn dập, tuy dịu dàng nhưng vẫn báo trước những bùng lên sau chót của dàn nhạc. Bây giờ, lại nhìn lên cao : trên nền xanh, tuyệt nhiên không thấy một gợn, một vân nào hứa hẹn sắp có mây. Và bây giờ là những

tiếng. Một tiếng đàn bà, run run thều thào : «Anh Antoine, chúng ta trốn đi, em tin chúng biết hết rồi». Tiếng trầm trầm của đàn ông đáp lại : «Vây phải đi đến cùng». Rồi quay ra bông đùa, nói như «mần tuồng» và nhấn mạnh vào những tiếng hiệp vần, người đàn ông tiếp : «Hà có đưa lời cảm dỗ ? Dám manh tâm khuyên mỗ đợi chờ ! Đợi chờ chí cực, ớ cô ! (1) Đề anh kiểm soát lại tất cả thì hơn...»

Người đàn ông quỳ giữa đám cây thưa thớt trong rừng. Mặt chàng cúi xuống, tối sầm vì những chùm tóc vàng hoe, dài quá khổ như tóc giả, lóng lánh dưới ánh sáng. Chàng ngấm

(1) Nguyên văn : «Puis changeant de ton, avec une emphase ironique qui souligne les consonances, il ajoute : « Pourquoi me tenter donc ainsi quand le pire est l'attente ?... »

nghĩa, trên đám cỏ, một chiếc hộp đen, một mặt chằng lưới sắt nhỏ. Chàng thong thả xoay cái nút giữa khiến âm nhạc nhỏ dần cho đến khi im bật. Sau đó, chàng thận trọng lật ngửa cái hộp, để lộ ra dưới đáy một cái đinh ốc lớn dùng để tháo máy.

Thiếu nữ tránh ra một bên. Bóng dáng đỏ chói. Mái tóc nàng nổi bật hoặc mờ đi, tùy lúc nàng đi qua đám lá sáng lòa hay những vỏ cây đen xạm. Chân nàng ngập ngừng bước, thấy bụi cây nào lay động thì dừng hẳn lại. Nhưng dần dần, nàng cũng vòng ra xa, cách người bạn một khoảng rộng.

Tứ túi bên phải chiếc quần "dín" xanh, người bạn này đã rút ra một đồng tiền, hình giản dị: tròn, đẹp, và mạ vàng, mang biểu-hiệu chữ thập. Giữa lòng bàn tay chàng, trong khoảng khắc, đồng tiền có dáng một mặt trời nhỏ xiu. Vô tình, chàng tung nó lên không g tức thì đi ng tiền quay một, hai, ba, bốn vòng. Nhưng chàng bắt lấy nó, lấy cạnh luồn vào cái rãnh nhỏ trên đinh ốc, bắt nó xoay tròn như chiếc chìa khóa. Tức thì đáy hộp rơi ra. Một phần tư khoảng trống bên trái đựng chiếc hộp đen tí hon, một mặt chằng lưới sắt nhỏ và gắn chặt vào bộ phận nòng cốt bằng vải nhựa hình chữ thập. Một cái trục cứng nằm lệch khiến nút bấm giữa của máy phát thanh lớn rộng lòng có thể tác động trực tiếp vào máy con. Antoine đầy chột hăm: chẳng mấy chốc, tấu-khúc của cổ nhạc sĩ Mahler lại vang lên, lần này thì âm-âm như sấm. Thiếu-nữ rung mình, lại gần.

Khoảng trống còn lại trong máy phát thanh lớn chứa 8 ống cốt mìn đỏ, cột chặt như nhau. Antoine ung dung giải-thích: "Muốn châm ngòi, chỉ cần vặn khế chiếc nút bên phải: bảy giờ thì sẽ còn được mười sáu phút, C'è a » Rồi chàng đẩy máy lại. Thiếu-nữ, bảy giờ mặt trắng bệch như sáp, quàng giầy đeo máy lên vai

Chẳng bao lâu, hai người khoác tay nhau, tiến dọc theo con đường nhỏ, ngoằn-ngoèo giữa đám cây. Lúc họ tới đường cái giốc xuôi, nhiều màu sắc vùn vụt giao nhau, ngược ngược xuôi xuôi, bên này và bên kia vạch vàng, giữa những tiếng còi xé tai cùng rú lên một lượt: màu xanh, rồi đi hai bên cánh đồng quê; màu đỏ rồi màu đen xuống phía đô-thành. Đôi trai gái cũng đi về phía đó, trên lẽ cỏ cắt xén đều đặn, dọc theo đường xi-măng hẹp thẳng băng.

Giữa lúc họ đang tiến bước và giữa lúc về phía tay phải của họ, hiện ra hình hộp trắng cuối cùng của làng Đại-học, một mặt chằng lưới sắt trên khung cửa sò, thì cả hai ngăm thỏa-hiệp bày ra một trò chơi. Quy-luật trò chơi rất giản-dị: cấm không được đặt chân lên cái rãnh nhỏ ngăn cách đều đặn những tảng đá lát. Vì khoảng cách giữa đường nét của những tảng đá không khớp với bề dài của bước chân nên đôi thanh niên phải điều-chỉnh cho bước chân của họ thực đều nhau; điều này khiến họ thoạt đầu còn tùm tùm sau phá lên cười rồi cùng dừng lại, nhìn nhau đăm-đăm.

Bên kia bãi cỏ rộng, người ta đã vẽ bừa-bãi vào nền tòa nhà vô số hình bất ngờ. Danh-từ RÉVOLUTION

(Cách-mạng) viết bằng chữ hoa vàng, vươn dài ra và kèm theo những hình khác nhau. Một hình chữ nhật xanh biếc bao quanh ba chữ RÉV. Một hình vuông xanh lơ trùm khắp ba chữ VOL. Đen ngòm, hai gạch chéo hình chữ X, xóa nhòa mất ba chữ ION. Ngoài ra, một mũi tên đỏ chia về tay phải còn làm nổi bật mấy chữ ÉVOL. Cléa nói: « Hình chữ nhật, hình vuông, còn hiểu được nhưng còn hai gạch chéo cùng mũi tên có ý nghĩa gì? » « Thật giản-dị hết sức », Antoine trả lời trong khi hai người tiếp-tục đi dạo giữa những tòa nhà của khu phố dành cho các tư-thất; những nhà này, hình-dáng tuy khác nhau nhưng mỗi tòa thể nào cũng có một bồn cỏ cắt xén công-phu, một vài gốc cây rải-rác đó đây và một nhà chứa xe bên cạnh. Đứng xa, ở mức thấp hơn, người ta nhận rõ những nhà kho, những hệ-thống điện nước... của khu bến tàu. « Như thế có nghĩa là giấc mơ đã cáo chung vì Cách-mạng, hay vì Cách-mạng, sự trộm cắp đã cáo chung. » Đột-nhiên bóng tối xóa nhòa tất cả, những gì mắt còn nhìn thấy được biến thành đơn giản. Cléa và Antoine cùng ngừng đầu lên: một đám mây đen, rủ tua vàng rực rỡ, lướt qua, che khuất mặt trời. « Hay là Cách-mạng đã cáo chung vì sự trộm cắp và vì giấc mơ ». Hay còn thế này nữa: tất cả đều cáo chung bởi Cách-mạng cho phép giấc mơ và trộm cắp hoành-hành ». (1)

Theo một đường gần giống đường chéo, một vết rạn rất nhỏ chia đôi một tảng đá lát. Và cách đó không

xa, lại một tảng đá khác.

Trong khi đó, Antoine đã thận-trọng vặn nút giữa của chiếc máy. Một tiếng phụ-nữ với lời phát âm kiểu cách đang đọc chương-trình buổi phát thanh: « Và giờ đây, thưa quý bà, quý cô, quý ông, trong chương-trình âm-nhạc thu băng hàng tuần của chúng tôi, quý vị sắp thưởng-thức bản « L'Empire circulaire » (Đế-quốc vòng tròn), tấu khúc số 8 trong nhạc-phẩm của cố nhạc-sĩ Octave Mahler ».

Cléa phì cười: « Vừa thưởng-thức chứ ! »

Đây là ngã tư đường. Sự lưu-thông được điều-hành bởi một bảng hiệu—bây giờ đang mang hình vuông đỏ,—đặt trên ngọn một chiếc cột đen hình tháp. Dưới đất, tất cả đám hè lát đá ở góc đường bị nứt rạn thành nhiều mảnh, được chất sập bắt chước một cách hết sức tài-tình, với hàng ngàn chi-tiết. (2)

(1) Cả đoạn này dựa trên lối: a) điệp-ngữ (nguyên-văn nhắc đi nhắc lại những chữ révolu (cáo chung), au profit de, au bénéfice de, à l'avantage de (dịch là « vì ») b) lối chơi chữ và lối tượng trưng. Chữ Pháp RÉVOLUTION (Cách-mạng) gồm: RÉV (đọc như rêve: giấc mơ); VOL (sự trộm cắp); RÉVOLU (cáo chung). Màu xanh tượng trưng cho hi-vọng, cho ước mơ. Căn-cứ vào những đặc điểm trên, chàng thanh niên đã tán rộng ý-nghĩa của những chữ và hình vẽ.

(2) Ở một vài nước ví dụ như ở Pháp, có những viện bảo tàng như viện bảo-tàng Grévin, dùng sập nặn thật giống những nhân vật hoặc những cảnh nổi tiếng trong



Từ con đường ngang đi tới, hai chàng thanh-niên băng qua mặt lộ, về phía tay trái. Họ bước mau, hết người nọ đến người kia cứ vung mạnh tay, tỏ vẻ bất đồng ý-kiến với người đối thoại. Lúc họ đi qua, một mẩu câu chuyện cãi cọ của họ vang lên : «Thế còn vụ mưu sát ở đường Saint-Antoine thì anh bảo sao? — Tôi bảo là chuyện xi-nê».

Đền xanh bạt. Cléa và người bạn trai vượt qua đường nhựa, nhưng sau bảy tám thước, họ dừng sờ, đứng lại, tro tro bất động : Không thể nhắm mắt được, từ sự yên lặng rỉ ra từng bậc rồi vang lên bản nhạc « L'Empire circulaire » (Đế-quốc vòng tròn) : nhịp điệu dồn dập báo trước những bùng lên sau chót của dàn nhạc. «Những đầu, những trán mang vết cắt xén rành rành...» Antoine thì thầm tự nhủ như vậy rồi chàng tiếp : «Ồ hay ! sao ta lại nói thế ?» (3) Một bóng mây lướt qua, đôi mắt thiếu-nữ trong khoảng khắc thành đơn giản. Giữa lúc đó, chàng đẩy nút hãm đề cắt ngang chươn-trình phát thanh. Rồi quay ra bóng đèn, nói như «mãn tuồng» và nhấn mạnh vào những tiếng hiệp vần, chàng tiếp : «Ngon ngọt mặc lời cảm dỗ. Dùng máy này, mô biết đợi chờ. Đợi chờ cho đúng thời cơ» (4).

Bầu không khí đã thành nặng nề.

Trong khi đôi trai gái tiếp tục đi dạo về phía đô-thành, mây đã đùn như núi ở chân trời từ lúc nào không biết. Nhưng những lâu đài bát ngát do chúng chồng chất lên dần dần bị nhiều

mảnh trời làm tan vỡ. Hình như đề giải khuây cho cô bạn gái, chàng thanh niên chỉ cho nàng xem—tại một trong những khu vườn cuối cùng trên đường cái—hình chữ nhật của một cái hồ. Nơi đây, dưới một vài chiếc lá tròn, nhiều loài cây đang uốn cong mình ; giữa những thân cây đó, hai con cá chép lượn lờ, uể oải gần như bất động. Một con màu đỏ chỉ có cái vây đuôi lấm-tấm điểm đen. Con kia màu đen, chỉ đôi lỗ mũi mới in màu đỏ. Bây giờ, không thể lăm lăm được, từ sự yên lặng, hai con cá nhô dần ra ở những chiều sâu khác nhau. Nhưng vì mặt trời còn cao, dưới ánh những đám lá, bóng của chúng giao nhau thành hình chữ thập rành rành. Cléa hăm hở nhặt một hòn sỏi dưới đất, giữa những tảng đá nứt rạn, ném vào nước ; trên mặt hồ, một tiếng «tôm» đột ngột vang lên. Tiếng nổ nhỏ khiến hai con cá tránh xa, dấu chữ thập cũng tan biến.

←

quá khứ hay trong hiện-tại. Tảng đá này nứt rạn chắc là do một vụ mưu sát bằng chất nổ và vụ này đã được ghi lại bằng sập nặn đề trong một viện bảo-tàng thuộc loại nói trên và sẽ được nhắc tới trong phần cuối của câu truyện này.

(3) Những lời của hai thanh niên vừa đi qua nhắc đến vụ mưu sát ở đường Saint-Antoine và chiếc máy phát thanh đựng chất nổ của Antoine khiến chàng nghĩ đến cảnh đổ máu sắp tới do chính chàng gây ra.

(4) Nguyên văn : Puis, changeant de ton, avec une emphase ironique qui souligne les consonances (il) ajoute : quelque sollicitation qui désormais nous tente, cette boîte, sachons attendre pour ne la faire agir qu'à bon escient ».

Hai người lại tới một ngã tư. Có tiếng vang rền từ khoảng không vô định vọng lại. Lúc đó, đường nét của những tảng đá bị tan rã hoàn-toàn. Trong góc, một tấm bảng chỉ con đường ngang bằng mũi tên đen; trên bảng đề mấy chữ hoa xanh lơ trên nền vàng: « MUSEE DECIRE » (viện Bảo tàng bằng sáp). Bảng mấy nét sơn đỏ, có kẻ tinh nghịch đã sửa chữa để dàng thành « MUSEE DU CERCLE » (bảo tàng viện của CẦU LẠC BỘ (5) Đèn xanh bật, hai người băng qua mặt đường sang phía bên kia; ở đây, không còn cỏ nữa: từ đáy các nhà được xây cất cạnh lề đường. Càng đi xuống họ càng thấy nhà cửa kiến-trúc tầm thường, cao ba hoặc bốn tầng. Bao giờ cũng có bậc thang dẫn lên tầng trệt hơi cao. Dưới những vân cẩm thạch tím nhạt, khi tụ khi tán, tất cả đều bị bao phủ bằng một làn ánh sáng đồng đều và lơ mờ. Không hề có bóng rợp cho những đồ bả rác tạp nhạp, tụ tập đó đây trong các rãnh; cũng không có bóng rợp cho một con vật đang động đậy trên lề đường, kêu gọi sự tò mò của những người qua lại. Đó là một con bọ hung nhỏ, không hiểu sao lại lạc loài đến đây. Lưng nó có bốn vòng đỏ, lăm - tám những hạch đen. Cúi xuống thấp hơn, Cléa và Antoine nhận thấy nó hoàn toàn bán thân bất toại: tất cả mọi chân bên phải của nó đều bất động. Những chân bên trái còn cựa quậy; những bộ phận cuối thân con vật vẫn còn bám được vào những chỗ ghồ-ghề li-ti trên mặt đất; do đó, con vật xoay chuyển thành

những đường vòng ngả về phía bên trái, nhìn kỹ mới thấy những hình này hơi sai lệch nhau. Chỉ dặm gót chân là cái cảnh nhỏ xíu đó sẽ bị tan nát: bấy giờ, chỉ còn lại một ngôi sao nguệch ngoạc, phát sinh từ cái mai con vật vỡ ra từng mảnh; những cái chân tản mát mỗi cái một phía; và chất nước vàng do cơ thể con vật tiết ra.

« Em van anh, hãy đề nó đấy ». Thấy người bạn trai theo lời mình, Cléa cảm ơn bằng cách gật đầu tán thành lia lịa với một nụ cười thoáng qua. Nhưng tức thì nàng giật mình: giữa tiếng vang rền loè lên hình một thân cây đứng sừng sững, chạm trổ tinh vi, làm nứt rạn nền trời.

Bây giờ, hai người tiến về khu bến tàu, giữa những căn nhà nhộp nhúa. Dưới đất, một cơn gió lốc thổi tung những mảnh giấy cũ kỹ, khiến chúng quay cuồng, rồi bỏ mặc chúng rơi chỗ này, chỗ khác, lộn-xộn không đồng đều. Khách qua lại bước rảo về mọi ngả. Trước sự vội-vã đó, hai người mặc áo vải dầu, đội mũ cát kết lười trai, vẫn thản nhiên. Từ một cái dây nhầu nát, một người rút ra nhiều con cá mòi, nhét một con vào tay đồng bạn; người này lau cho con cá khô đi rồi đút đầu nó vào miệng, và nhai miếng cá vừa cắn ra.

Những hạt mưa lớn lác-đác rơi, bẹp di trên đường nhựa gồ-ghề. Và bỗng nhiên mưa rào đổ xuống. Trong khi chàng và nàng núp dưới một cánh

(5) Hoặc Bảo-tàng-viện của Vòng tròn — Văn lối điệp-ngũ và lối chơi chữ.

cửa ngăn, Atoine nói : « Hãy tin vào mình. Bây giờ đừng lùi nữa ». Quả vậy bên kia đường, cách chừng 12 thước theo đường chéo, rạp chiếu bóng Nucléa mở toang cửa. Tiêu đề cuốn phim « LA TENTATION DE SAINT ANTOINE » (Sự cám dỗ thánh Antoine) trải dài ra bằng những chữ hoa đen, trên nền trời đỏ. Ở dưới trong, một khung cảnh bát ngát màu vàng, một người đang quì. Mái tóc nâu của người ấy cắt ngắn. Mặt ngửa về phía sau. Cánh tay phải giơ cao, bàn tay kia vung cây thập-tự-giá (nhìn nghiêng, cây thập tự có vẻ gần chạm những chữ « ION ») như để khu trừ cái bóng bán diện dài, đen, có lẽ trần truồng, đứng khệnh khạng cách đó không xa và vượt khỏi đầu người đàn ông bằng tất cả chiều cao của nó. Một mái tóc vàng hoe chảy như giòng suối, trên vai, trên đùi rồi lan rộng cho đến khi tan hẳn vào khung cảnh đồng một màu, màu lửa sáng bạch.

Mưa trút ào ào ; hai bên cạnh đường, một thác nước đen ngòm dâng cao. Thoạt đầu, những đồng rác liền nhau hợp thành đập chắn nước trong những vũng nhỏ tròn. Nhưng rồi nước tràn lên đã phá hủy hết. Từ khu phố dưới, một đôi trai gái đi tới mặc cho mưa dán những chòm tóc vào mặt. Khi họ đi qua cái cửa ngăn, lời nói khàn-khoản của cô gái nghe rõ gần hết : « Anh thề sẽ làm chữ X cho em ; anh thề sẽ làm em nở tung nữa nhé ! » « Thế nghĩa là gì ? » Cléa ngây thơ hỏi người bạn trai đang kéo nàng theo đường chéo về

phía rạp chiếu bóng. Antoine dịu dàng đáp : « Có gì đâu ? Một vài điều lằng-nhằng về sự bí mật của mũi tên lộn ngược. »

Lúc họ vào trong rạp, ánh sáng đã tàn tự bao giờ. Mười lăm, mười sáu khán-giả ngồi rải-rác thành từng nhóm, hoặc ba hoặc bốn người. Hai khách bộ-hành ngồi vào chỗ. Cléa định luồn tay dưới gáy người bạn trai nhưng chàng này ngăn lại : « Em làm xô mái tóc giả của chúng ta bây giờ ! » ... Nhưng khi bóng tối thành dày đặc, gần đen như mực, Cléa lại nhích tới gần, áp miệng vào má chàng thanh-niên và thì thầm : « Này anh hãy nhìn : tất cả mọi người mới im lìm, yên lặng làm sao ! Tựa như một lũ hình nộm ». Quả vậy, mặc dầu cảnh tranh tối tranh sáng, người ta có thể đọc được dưới mặt tử kính mấy chữ : « Vụ mưu sát ở đường Saint-Antoine ». Trong phòng triển-lãm, cảnh thứ hai, gồm những tượng nhỏ bị tàn phá mang tên « Hậu quả của vụ nổ bom nguyên-tử lần thứ tư ». Antoine úy-lạo nang : « Ô hay ! việc gì mà lo ngại ? Anh vừa mở máy ; mình còn hơn mười lăm phút kia mà ! »

Trong khi một tiếng chuông xa xăm rung lên, màn nhung chia những nếp gấp thành hai phần, dồn mỗi phần về một bên đồng thời rẽ ra dần dần. Đột nhiên màn bạc bật sáng. Trước hết là một màu xanh ngất sâu thẳm mà gần, một màu xanh nhất loạt đồng đều, nom chóng cả mặt. Mặc dầu bán-khoản cổ tìm, vẫn không thấy một mây may biến

sắc trong ánh sáng của nó. Thấp hơn là đám lá cây khấp khềnh như in vết cắt rành-rành, bày ra một biểu-đồ phức-tạp. Thấp hơn nữa là bóng cây tranh tối tranh sáng, chỗ nào cũng lổm-dổm những màu trời to nhỏ không đều. Và bây giờ, không thể nhăm lẩn được, từ sự yên lặng rì ra từng bậc rồi vang lên bản nhạc «L'Empire circulaire» (Đế-quốc vòng tròn): điệu nhạc dồn-dập, tuy dịu-dàng nhưng vẫn báo trước những bùng lên sau chót của dàn nhạc (1).

J. RICARDOU

Bản dịch của TRẦN-ĐÌNH-Ỡ

(1) Đoạn nguyên tác bằng Pháp ngữ sau đây cũng là đoạn đầu của truyện ngắn này và được lặp lại ở sau chót.

« Intense, c'est d'abord, dans sa profondeur proche, un bleu d'une uniformité vertigineuse. Malgré une anxieuse recherche, nulle variante en sa lumière. Plus bas, l'irrécusable découpage des frondaisons offre un graphique compliqué. Plus bas encore, la pénombre végétale est partout criblée d'irréguliers éclats de ciel. Et maintenant, sans erreur possible, sourdant par degrés du silence, s'élève la musique de l'Empire circulaire : cadences lancinantes, annonciatrices déjà, en dépit de leur douceur, des ultimes explosions de l'orchestre ».

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-Hội) SAIGON

Tél : 21.266 – 21.273

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE GAZ — CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCLOPROPANE
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON etc...

Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique
Installations de gazothérapie

NOTE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE LA
CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS

Sách đẹp, tặng nhau trong dịp Giáng sinh và Tết

NHÀ CÓ HOA MIMOSA VÀNG

Truyện của HOÀNG NGOC TUẤN

Ước mơ Hạnh phúc và Hòa bình
của lứa tuổi thanh xuân

An Tiêm xuất bản. Đồng Nai tổng phát hành



Giai thoại một thời

4/ NGUYỄN VĂN XUÂN

Giọt máu rơi của Nguyễn Công Trứ

Chúng ta thường đọc tiểu sử¹ Nguyễn Công Trứ, được biết khi làm Tuần Vũ An giang ở Nam phần, ông bị vu buôn lậu rồi bị cách chức, đưa về làm lính ở Quảng Ngãi.

Thế nhưng tại sao ở Quảng Tín và Quảng Nam (xưa là Quảng Nam) có những hai gia đình vào hàng khá giả, đều thờ ông, xem như người tạo lập giòng họ Nguyễn Công ở đây. Tôi được cái hân hạnh đến thăm cả hai gia đình này. Ngẫu nhiên kỳ thú là cả hai chủ gia đình đều là hai ông giáo (có lẽ là hương sư). Gia đình ở Quảng Tín, tôi chưa có cơ hội thân mật chuyện trò, chứ gia đình ở Quảng Nam, hiện con cháu có người ở Đà Nẵng thì tôi đã đến viếng thăm. Ông giáo Ph., nay là chủ nhà in T.M. ở Đà Nẵng, có nhà cao cửa rộng, có vườn tược đẹp đẽ, hoa lá tươi tốt bốn mùa. Tôi có xem bàn thờ và thấy tên Uy Viễn tướng công rành rành chớ không phải chỉ là chuyện nghe đồn nhuyền.

Tôi ngạc nhiên vì lẽ xưa nay, tôi biết Cao Bá Quát có bị đày vào Đà Nẵng, ở dạy học vùng gần Cầu Đỏ, nơi gia đình danh tướng Ông-Ích-Khiêm, chớ Nguyễn Công Trứ thì chưa hề thấy nói bị đày ra Quảng Nam.

Theo ông giáo Ph. thì chính ông cũng không rõ điều ấy và được các bậc tiền bối kể lại duyên do như sau:

Nguyên vào thời đó, không rõ vì

ý do gì mà Nguyễn Công Trứ phải ra phục vụ ở một cái đồn, tại Bờ Rén, thuộc địa phận Quế Sơn. Nơi đây, bây giờ vẫn còn di tích, gọi là chợ Đồn và nhiều người biết tiếng.

Nguyên đồn ấy được dựng nên cốt để làm gì thì không rõ. Nhưng theo địa thế thì đất ấy rất hiểm yếu, thời nào cũng có đồn có chốt. Có lẽ, một mặt đồn canh phòng đường cái quan đi qua tỉnh Quảng Nam vào Quảng Ngãi, một mặt canh phòng những đám giặc từ núi rừng Quế Sơn kéo xuống. Thung lũng Quế Sơn vốn rất quan trọng về mặt chiến lược quân sự. Ai chiếm được, có thể một mặt chế ngự Quảng Nam, mặt kia gây khó khăn cho vùng nay thuộc Quảng Tín. Lúc bấy giờ, ngoài lính tráng các nơi về làm việc, người ta còn gọi dân các vùng Quế Sơn, Duy Xuyên tới đắp lũy để chống giặc.

Nguyễn Công Trứ làm việc ở đó, và có gặp một người đàn bà họ Lê. Hình như cả hai cùng đi làm công tác lao động gặp nhau ở bờ sông Bà Rén rồi câu chuyện trao qua đổi lại, kèm theo miếng thuốc, miếng trầu. Chẳng mấy chốc mà họ trở nên thân mật. Bà họ Lê đã nấu cơm khoai, nước chè cho ông ăn uống. Cảm cái nghĩa đó, ông đã lưu lại cho bà một đứa con trai, chắc bà cũng biết cậu bé ấy thuộc về một giòng giống khác thường. Vì thời ấy, dù Nguyễn Công Trứ chỉ là một tên lính, nhưng chắc chắn không

mấy ai không mến mộ danh tiếng ông. Giọt máu rơi đó được đặt tên là Nguyễn Công Liên.

Thế rồi Nguyễn Công Trứ lại bất ngờ ra đi để hai mẹ con ở lại. Ông Nguyễn Công Liên về sau không hiểu đã nhờ văn hay võ mà cũng được dự vào hàng quan tước cao của triều đình và những con cháu của ông nay có nhiều người khá giả, có địa vị trong xã hội.

* *

Ông giáo Ph. cho tôi biết thêm là cha ông và chính cả ông cũng đều có về thăm làng tổ phụ. Ở đó, thấy nhà thờ tiêu điều, nhưng tộc họ còn đông. Ông có gặp một bà cô. Bà cho biết

là khi Nguyễn Công Trứ sắp chết có cho người trong nhà hay là ông còn một gia đình rơi rớt ở Quảng Nam, vợ là họ Lê. Những bà con sống trong làng không có vẻ gì phong phú. Cha con ông giáo Ph. lần lượt đưa một số giấy tờ, bằng sắc, ấn chỉ vào thờ ở Quảng Nam. Nhưng qua biến cố 1945, phần lớn đã bị thiêu hủy..

Đây là bà vợ thứ mấy ?

Chúng ta cũng đừng quên là Nguyễn Công Trứ có đến mười bốn bà, đó có lẽ còn chưa kể những thứ :

«Thuyền duyên ứ hự, anh hùng nhớ không ?»

NGUYỄN VĂN XUÂN

Tăng cường sinh lực bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

433-YTDP.Đ.

DÌ LUCIA

Ông xã trưởng đang nói với đồng bào ấp L.N. về tình hình đất nước, vấn đề hòa bình và ngưng bắn, và lập đi lập lại lập trường chống Cộng của chính phủ. Tôi đứng trên bục gỗ (chỗ tụ họp nói chuyện, học tập, thảo luận là một ngôi trường sơ cấp hai lớp, một phòng bị ngã sập, mái tôn thủng nhiều lỗ đạn loại lớn) tay chấp sau lưng, ngó ra ngoài khung cửa sổ lớn. Đây là lần thứ tư hay thứ năm gì đó, tôi quay mặt ra ngoài, qua khung cửa sổ.

Tôi nhìn ra vùng nắng chiều ngoài cánh đồng, có mấy con trâu đang đi dạo theo bờ ruộng hẹp. Tôi muốn nghĩ tới một chuyện khác hơn là cứ đề sự bức dọc ray rứt. Tôi chăm chú nhìn vào luồng nắng, nắng vàng, êm ả và mong manh quá. Tôi chợt nghĩ là từ khi vào lính, mặc vào người bộ áo quần đầy cộm này, tôi chưa có được một một dịp nào, để nhìn một chút nắng êm đềm như vậy, mà mơ tưởng tới một ước mơ nhỏ nhắn tầm thường cho đời sống mình. Tôi bận rộn, tôi ngờ ngác. Tôi bồn chồn. Bấy nhiêu tình cảm đó cũng đủ khiến tôi mệt trong hai mươi bốn giờ của một ngày.

☞ Bóng nắng hình như mỗi lúc một vàng vố, yếu ớt hơn. Tôi đoán có lẽ trời đầy mây. Mùa đông, tháng mười nắng vẫn được một màu vàng bạc buồn bã như vậy. Nếu là một người bệnh, nhìn màu nắng này,

chắc hẳn sẽ thấy nôn mửa, hay chệnh choáng. Chiều hôm qua dì Lucia hình như cũng đã nói một cảm tưởng tương tự như thế với tôi khi tôi tới thăm dì. Lúc tôi đẩy cánh cửa sổ sát chỗ dì nằm, dì đã kêu chóng mặt vì ánh nắng chiều chéch xuống.

Tôi nhớ dì Lucia bị bệnh từ thứ hai tuần trước. Buổi chiều chúng tôi đi chuyển từ chỗ công tác tới nhà thờ T.A. để nghỉ đêm, dì còn đứng ở cổng Cô nhi viện, nhìn băng qua ra cánh đồng, bầu trời lơ lửng mây trước mặt. Tôi tìm một chỗ để cởi bỏ súng đạn, ba lô xong, tiến lại phía dì. Tôi không ngờ tôi đã gặp một người nữ tu trẻ, và đẹp như dì Lucia. Chắc là tôi khó có thể tả lại được một vẻ đẹp như vẻ đẹp của dì Lucia, nhưng tôi có thể nói chắc một điều, xưa nay tôi chưa hề được gặp một người nữ nào có một vẻ đẹp, vừa quyến rũ, vừa thánh thiện như thế. Có lẽ nét hồn hậu, điềm tĩnh của dì, khiến tôi về sau này, thấy nhớ dì hơn.

Tôi đứng lại trước mặt dì Lucia :

—Thưa dì, buổi chiều chắc dì rảnh?
Dì Lucia nhìn tôi hơi ngạc nhiên :

— Chúng tôi ít khi rảnh lắm, hơn nữa, chúng tôi không muốn được rảnh rồi làm gì.

Tôi cười :

—Có lẽ dì khác với anh em chúng tôi nhiều. Chúng tôi mong được nghỉ,

cũng không được. Đi công tác thế này, buổi chiều, sau năm giờ, coi như được thư thả đôi chút.

Dì cười :

— Phải khác chứ.

Dì Lucia nhìn tôi thật chậm sau câu nói. Tôi thấy đôi mắt dì có nhiều điều thích thú. Tôi hút một hơi thuốc dài, nhìn xuống chút khói mỏng ở đầu điếu thuốc: «Thưa dì, phải khác, nhưng có lẽ cũng có một điểm nào đó giống nhau chứ dì?»

— Ông ví dụ như điểm nào?

— Chẳng hạn như chiều nay, dĩ nhiên cũng có một tình cảm buồn như tôi... đầu cho là mỗi người có một cái buồn khác.

— Không được. Tại sao ông biết tôi buồn?

— Tôi biết nhưng không thể nói được. Dì có đồng ý là có nhiều điều chúng ta biết, mà không thể diễn đạt, nói ra không?

Đôi mắt dì mở lớn:

— Tại sao vậy?

Tôi im lặng. Tiếng một đứa trẻ gọi dì Lucia ở dãy hành lang đầu. Dì vén tay áo, xem giờ, rồi hỏi: «Ông đóng ở đâu?»

— Thưa dì, tối nay chắc phải ngủ nhờ tại nhà thờ. Ngủ quanh hiên. Mấy đêm rồi ngủ canh đồn Đại Hàn bên kia, đêm đêm chúng bắn đại bác gọi là ơ ơ, ngủ không được.

Dì cười :

— Lúc nào rảnh, mời ông tới chơi,

giờ tôi phải đi chích thuốc, rồi lo tắm rửa, coi sóc chỗ ngủ cho lũ nhỏ.

Dì Lucia quay vào cổng viện. Bước đi vội vàng. Bước đi thoăn thoắt. Những bước chân dì đều có vội-vã, nó vẫn là những bước êm ái nhẹ nhàng như những bước chân chim. Chim sẻ. Thực sự là tôi ngỡ ngàng vì những bước chân dịu dàng đó. Tôi nhớ: «Lúc nào rảnh, mời ông tới chơi». Lời dì Lucia thốt lên tự nhiên ngọt ngào quá. Bây giờ tôi đã được rồi rảnh đây, tôi muốn được đi theo dì vào viện, tôi muốn được nhìn lại nụ cười ánh mắt ấm cúng hồn hậu của dì lúc này. Tôi búng mẩu thuốc xuống đất, quay nhìn vào phía trong viện, những bóng áo chùng đen, những bóng áo dài trắng, thấp thoáng trong các dãy hành lang sâu lòa nhòa bóng tối. Tự nhiên tôi đi ngược trở lại ngôi nhà thờ. Buổi chiều âm u. Có lẽ đêm nay sẽ có một cơn mưa lớn.

Qua hệ thống liên lạc của trung đội nghĩa quân trú đóng gần căn nhà được mượn tạm dùng làm trụ sở xã, tôi nói chuyện với ông Loan Bích. Tôi trình bày cùng ông tình hình an ninh của xã, về mấy ông nhân dân tự vệ, về phương tiện và sức khỏe của toán công tác và xin được tạm nghỉ đêm ở một tọa độ khác. Ông ta vui vẻ chấp thuận lời đề nghị của tôi, kêu tôi cho một tọa độ chính xác, để có thể yểm trợ nếu có việc gì xảy ra. Tôi giờ bản đồ, đọc tọa độ mới, tọa độ của ngôi nhà thờ chúng tôi đã nghỉ tối hôm trước. Ông Loan Bích hỏi: «Báo cáo

trong ngày anh có gặp trở ngại nào không ?» Tôi đáp : « Thưa Thiếu tá, không có gì », và đặt ống liền hợp xuống.

Suốt ngày nay, chúng tôi đã theo trung đội nghĩa quân, nhân dân tự vệ, cảnh sát xã, đến ấp X.M, một ấp được ghi nhận tình trạng an ninh yếu kém nhất của xã. Theo sự lưu ý của ông cuộc trưởng, tôi nhìn thấy bất cứ ngôi nhà nào của ấp này cũng có một chiếc bàn thờ, nhang đèn nghi ngút. Dân cư thưa thớt, từng ngôi nhà rải rác, vườn tược hoang vắng, tôi chỉ gặp được toàn đàn bà, con nít và ông già. Tất cả họ đều có vẻ sợ hãi, nghèo khó, và tội nghiệp. Sống ở đây, tôi biết họ phải gánh lấy nhiều điều đau lòng, nhưng tôi biết làm sao hơn, khi tôi chỉ ở lại với họ một ngày, chỉ có nhiệm vụ giải thích, loan báo cho họ về một ngày ngưng bắn hay hòa bình sắp tới. Tôi không được làm gì khác, và tôi cũng không có đủ quyền để làm khác : Tôi cũng đã cầu nguyện hòa bình, yên ổn như họ. Tôi chỉ biết cùng họ ước mong rằng thù hận, và máu lửa, thôi không còn kéo dài, tiếp diễn trên quê hương này nữa mà thôi. Hình ảnh kham khổ của họ đã cho tôi nhìn thấy rõ chiến tranh, thù hận, là một điều đáng ghê tởm, và đáng nguyên rủa nhất. Có bao giờ, những người chủ chiến nhìn thấy được những nét mặt, những đời sống cùng khổ này không ? .

Tôi được Soeur Thérèse cho hay, dì Lucia đang nằm trong phòng, cuối dãy nhà, vì bệnh nặng. Tôi xin phép

Soeur được tới thăm dì Lucia. Soeur do dự một lúc, nhìn tôi có vẻ ngạc nhiên, rồi cười khỏ lấp : « Ông vào xin Bề Trên. Có lẽ Bề Trên sẽ cho phép ». Tôi ngập ngừng, chưa nói được gì thì Soeur đã bước đi. Tiếng lữ trẻ ồn ào cười nói phía sau khu nhà giữa. Tôi bước dần ra phía sau, nghĩ tôi có thể lên Bề Trên tới thăm dì Lucia một chút cũng không hề gì. Tôi chắc tôi sẽ không làm một điều gì có tội khi thăm một người bệnh.

Dì Lucia kêu lên :

— Ông, làm sao ông biết tôi nằm ở đây ?

Tôi cười :

— Hỏi thăm, thưa dì.

Dì ngồi dậy, hai chân xếp trên nệm, dáng bình thản ;

— Ông hỏi thăm ai ?

— Thưa, dì Thérèse.

Tôi thoáng thấy trên nét mặt dì Lucia hiện lên một chút lo lắng, hay một chút gì bàng hoàng. Dì cúi đầu nhìn xuống tấm drap trắng phủ nệm, im lặng, khó xử. Tôi đẩy cánh cửa sổ cạnh giường của dì, ánh nắng chiều chiếu chếch vào chỗ dì ngồi. Dì Lucia ngẩng lên, nói nắng chiều buồn quá. Nó làm người bệnh chóng mặt. Lúc tôi định kéo khép cánh cửa lại, thì dì cười, nói thôi, để vậy cho sáng sủa. Tôi khuyên dì nên để cửa cho quen, đau bệnh mà thiếu ánh sáng, có lẽ dì sẽ khó khỏi. Dì cho tôi hay dì bị sốt đột ngột, từ nửa đêm hôm qua. Con sốt nóng kéo dài tới ba, bốn giờ sáng, rồi dì bị rét. Bây giờ, đã khỏe rồi,

nhưng Bề Trên chưa cho phép rời khỏi phòng. Tôi cũng kể cho dì Lucia nghe mấy ngày công tác vừa qua của tôi, những chiếc bàn thờ hương khói nghi ngút, những chiếc hầm bí mật, những nét mặt nhăn nhó của đám người tôi được gặp, và sau cùng là ước mơ của tôi về một ngày hòa bình được trở về dạy học, được vun xới một mảnh vườn, được viết những điều muốn viết.

Dì Lucia tươi cười :

— Ông ước mơ nhiều quá.

Tôi hút một hơi thuốc, cười theo dì :

— Đâu có gì là nhiều, thưa dì. Sống như tôi mà không có hy vọng, ước mơ, thì khổ chết.

Dì hỏi :

— Vậy ông có tin được như vậy không ?

Tôi đáp :

— Dĩ nhiên là phải tin. Tôi cầu nguyện luôn.

— Tôi cũng cầu nguyện cho ông.

— Được vậy thì điểm phúc cho tôi quá. Xin dì hãy cầu nguyện cho tôi.

Dì nhìn tôi xúc động. Đôi mắt dì chột sáng lạ thường. Trong tia sáng của đôi mắt dì Lucia, tôi mơ hồ đã gặp, đã thấy được ở đâu đó. Tôi nhìn dì, im lặng. Chúng tôi ngồi im lặng. Tôi nghe rõ tiếng chim sẻ kêu dọc theo mái hiên ngói, phía ngoài hành lang. Buổi chiều đã xuống thật thấp.

* *

Tiếng vỗ tay nổi lên. Tôi quay phắt

lại, thấy mọi người nhìn tôi, Ông xã trưởng nhường lời cho tôi. Tôi tiếp tục kêu gọi bà con nêu ý kiến, thắc mắc. Tôi lặp lại lời hứa là sẽ lấy sự thành thực, lấy sự suy nghĩ chân xác để trả lời. Tôi không là cán bộ tuyên truyền, nhưng là một người trẻ biết trách nhiệm với quê hương, còn tin tưởng và hy vọng để xây dựng. Chính chúng ta phải xây dựng xứ sở của chúng ta chứ không ai khác, sau ngày ngưng bắn và hòa bình.

Chúng tôi đi từ già mấy gia đình cạnh đó, rồi trở về xã. Đây là ngày công tác cuối cùng của chúng tôi, ngày mai trở lại chi khu, nhận lãnh công tác ở xã khác. Tôi nôn nao chờ xe để trở lại ngôi nhà thờ. Trong đầu tôi, hình ảnh dì Lucia đứng ở cổng Cô nhi viện, bóng áo trắng lẻ loi, đôi mắt xa vời buồn bã, như lúc nào cũng khiến tôi nao nức, hoang mang. Trong giấc ngủ muộn màng đêm khuya, tôi vẫn thường mơ thấy dì Lucia đứng đó, trước cánh cửa sắt, bờ tường rêu đen chạy dài theo con lộ vắng vẻ. Từ ngày gặp dì Lucia, tôi thường tự hỏi, tôi có còn dịp nào gặp lại được dì sau này chẳng ? Dì đã nói : « Xa đây, chắc ông không còn dịp nào gặp tôi nữa đâu. Tôi cũng sắp đi nơi khác rồi. »

Tôi đến nhà thờ thì anh em đã treo võng nằm hút thuốc, nói chuyện, rải rác dọc bờ rào. Tôi vội vã cời bỏ súng đạn, nói với mấy người bạn là đi thăm dì Lucia lần chót. Họ cười. « Còn ngày nào ở đây, ông còn nói đi thăm dì Lucia ngày đó mà », một người bạn nói.

Tôi cười :

— Ở đây hay ở đâu, chắc tôi phải đi thăm dì Lucia mỗi ngày.

Tôi rời họ ngay để tránh những câu nói đùa cợt, khó lòng ngăn cản. Thực sự là họ đoán đúng : Tôi đã yêu dì Lucia. Điều đó hẳn dì Lucia cũng nghiệm thấy. Phần tôi, tôi chưa thể đoán biết rằng dì có nghĩ gì về tôi, có giống như tôi đã yêu và nhớ dì ngay trong những giấc ngủ. Tôi chỉ thấy dì thực vui khi gần tôi, nói chuyện, và dì trầm lặng khi nghe tôi từ giã. Tôi đọc được ở đôi mắt dì nhiều hơn là lời nói. Đôi mắt ấy thực tinh khiết và nồng nàn.

Dì Lucia hỏi :

— Như vậy là sáng sớm ngày mai ông đi rồi phải không ?

Tôi lập lại :

— Thưa dì, sáng sớm ngày mai.

Dì cười :

— Máy ông khờ nhỉ ?

Tôi ngược nhìn dì :

— Khờ nhiều chuyện lắm dì ạ.

— Tôi biết.

— Dì có buồn không ?

Dì Lucia ngập ngừng :

— Tôi cũng là một con Người.

Chúng tôi đi dọc theo bờ tường, phía trong, dưới những hàng bạc hà cao. Cánh đồng phía trước im vắng. Khu nhà nguyện chưa có bóng người. Dì Lucia lặng lẽ hơn sau câu nói, như một lời tự thú, một câu giải bày giản dị nhưng quá khó với dì lúc này. Tôi nghe tôi bàng hoàng. Nếu dì Lucia không cầm xâu chuỗi trên tay, không mặc bộ áo choàng trắng, không còn vương bận tới những lời khẩn trước đức Chúa để hiến dâng trọn đời dì, thì tôi đã nói thực với dì rằng tôi đã yêu dì như một mệnh số. Tôi không thể quên dì. Và ước mơ của tôi, sau cùng, là được gần dì mãi như chiều nay. Nhưng dì Lucia đã quay lại hỏi : «Giáng-sinh này ông ở đâu ?»

— Thưa dì chưa rõ được.

Dì Lucia cười :

— Tôi hỏi để coi ông có thể tới vui với mấy em ở đây không ?

Tôi quả quyết :

— Tôi sẽ tới, thưa dì. Chắc là ở đâu tôi cũng sẽ về đây, ngày Giáng-Sinh... Dì hãy cầu nguyện cho tôi còn sống để trở lại.

MANG VIÊN LONG

TIN MỪNG

Được thiệp báo tin Ông ĐẶNG VŨ LƯỢNG ở 121/8 Ngô Tùng Châu Saigon, sẽ làm lễ vu quy cho Trưởng nữ là ĐẶNG BẢO AN cùng cậu LƯU VĂN TUẤN.

Xin thành thực mừng ông ĐẶNG VŨ LƯỢNG và chúc hai cháu trăm năm hạnh phúc.

Ông Bà LÊ NGÔ CHÂU, NGUYỄN VINH QUANG

THỜI SỰ KHOA HỌC

Apollo 17, giã từ chị Hằng.

Chuyến bay cuối cùng của chương trình Apollo như thế là đã thành công mỹ mãn. Hơn thế nữa, nó còn là chuyến bay hoàn hảo nhất về phương diện kỹ thuật và đạt được những khám phá quan trọng nhất về phương diện địa-chất-học.

Lần này phi-thuyền mẹ đã được đặt tên là America và phi thuyền đồ bộ là Challenger : Phi-hành-gia Evans đã ở lại trên phi-thuyền mẹ trong lúc hai bạn đồng-hành là Cernan và Schmitt theo phi-thuyền Challenger đáp xuống đất chị Hằng. Nơi đáp xuống đúng như đã dự định trong chương-trình, cạnh hố Camelot trong thung-lũng Taurus Zittrow và không gặp một khó khăn đáng kể nào. Phi-hành-gia Schmitt tỏ vẻ xúc động hơn cả vì ông thực ra không phải là một phi-công chuyên-nghiệp. Ông là một nhà địa-chất-học của đại-học-đường Harvard và bây giờ là Khoa-học-gia đầu tiên được làm phi-hành-gia của chương-trình Apollo đáp xuống mặt trăng để nghiên cứu tận nơi các bí ẩn của chị Hằng. Trong năm chuyến bay trước, mặc dầu biết bao mẫu đất quý giá được đem về, chị Hằng vẫn còn rất nhiều điều khó hiểu. Bởi vậy chuyến bay cuối cùng này người ta muốn một chuyên-gia có khả-năng chuyên môn cao để có thể có những nhận định xác thực hơn. Và quả trời đã chiều lòng người ! Dịp may đến cho Schmitt khi ông trở về phi thuyền Challenger cùng

với Cernay trong chuyến thám hiểm ngoài phi-thuyền lần thứ hai. Cạnh dãy đồi núi South Massif ông đã nhìn thấy trên bờ một hố nhỏ tên Shorty một lớp đất màu cam, nổi bật trên nền đất xám tro của Nguyệt-cầu. Sự kiện này thật quan trọng. Trong cảm tưởng đầu tiên của nhà địa-chất, học Schmitt, cũng như của nhiều nhà chuyên môn khác đang theo dõi hoạt động của ông trên màn ảnh ở trái đất, thì nó chứng tỏ đã có sự hoạt động của núi lửa trên Nguyệt cầu cũng như sự hiện diện của nước trên hành-tinh này.

Cả hai phi-hành-gia đều bận rộn hoạt động quá sức nên số lượng dưỡng-khí đem theo mỗi lần ra ngoài phi-thuyền hết một cách mau chóng. Họ bắt buộc phải giảm bớt số giờ hoạt động ngoài phi-thuyền đi khá nhiều. Tuy vậy hình ảnh màu mà máy truyền hình đặt ở Nguyệt-xa truyền về trái đất lần này thật là tuyệt-bảo : rõ ràng và trung thực hơn hẳn các chuyến bay trước.

Cuối cùng giây phút giã từ chị Hằng cũng phải đến. Cernan để lại ở chân từng cuối của phi thuyền Challenger một tấm bảng kỷ niệm có mang chữ ký của ba phi-hành-gia Apollo 17 và của Tổng Thống Hoa-kỳ Richard Nixon. Tấm bảng có nội dung như sau : « Nơi đây con người đã hoàn tất những cuộc thám hiểm đầu tiên trên Nguyệt-cầu — Tháng Chạp năm 1972 sau Thiên-Chúa giáng-sinh. Tinh-thần hòa-bình mà chúng tôi đem đến phản ánh cuộc sống của toàn thể nhân loại ».

TỬ DIỆP

THỜI SỰ VĂN NGHỆ

Văn-chương Việt-Nam ở ngoại quốc

Tháng 11 vừa qua, hai nhà văn Việt Nam được Trung-tâm Văn-hóa Thái-bình-dương (ASPAC) tuyển chọn hai truyện ngắn; *Giấc ngủ chập chờn* của Nhật Tiến và *Những ngày cạn sữa* của Minh Quân (« Những ngày cạn sữa » đã được Giải Nhất về truyện ngắn năm 64-65 của: Hội Bút Việt và cũng vừa được nhà Trí Đăng tái bản)

Cả hai truyện kể trên đều do ông Lê văn Hoàn dịch ra Anh-ngữ và do Hội Bút Việt in trong một Tuyển tập Thơ và Truyện ngắn (Poems and Short Stories) xuất bản năm 1966 với mục đích giới thiệu các cây bút V.N. cùng các nước bạn. Tuyển tập này gồm nhiều thơ và truyện của các cây bút quen thuộc như: Vũ Hoàng Chương, Tuệ Mai, Huy Lực, Minh Đức, Bình Nguyên Lộc, Võ Phiến, Linh Bảo, Vũ Hạnh, Nhật Tiến, Minh Quân.

Hai truyện được tuyển chọn đây đem lại tác quyền cho mỗi tác giả khoảng trên hai chục ngàn (22.250\$).

Văn chương Việt-nam ở trong nước

Mỗi năm Trung tâm Văn bút Việt-nam đều có treo một giải thưởng văn chương, có năm về Truyện, có năm về Thơ, về Biên khảo, Phóng sự. Năm ngoái về Sân khấu (do cô Kim-Cương lãnh giải) năm nay về Hồi ký. Theo tin tức mới nhất thì giải Hồi ký của Trung tâm Văn bút V.N được trao cho

tác phẩm « *Chứng nhân một chế độ* » của ông Huỳnh-văn-Lang, nguyên Chủ nhiệm sáng lập Tạp-chí Bách-Khoa từ năm 1957 đến năm 1964 và Chủ-tịch sáng lập Hội Văn hóa Bình dân. Tập Hồi-ký này được Hội đồng tuyển trạch của T.T.V.B.V.N. — gồm có các ông: Vi-huyền-Đắc, Tam-Lang, Vũ-đình-Chí, Bình-nguyên-Lộc, Vũ-Hạnh, Nhật-Tiến — xác nhận có kiến thức và tài liệu lịch sử và đã đạt số phiếu tối đa. Về tư cách chứng nhân của chế độ Ngô-đình-Diệm, ông Huỳnh-văn-Lang ngoài chức vụ Tổng Giám đốc Viện Hối đoái (từ 1955 đến 1962), còn là Bí thư Liên-kỳ-bộ Nam Bắc Việt Đảng Cần lao (từ năm 1955 đến 1958), Hội viên Hội đồng Tối cao Tiền tệ và Tín dụng, nên cuộc đời công vụ của ông đã gắn liền với nhiều vấn đề lớn lao của chế độ ấy, mãi cho đến năm 1962 là năm ông bị Chính phủ Đệ nhất Cộng-hòa cắt chức vì lý do chính trị.

Hội đồng tuyển trạch còn cho biết là vì T.T.V.B.V.N chỉ dành có một giải duy nhất nên có nhiều tác phẩm giá trị của những vị có uy tín khác dù không hội đủ yếu tố để được chọn lựa nhưng Hội đồng đã đề nghị Ban Thường vụ T.T.V.B.V.N. nên tìm một hình thức cổ võ tinh thần (giấy khen tặng, Bằng danh dự v.v...) ít nhất là 3 tác phẩm hồi ký khác của các nhân vật tên tuổi ở các thế-hệ khác nhau đã đóng góp được nhiều tài liệu sống động hữu ích về các thời đại.

THU THỦY

MỤC-LỤC THEO BỘ MÔN CỦA BÁCH KHOA

Từ số 373 đến số 384, từ tháng 7 đến tháng 12 năm 1972 (*)

Sự sắp xếp theo bộ môn dưới đây chỉ có tính cách hướng dẫn, giúp bạn đọc dễ tra cứu, bởi vậy nếu có những sai lầm trong sự phân loại, cũng mong bạn đọc lượng thứ cho

ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số tạp chí	Trang
BIÊN KHẢO-NGHI LUẬN			
<u>CHÍNH TRỊ</u>			
— Kế hoạch thống nhất đất nước của C.S. Việt	Phạm Chi Lăng	373	09
— Hàn quốc	Từ Minh	374	09
— Viễn tượng bầu cử T.T. tại Hoa kỳ	— id —	375	09
— An ninh Âu châu dưới mắt Nga.sô	— id —	376	20
— Nhật bản...	— id —	377	13
— Thế vận hội...	— id —	378	17
— Phi luật tân giữa C.S và độc tài	— id —	379	12
— Cuộc Hoa du của Thủ tướng Nhật Tanaka	— id —	379	53
— Bầu cử T.T. tại Hoa kỳ	— id —	380	09
— Phân tích kết quả bầu cử tại Hoa kỳ	— id —	382	09
— Hội nghị an ninh Âu-châu	— id —	384	09
— Đông Đức và chính sách hòa giải Đông Tây	Việt Phương	373	41
— Quốc hội kỳ 4 của Miền Bắc	— id —	374	15
— Mao Trạch Đông và Lưu Thiệu kỳ	— id —	375	14
— id —	— id —	376	13
<u>DÂN TỘC HỌC</u>			
— Sắc tộc Jeh	Dohamide	380	19
— Sọ và máu	Bình Nguyên Lộc	380	29
— Người Thượng trang nghiêm	Võ Phiến	373	15
— Anh Bình Định	— id —	374	20
— Đất của con người	— id —	376	09

(*) Bách Khoa số 373	(15-7-72)	Bách Khoa số 379	(15-10-72)
Bách Khoa số 374	(01-8-72)	Bách Khoa số 380	(01-11-72)
Bách Khoa số 375	(15-8-72)	Bách Khoa số 381	(15-11-72)
Bách Khoa số 376	(01-9-72)	Bách Khoa số 382	(01-12-72)
Bách Khoa số 377	(15-9-72)	Bách Khoa số 383	(15-12-72)
Bách Khoa số 378	(01-10-72)	Bách Khoa số 384	(01-01-73)

ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số tạp chí	Trang
— Rụp, rụp...	Võ Phiến	377	35
— Xem tướng nhà	— id —	379	09
— Ăn uống sự thường	— id —	380	15
— Mẹ bằng con	— id —	382	33
— Góp ý kiến về «Mẹ bằng con»	Toan Ánh	384	43
<u>GIÁO DỤC</u>			
— Nhà giáo họ Khổng	Nguyễn Hiến Lê	377	23
— id —	— id —	378	29
— id —	— id —	379	23
— Số phận môn Quốc văn	Huỳnh Phan	374	39
<u>KHOA HỌC</u>			
— Một vài nhà tiên phong trong ngành giải phẫu	Phạm văn Lương	375	27
— Văn hóa và y khoa	Trần ngọc Ninh	374	43
— Tân Toán học ở nước ta	Đoàn Nhật Tấn	373	27
— id —	— id —	374	23
— Tân Toán học cho tuổi tiền-học-đường	— id —	377	18
— id —	— id —	378	23
— Tác kè	Trần văn Tích	379	39
— Tương lai ngành y khoa phục hồi	Ngô Thế Vinh	379	31
— Chất tạo keo	Võ quang Yến	376	39
<u>NGHỆ THUẬT</u>			
— Máy lời kết thúc	G.E. Gauthier	375	37
— Tri ân người tri âm	Phạm Duy	376	53
— Vài cảm nghĩ về loạt bài của Gauthier	Lê Hồng Yên	377	45
<u>NGÔN-NGỮ-HỌC</u>			
— Danh từ mới của Trung Hoa	Bình Nguyên Lộc	375	45
— Kết luận việc sáng tác danh từ	— id —	377	29
— Hai tiếng « Cái » và « Con »...	Trần Ngọc Ninh	373	19
— id —	— id —	374	29
— id —	— id —	375	19
— id —	— id —	376	23
— Bệnh tật và chữ nghĩa	Võ Phiến	375	23
— Thành tích trên đầu lưỡi	— id —	378	37

ĐỀ MỤC SẮP THEO BÔ MÔN	TÁC GIẢ	Số tập chí	Trang
<u>SỬ ĐỊA</u>			
— Lịch sử và kinh tế	Will Durant	380	23
— Lịch sử và Chiến tranh	— id —	383	23
— Lạc và Việt	Bình Nguyên Lộc	382	41
— id —	— id —	383	39
— Sa-kê	Võ Phiến	384	19
— Cộng-hòa Tân-gia-ba	Trần Kim Thạch	380	39
— Hội học Tây Sơn	Tạ Chí Đại Trường	376	31
— Giai thoại một thời :Phan C Trinh	Nguyễn v Xuân	379	45
— Ông Hiền Lân và trận Trà kiêu	— id —	380	35
— Đồi hia	— id —	382	47
— Giọt máu rơi của Nguyễn C. Trứ	— id —	384	65
<u>TIÊU SỬ DANH NHÂN</u>			
— Léonid Brejnev	Từ Minh	373	49
— Tướng Oufkir ở Maroc	— id —	378	41
— Mc Govern và Sargent Shriver	— id —	381	77
— Ngày trở về của Juan Péron	— id —	383	55
— Vài nhận xét về Lê văn Viễn	Hồ Hữu Tường	379	18
<u>TÔN GIÁO</u>			
— Đạo Phật và sự sống	Thích Nhất Hạnh	383	09
— id —	— id —	384	23
<u>VĂN HỌC, VĂN HÓA</u>			
— «Dã sử» hay «Đại Nam Đồng văn nhật báo»	Nguyễn Thiếu Dũng	377	39
— Trường hợp «Lĩnh Nam Dật Sử»	— id —	383	31
— Hai nàng Thúy Kiều	Vũ Hạnh	381	37
— Khách viễn phương, người là ai ?	— id —	381	42
— Cụ Nghè Mai ..	Vũ văn Kính	381	51
— Vụ án «Đạo văn»	Thanh Lăng	377	09
— Văn hóa và y khoa	Trần Ngọc Ninh	374	43
— Ý nghĩa truyện Kiều trong dân gian	— id —	381	13
— id —	— id —	382	23
— Văn đọc, văn xem	Võ Phiến	381	53
— Mưa và thơ	— id —	383	45
— Những phát giác kỳ dị về cuốn «Chinh phụ ngâm diễn-âm tân-khúc».	Vũ Tiến Phúc	384	33

ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số tập chí	Trang
Trăng trên doanh trại	Mường Mản	382	63
Mưa đầu mùa	Đào Trường Phúc	380	55
Giọt lệ cho người	Hồ thị Dư Tâm	378	49
Bóng tháp	Trần Hoài Thứ	373	61
— id —	— id —	374	57
Hoa khế	— id —	382	55
Dì Lucia	Mang Viên Long	384	67
 TRUYỆN DÀI			
Vào đời	Nguyễn Mộng Giác	từ số 374 đến số 379	
 THƠ			
Quảng Trị xưa nào Quảng Trị chừ đây	Trần Lưu An	383	65
Tào khê nước chảy	Trần Huyền Ân	378	66
Hỏi làm chi	Vũ Hoàng Chương	376	71
Hỏi ai người khóc ?	— id —	381	63
Thơ chữ Hán (4 bài)	Nguyễn Du	381	64
Trên đường về Lâm Đồng	Vũ Hữu Định	380	67
Em theo đoàn lưu dân	Lan Huệ Em	377	68
Lục bát	Trần Vạn Giả	378	65
Ngày ở trại tiếp cư Đà Nẵng	Phạm Tấn Hầu	380	67
Nhớ một phương	Cao Trường Huy	380	66
Mây chiều	Võ văn Lê	374	55
Sương khói ngậm ngùi	— id —	377	68
Mùa thu trên đồi	— id —	383	64
Một sớm mai về	Tường Linh	375	64
Ôi Trần Tế Xương ; Phượng	Vũ Phan Long	380	68
Được tin người yêu cũ tản cư	Hoàng Lộc	376	72
Thư gửi vị hôn thê không cưới được	— id —	379	69
Thư cho người	Trần Dza Lữ	383	66
Quán tản cư	Lê Nguyên Ngữ	378	64
Vẫn niềm ao ước đó	Huỳnh Kim Sơn	374	54
Ta cũng nhớ	— id —	377	69
Em gái hồi cư	Đông Trình	375	65
Trở về	Tạ Ty	379	68
Hãy cho tôi	— id —	383	63

ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số tạp chí	Trang
— Tiếng đàn của Kiều	Doãn quốc Sĩ	381	45
— Nghệ thuật «Vang và Bóng» trong truyện Kiều	Bùi Hữu Sùng	381	23
— Quan niệm «Chữ để ra chữ»	— id —	383	17
— id —	— id —	384	51
— Những vấn đề về phê bình cũ và mới	Nguyễn văn Trung	381	09
— id —	— id —	382	14
— Một gia phả của dòng Nguyễn Đình Chiểu	Hồ Hữu Tường	382	37
— Vì tên đúng của Sương Nguyệt Anh	— id —	384	15
— Người cầm bút từ 1954 đến 1972	Phạm Việt Tuyền	378	09
LINH TINH			
— Kinh nghiệm tập Yoga	Xuân Quang	373	35
— Trả lời các bạn hỏi về Yoga	— id —	380	49
— Trả lời ô. Nguyễn Bạt Tụy	Trần Kim Thạch	376	45
— Viên đồ cho Đông-y	Hồ Hữu Tường	383	51

VĂN NGHỆ

ĐÀM THOẠI PHÒNG VẤN

P.V Linh Mục Thanh Lãng	Bách Khoa	377	09
P.V Phạm Thiên Thư	— id —	381	71
P.V Gs. Nguyễn văn Trung	— id —	381	09
— id —	— id —	382	14

TÙY BÚT — HỒI KÝ — BÚT KÝ

Qua phá Tam Giang	Phạm văn Bình	375	49
Ba tiếng đứt ruột	Vũ Hoàng Chương	382	51
Buổi họp bất thường	— id —	384	47
Một ngày ở Trị Thiên	Nguy Ngừ	376	59

TRUYỆN NGẮN

Trong vườn	Hoàng Chu Ân	378	71
Trong tầm lửa đạn : Quê nhà	Nguyễn Mộng Giác	373	55
— id — : Mai sau	— id —	374	51
Chuyển mùa	Mường Mán	377	59